



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS  
VINALINK  
VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY  
Số/No: 190/2025/TM/VNL-HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025  
HCMC, 25th March 2025

**THƯ MỜI HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
**INVITATION LETTER**  
**TO THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2025**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Logistics Vinalink  
*Dear: Shareholders of Vinalink Logistics Joint Stock Company*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics Vinalink xin trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

*The Board of Directors of Vinalink Logistics Joint Stock Company would like to respectfully announce and invite shareholders to attend the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.*

1. Thời gian họp: 09:00, ngày 17/04/2025 (thứ Năm).

*Meeting time: 09:00, April 17, 2025 (Thursday).*

2. Địa điểm họp: Sảnh Grand Ballroom, Tầng 1, Khách sạn Eastin Grand Saigon, 253 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Meeting Location: Grand Ballroom, 1st Floor, Eastin Grand Saigon Hotel, 253 Nguyen Van Troi Street, Ward 10, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, Vietnam*

3. Thành phần tham dự: Các cổ đông và đại diện của cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink được xác định theo danh sách chốt vào ngày 19/03/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban giám đốc.

*Participants: Shareholders and representatives of shareholders owning shares of Vinalink Logistics Joint Stock Company determined according to the list finalized on March 19, 2025 provided by Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation; Board of Directors; Supervisory Board; Board of Management.*

4. Nội dung họp:

*Meeting Agenda:*

o Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 & kế hoạch kinh doanh năm 2025.

*Report from the Board of Directors on the business results for 2024 & the business plan for 2025.*

o Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2024 & phương hướng nhiệm vụ năm 2025.

*Report from the Board of Supervisors for 2024 & the direction of tasks for 2025.*

o Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

*Report from the Supervisory Board at the Annual General Meeting of Shareholders 2025.*

o Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

*Audited financial report for 2024.*

o Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.

*Profit distribution plan for 2024.*

Trụ sở chính/Address: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam

Điện thoại/Phone: 028 3991 9259 – MST/Tax Code: 0301776205

Email: [headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com) - Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)

- o Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025.  
*Operating fund of the Board of Directors and the Supervisory Board for 2025.*
- o Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.  
*Selection of the auditing unit for the financial report for 2025.*
- o Giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan.  
*Transactions between the Company and related parties.*
- o Các vấn đề khác có liên quan.  
*Other relevant issues.*

5. Tài liệu họp được đăng tải trên website của Công ty [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com) tại mục Cổ đông và Tin Vinalink từ ngày 26/03/2025.

*Meeting documents are posted on the Company's website [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com) in the Shareholders and Vinalink News sections from March 26, 2025.*

6. Để việc tổ chức Đại hội được chu đáo, rất mong Quý cổ đông tham dự Đại hội vui lòng gửi Giấy đăng ký tham dự hoặc Giấy ủy quyền tham dự theo mẫu được gửi kèm theo Thư mời này đến Công ty trước 12:00 ngày 16/04/2025. Quý cổ đông có thể xác nhận trực tiếp, gọi điện thoại, email hoặc gửi thư qua đường bưu điện đến:

*In order to organize the Congress thoughtfully, we hope that shareholders attending the Congress will please send the Registration Form or Authorization Form according to the form attached to this Invitation to the Company before 12:00 on April 16, 2025. Shareholders can confirm directly, call, email or send a letter by post to:*

- Công ty Cổ phần Logistics Vinalink  
*Vinalink Logistics Joint Stock Company*
- Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
*Address: 226/2 Le Van Sy, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam*
- Liên hệ/Contact: Ms. Hồng Vân
- ĐT/ Phone: 028 3991 9259 (Ext. 738) - 0909950945
- Email: [thukv@vinalinklogistics.com](mailto:thukv@vinalinklogistics.com)

7. Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền khi đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo bản chính CMND/CCCD/Hộ chiếu, Giấy ủy quyền tham dự để làm thủ tục dự họp.

*Shareholders or authorized persons attending the General Meeting must bring the original ID card/CCCD/Passport and Authorization Letter to complete the meeting procedures.*

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông.

*We are honored to welcome our esteemed shareholders.*

Trân trọng.

*Best regards.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**O/B THE BOARD OF DIRECTORS**  
**CHỦ TỊCH**  
**CHAIRMAN**



*(Signature)*  
Nguyễn Nam Tiến

Trụ sở chính/Address: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam

Điện thoại/Phone: 028 3991 9259 – MST/Tax Code: 0301776205

Email: [headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com) - Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)

**GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ**  
**REGISTRATION FORM FOR ATTENDING**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VINALINK NĂM 2025**  
**THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF VINALINK IN**  
**2025**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics Vinalink  
*To: The Board of Directors of Vinalink Logistics Joint Stock Company*

Tôi tên là / My name is: \_\_\_\_\_

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNĐKDN  
*ID/Passport/Business Registration Certificate Number:* \_\_\_\_\_

Ngày cấp/ *Date of issue:* \_\_\_\_\_

Nơi cấp/ *Place of issue:* \_\_\_\_\_

Địa chỉ/*Address:* \_\_\_\_\_

Điện thoại/*Tel:* \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_

Đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Vinalink năm 2025, với tổng số cổ phần đại diện là: \_\_\_\_\_ cổ phần. Trong đó:

*I register to attend the Annual General Meeting of Shareholders of Vinalink in 2025, representing a total of: \_\_\_\_\_ shares. In which:*

- Số cổ phần sở hữu/*Number of shares owned:* \_\_\_\_\_ cổ phần/*shares.*
- Số cổ phần được ủy quyền/*Number of authorized shares:* \_\_\_\_\_ cổ phần/*shares.*

(Gửi kèm theo đây là \_\_\_\_\_ Giấy ủy quyền tham dự của các cổ đông khác).

(*Attached is \_\_\_\_\_ The Power of Attorney from other shareholders.*)

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội.

*I commit to comply with the regulations of the meeting.*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2025

HCMC, day      month      year 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

**REGISTRANT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)  
(*Signature, full name, and seal - if applicable*)

Trụ sở chính/Address: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam

Điện thoại/Phone: 028 3991 9259 – MST/Tax Code: 0301776205

Email: [headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com) - Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)

**GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ**  
**POWER OF ATTORNEY FOR ATTENDING**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VINALINK NĂM 2025**  
**THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF VINALINK**  
**IN 2025**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics Vinalink

*To: The Board of Directors of Vinalink Logistics Joint Stock Company*

**1. Bên ủy quyền/Principal (Grantor):**

Ông/Bà/Tổ chức / Mr./Ms./Organization: \_\_\_\_\_

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN/ ID/Passport/Business Registration Certificate  
Number: \_\_\_\_\_

Ngày cấp/ Date of issue: \_\_\_\_\_ Nơi cấp/ Place of issue: \_\_\_\_\_

Địa chỉ/Address: \_\_\_\_\_

Điện thoại/Tel: \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_

Hiện đang sở hữu / Currently owns: \_\_\_\_\_ cổ phần của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink/ shares of Vinalink Logistics Joint Stock Company.

**2. Bên nhận ủy quyền / Agent (Attorney):**

Ông/Bà/Tổ chức / Mr./Ms./Organization: \_\_\_\_\_

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN/ ID/Passport/Business Registration Certificate  
Number: \_\_\_\_\_

Ngày cấp/ Date of issue: \_\_\_\_\_ Nơi cấp/ Place of issue: \_\_\_\_\_

Địa chỉ/ Address: \_\_\_\_\_

Điện thoại Tel: \_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_

Hoặc ủy quyền cho/ Or authorized to:

+ Ông **Nguyễn Nam Tiến**, Chủ tịch Hội đồng quản trị ☐

*Mr. Nguyen Nam Tien, Chairman of the Board of Directors*

+ Ông **Vũ Quốc Bảo**, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ☐

*Mr. Vu Quoc Bao, Member of the Board of Directors, CEO*

+ Ông **Vũ Thế Đức**, Thành viên Hội đồng quản trị ☐

*Mr. Vu The Duc, Member of the Board of Directors*

+ Ông **Nguyễn Quốc Huy**, Thành viên Hội đồng quản trị ☐

*Mr. Nguyen Quoc Huy, Member of the Board of Directors*

+ Ông **Đỗ Phú Kim**, Thành viên Hội đồng quản trị ☐

*Mr. Do Phu Kim, Member of the Board of Directors*

**3. Nội dung ủy quyền/ Authorization Content:**

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho bên ủy quyền tham dự và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Trụ sở chính/Address: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam

Điện thoại/Phone: 028 3991 9259 – MST/Tax Code: 0301776205

Email: [headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com) - Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)



thường niên Công ty Cổ phần Logistics Vinalink năm 2025 tổ chức vào ngày 17/04/2025. Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Logistics Vinalink năm 2025 tổ chức vào ngày 17/04/2025 và đương nhiên hết hiệu lực khi cuộc họp bế mạc. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ công ty Vinalink.

*The agent is authorized to represent the principal in attending and exercising the rights and obligations of the shareholder related to the shares authorized at the Annual General Meeting of Shareholders of Vinalink Logistics Joint Stock Company in 2025, scheduled for April 17, 2025. This power of attorney is only valid for the Annual General Meeting of Shareholders of Vinalink Logistics Joint Stock Company held on April 17, 2025, and will automatically expire when the meeting is adjourned. We take full responsibility for this authorization and commit to strictly comply with the current regulations of the law and the charter of Vinalink.*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2025

HCMC, day      month      year 2025

**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN**

**AGENT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)

**BÊN ỦY QUYỀN**

**PRINCIPAL**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name, and seal - if applicable)



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

**VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam

226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, HCMC, Viet Nam

ĐT/Tel: 028 3991 9259 - Email: [headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com)

Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)

# TÀI LIỆU

## DOCUMENT

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 26 - NĂM 2025

### 26TH ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS - 2025

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025*

*HCMC, 17<sup>th</sup> April 2025*

Trụ sở chính: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam - ĐT: 028 3991 9259

Email: [headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com) - Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**  
**VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

**TÀI LIỆU**

**DOCUMENT**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 26**  
**26TH ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**

**Ngày 17/04/2025**

**On 17<sup>th</sup>/Apr/2025**

- 1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.**  
*Contents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.*
- 2. Quy chế làm việc - Thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.**  
*Working regulations - Voting regulations at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.*
- 3. Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 & kế hoạch kinh doanh năm 2025**  
*Report of the Management Board on the Business Performance Results for 2024 & Business Plan for 2025.*
- 4. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2024 & phương hướng nhiệm vụ năm 2025.**  
*Report of Board of Directors for 2024 & direction and tasks for 2025.*
- 5. Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình, kết quả tài chính năm 2024.**  
*Report of the Supervisory Board on the Financial Situation and Results for 2024.*
- 6. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.**  
*The audited financial report for 2024.*
  - a) Báo cáo kiểm toán độc lập năm 2024.  
*Independent Audit Report for 2024.*
  - b) Bảng cân đối kế toán năm 2024.  
*Balance Sheet for 2024.*
  - c) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024.  
*Income Statement for 2024.*
- 7. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.**  
*Proposal to Approve the Audited Financial Report for 2024.*

- 8. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.**  
*Proposal to Approve the Profit Distribution Plan for 2024.*
- 9. Tờ trình quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025.**  
*Proposal for the Operational Budget of the Board of Directors and Supervisory Board for 2025.*
- 10. Tờ trình v/v chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.**  
*Proposal Regarding the Selection of the Audit Firm for the Financial Report in 2025.*
- 11. Tờ trình về giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan.**  
*Proposal on Transactions between the Company and Related Parties.*
- 12. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.**  
*Draft Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders for 2025.*

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025*  
*HCMC, 17th April 2025*

## **CHƯƠNG TRÌNH**

### *AGENDA*

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 26** *26TH ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS*

**Ngày 17/04/2025**  
*17th April 2025*

#### **1. Thủ tục khai mạc Đại hội** *Opening of the Congress*

- a) Tuyên bố lý do - thành phần tham dự.  
*Statement of reasons - list of participants.*
- b) Báo cáo kiểm tra tư cách & tỷ lệ cổ đông tham dự.  
*Report on eligibility verification & attendance ratio of shareholders.*
- c) Giới thiệu Ban chủ tọa, Ban thư ký.  
*Introduction of the Presidium, the Secretariat.*
- d) Thông qua Quy chế làm việc - Thể lệ biểu quyết tại Đại hội - Ban kiểm phiếu biểu quyết.  
*Approval of the Working Regulations - Voting Procedure at the Congress - Vote counting committee.*

#### **2. Nội dung họp** *Content of the meeting*

- Trình bày các báo cáo  
*Presentation of reports*
  - Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 & kế hoạch kinh doanh năm 2025.  
*Report of the Board of Management on the business results for 2024 & business plan for 2025.*



- Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2024 & phương hướng nhiệm vụ năm 2025.  
*Report of the Board of Directors for 2024 & the 2025 task orientation.*
- Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.  
*Report of the Supervisory Board at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.*
- Trình bày các tờ trình  
*Presentation of Proposals*
  - Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.  
*Audited financial report for 2024.*
  - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.  
*Profit distribution plan for 2024.*
  - Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025.  
*Operating Budget of the Board of Directors and the Supervisory Board for 2025.*
  - Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.  
*Selection of the auditing firm for the 2025 financial report.*
  - Giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan.  
*Transactions between the Company and related parties.*
- Thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo và các tờ trình.  
*Discussion and voting on the reports and proposals.*
- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.  
*Approval of the Minutes and Resolutions of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.*

### **3. Bế mạc Đại hội** *Closing of the General Meeting*



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS**

**VINALINK**

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Số: ~~196~~ /2025/QC/VNL-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom – Happiness**

**Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025**

**HCMC, 17th April 2025**

**QUY CHẾ LÀM VIỆC - THẺ LỆ BIỂU QUYẾT**  
**WORKING REGULATIONS - VOTING RULES**

**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

**AT THE 2025 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*Based on the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly on June 17, 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;*

*Based on the Charter of Vinalink Logistics Joint Stock Company;*

*Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Logistics Vinalink năm 2025 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:*

*The 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Vinalink Logistics Joint Stock Company is organized and conducted according to the following Working Regulations:*

**1. Mục tiêu**  
**Objectives**

- Đảm bảo việc tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật.  
*Ensure compliance with legal regulations.*
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của cổ đông.  
*Uphold the principles of transparency, democracy, and the legitimate rights of shareholders.*

**2. Quy chế làm việc - Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội**  
**Working Regulations - Voting Procedures at the General Meeting**

- Khi tiến hành đăng ký tham dự, Ban tổ chức sẽ cấp cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.  
*During registration, the Organizing Committee will provide shareholders or their authorized representatives with a Voting Card and a Voting Ballot.*

Trụ sở chính: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam - ĐT: 028 3991 9259

Email: [headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com) - Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)

- Trên mỗi Thẻ biểu quyết có các thông tin: Mã số đại biểu, Tổng số cổ phần đại diện.  
*Each Voting Card includes the following information: Delegate ID, Total number of shares represented.*
  - Trên mỗi Phiếu biểu quyết có các thông tin: Mã số đại biểu, Họ và tên đại biểu, Tổng số cổ phần đại diện và từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội cần biểu quyết thông qua.  
*Each Voting Ballot includes the following information: Delegate ID, Delegate's full name, Total number of shares represented, and each agenda item requiring a vote at the General Meeting.*
  - Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết có đóng dấu treo của Công ty trên góc trái.  
*Voting cards, voting vouchers have the company's stamp stamp on the left corner.*
- Tất cả các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia, phát biểu ý kiến trong nội dung chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.  
*All shareholders or authorized representatives of the shareholders have completed the procedures for participating in the right to participate and express their opinions in the content of the program, which was approved by the Annual General Meeting of Shareholders, voted at the meeting of the Annual General Meeting of Shareholders. The annual General Meeting of Shareholders was conducted when the number of shareholders attended the representative meeting of over 50% of the total number of shares had voting.*
- Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo của Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn không bị ảnh hưởng.  
*Shareholders attending the late meeting have the right to register immediately and then have the right to participate and vote for the next contents of the Congress. The chairman is not responsible for stopping the congress so that the shareholders will be late to register and the validity of the voting phases has been conducted before the shared shareholders are not affected.*
- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa điều khiển cuộc họp. Các đại biểu tham gia cuộc họp phải tuân theo sự điều khiển của chủ tọa, tạo điều kiện cho cuộc họp diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng, hợp lệ. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông dự họp.

*The 2025 Annual General Meeting of Shareholders shall be chaired by the Chairman of the Board of Directors. Delegates participating in the meeting must obey the control of the chairperson, creating conditions for the meeting to take place in a convenient, fast and valid way. The Chairman has the right to take necessary measures to control the meeting in a reasonable, orderly manner in accordance with the approved program and reflect the wishes of the majority of shareholders attending the meeting.*

- Đối với các nội dung: Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu & tỷ lệ cổ đông tham dự; Thông qua nhân sự Ban chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; Quy chế làm việc - Thẻ biểu quyết tại Đại hội; Chương trình Đại hội; Tờ trình Danh sách ứng cử viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất trước, sẽ được biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Ban chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

*For the contents: Report on checking the eligibility of delegates & the percentage of shareholders attending; Through the personnel of the Presiding Board, the Secretariat, the Vote Counting Committee; Working Regulations - Rules for voting at the Congress; Congress program; Submission of the list of candidates for the election of members of the Board of Directors and the Control Board; Minutes of the Congress, Resolution of the Congress and a number of discussion contents arising at the Congress that need to be agreed in advance, will be voted on by Voting Cards under the control of the Presiding Committee to collect voting opinions: Approve or Disapprove or No opinion.*

- Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ những nội dung đã được biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết) bằng cách lựa chọn MỘT trong các phương án **Tán thành** hoặc **Không tán thành** hoặc **Không có ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết và đánh dấu ✓ hoặc dấu chéo X vào ô ý kiến lựa chọn.

*Shareholders vote by Vote Card for the main contents of the General Meeting (except for those that have been voted on by Vote Card) by selecting ONE of the options of Approve or Disapprove or No opinion for each voting content and mark ✓ or cross X in the selection opinion box.*

- Trong một phiếu biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của phần biểu quyết các nội dung khác.

*In a ballot, the contents to be consulted are voted independently of each other. The invalidity of the vote on this item will not affect the validity of the vote on other items.*

- Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại phiếu biểu quyết cũ.

*In case shareholders vote by mistake or the ballot papers are not intact,*

*shareholders may contact the Organizing Committee to be re-issued new ballots and must return the old ballots.*

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do khác không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông không gửi lại phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không có ý kiến đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.

*In case a shareholder has registered to attend the General Meeting but for other reasons cannot be present until the end of the General Meeting program, such shareholder must return the voting card or voting slip that has voted on the issues that need to be consulted to the Organizing Committee before leaving. If a shareholder does not return the ballot to the Organizing Committee, the Vote Counting Committee considers that shareholder has no opinion on the issues that need to be consulted.*

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là:

*An invalid ballot is:*

- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn của Ban tổ chức, không do Công ty phát hành, không có đóng dấu treo của Công ty trên góc trái.  
*The ballot is not according to the pre-printed form of the Organizing Committee, not issued by the Company, and does not have the Company's seal on the left corner.*
- Phiếu biểu quyết bị gạch xóa, tẩy xóa, cạo sửa, sửa chữa, viết thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác ... ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi không được chủ tọa yêu cầu.  
*Ballots are crossed out, erased, scraped, corrected, written with other contents, information, symbols, etc. in addition to the provisions for voting votes, when not requested by the chairman.*
- Phiếu biểu quyết bị rách, không còn nguyên vẹn.  
*The ballot is torn and not intact.*
- Phiếu biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.  
*If the voting vote does not clearly express the opinions of shareholders, does not mark any opinion or marks 2 or more opinions on the content to be voted on, the voting part for that content is invalid.*

### **3. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên**

***Approval of the resolution of the Annual General Meeting of Shareholders***



- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua tại cuộc họp sau khi số cổ đông đại diện trên 50% hoặc trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành theo Điều 20 Điều lệ công ty (Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua).

*The resolution of the Annual General Meeting of Shareholders shall be approved at the meeting after the number of shareholders representing more than 50% or more than 65% of the total number of votes of all shareholders attending the meeting approves according to Article 20 of the company's Charter (Conditions for the Resolution of the General Meeting of Shareholders to be approved).*

- Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được Ban thư ký ghi chép đầy đủ vào nội dung Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Biên bản họp Đại hội là cơ sở để soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và được thông qua trước khi bế mạc.

*The contents of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders shall be fully recorded by the Secretariat in the Minutes of the Annual General Meeting of Shareholders. The minutes of the General Meeting are the basis for drafting the Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders and are approved before closing.*

- Quy chế, thể lệ này được thông qua với số cổ phần biểu quyết đồng ý là ..... cổ phần, bằng .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội và có hiệu lực từ ngay thời điểm được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

*This Regulation or Regulation shall be adopted with the number of shares voting in favor of ..... shares, equal to .....% of the shares with voting rights at the General Meeting and take effect from the time of voting and approval by the General Meeting of Shareholders.*

## **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

### **ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS IN 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**  
**VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
**2025 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**

**PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**VOTING CARD**

Mã số đại biểu / *Delegate Code*:: .....

Họ và tên đại biểu / *Name of Delegate*: .....

**Tổng số cổ phần đại diện /***Total Number of Represented Shares*::.....  
.....cổ phần/*share(s)*

Hướng dẫn: Quý đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn MỘT trong các phương án **Tán thành** hoặc **Không tán thành** hoặc **Không có ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết và đánh dấu ✓ hoặc dấu chéo X vào ô ý kiến lựa chọn.

Instructions: *Delegates vote by choosing ONE of the options Agree or Disagree or No opinion for each voting content and marking ✓ or cross X in the selected opinion box.*

| <b>NỘI DUNG / VOTING ITEM</b>   | <b>Tán<br/>thành /<br/>Agree</b> | <b>Không<br/>tán<br/>thành /<br/>Disagree</b> | <b>Không<br/>có ý<br/>kiến/<br/>No<br/>opinion</b> |
|---|----------------------------------|---|--|
| <b>Nội dung 1:</b> Thông qua Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 & kế hoạch kinh doanh năm 2025.<br><i>Content 1: Approval of the Board of Directors' Report on 2024 business results &amp; 2025 business plan.</i> |                                  |   |  |
| <b>Nội dung 2:</b> Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2024 & phương hướng nhiệm vụ năm 2025.<br><i>Content 2: Approval of the Board of Directors' Report for 2024 and directions ,tasks for 2025.</i>                                    |                                  |   |  |
| <b>Nội dung 3:</b> Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.<br><i>Content 3: Approval of the Board of Supervisors' Report at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>                       |                                  |   |  |
| <b>Nội dung 4:</b> Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.<br><i>Content 4: Approval of the audited 2024 Financial Report.</i>  |                                  |   |  |
| <b>Nội dung 5:</b> Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.<br><i>Content 5: Approval of the 2024 Profit Distribution Plan Proposal.</i>  |                                  |   |  |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
| <p><b>Nội dung 6:</b> Thông qua Tờ trình quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025.</p> <p><i>Content 6: Approval of the 2025 Board of Directors and Supervisory Board's Operational Budget Proposal.</i></p>  |  |  |  |
| <p><b>Nội dung 7:</b> Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.</p> <p><i>Content 7: Approval of the Proposal for selecting an auditing unit for the 2025 Financial Statements.</i></p>   |  |  |  |
| <p><b>Nội dung 8:</b> Thông qua Tờ trình giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan.</p> <p><i>Content 8: Approval of Regulations on Transactions Between the Company and Related Parties</i></p>   |  |  |  |
| <p><b>Nội dung 9:</b> Thông qua việc rà soát và đánh giá hoạt động của các công ty liên doanh liên kết, phối hợp với các đối tác nâng cao hiệu quả quản trị và đầu tư, xem xét thoái vốn hoặc tăng vốn, đầu tư mới ở những dự án cụ thể khi có nhu cầu để tăng hiệu quả sử dụng vốn cho Công ty. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động xem xét quyết định theo các phương thức phù hợp đảm bảo có lợi nhất cho Công ty.</p> <p><i>Content 9: Approval of the review and assessment of the activities of joint venture and affiliated companies, cooperating with partners to enhance governance and investment efficiency. The Board will consider divesting or increasing capital, as well as new investments in specific projects as needed to optimize the Company's capital utilization. The Board of Directors is authorized to proactively review and decide on methods that ensure the best interests of the Company.</i></p> |  |  |  |

Ngày 17 tháng 04 năm 2025

**Date: April 17, 2025**

**ĐẠI BIỂU / DELEGATE**

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Sign and print full name)



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS**  
**VINALINK**

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Số/No: 197 /2025/BC/VNL-BGD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom – Happiness**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025  
HCMC, 25/03/2025

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
**REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS**

**VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024**

**& KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025**  
**BUSINESS RESULTS IN 2024 & 2025 BUSINESS PLAN**

**1. Báo cáo và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**  
**Reporting and evaluation of production and business results**

**1.1 Kết quả kinh doanh năm 2024**  
**Business results in 2024**

|                    |           |              |
|--------------------|-----------|--------------|
| – Tổng Doanh thu:  | 1.152,739 | tỷ VNĐ.      |
| Total revenue:     | 1.152,739 | billion VND. |
| – Lãi trước thuế:  | 59,324    | tỷ VNĐ.      |
| Profit before tax: | 59,324    | billion VND. |

**1.2 Một số tình hình cơ bản**  
**Some basic situations**

Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2024 có một số điểm nổi bật như sau:  
The business situation and results in 2024 have some highlights as follows:

**1.2.1 Về kết quả / Results**

Doanh thu tăng 58% so với năm trước và tăng 28% kế hoạch năm. Lợi nhuận năm 2024 tăng 35,7% so với năm trước và tăng 123,7% kế hoạch năm. Trong đó lợi nhuận từ kinh doanh trực tiếp tăng khá nhiều, tăng 146%.

Revenue increased by 58% compared to the previous year and by 28% against the annual plan. Profit for 2024 rose by 35,7% compared to last year and by 123,7% against the annual plan. Notably, profit from direct business increased significantly by 146%.

### 1.2.2 Về tình hình kinh doanh / *Business*

- Ngay từ đầu năm 2024 công ty cũng đã dự đoán sẽ là một năm tiếp tục có nhiều khó khăn với nhiều yếu tố bất ngờ. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh 2024 đạt cao là do công ty cũng đã tập trung nguồn lực và định hướng vào khai thác mảng dịch vụ logistics trọng yếu bao gồm dịch vụ logistics thương mại điện tử, dịch vụ logistics nội địa cho các nhà máy trong các khu công nghiệp và đón đầu xu hướng dịch chuyển nhà máy từ Trung Quốc sang Việt Nam.

*From the beginning of 2024, the company predicted that it would continue to face many challenges with various unforeseen factors. However, the strong business results in 2024 were a result of the company focusing its resources and direction on exploiting key logistics service sectors, including e-commerce logistics services, domestic logistics services for factories in industrial zones, and anticipating the trend of factory relocation from China to Vietnam.*

- Công ty đã tiếp tục đưa ra các biện pháp điều chỉnh việc quản lý và thực hành nghiệp vụ thích ứng linh hoạt với tình hình diễn biến của thị trường. Tập trung giữ ổn định lượng khách hàng truyền thống đi đôi với khai thác các mảng dịch vụ, các khách hàng mới trong đó tập trung khai thác cơ hội ở mảng dịch vụ hàng xuất khẩu trong mua bán trên thị trường thương mại điện tử, tổ chức quản lý kinh doanh dịch vụ hợp lý chuyên nghiệp, tập trung nâng cao hiệu quả dịch vụ thông qua phần mềm quản lý, tổ chức phối hợp nghiệp vụ chặt chẽ giữa các đơn vị tại TPHCM và các chi nhánh, đáp ứng tốt các yêu cầu của khách hàng và đại lý.

*The company continued to implement measures to adjust its management and operational practices flexibly in response to market developments. It focused on maintaining a stable number of traditional customers while also expanding into new service areas, particularly by seizing opportunities in the export services sector within e-commerce trading, organizing and managing business services in a professional and systematic manner, enhancing service efficiency through management software, and coordinating closely between units in Ho Chi Minh City and its branches to meet the demands of customers and agents effectively.*

- Thực hiện phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, trong năm công ty đã tập trung củng cố và phát triển các dịch vụ chủ yếu truyền thống là airfreight và seafreight, đẩy mạnh dịch vụ logistics nội địa, dịch vụ consol đường biển, đặc biệt là dịch vụ FBA consol trong tình hình cạnh tranh gay gắt với sự xuất hiện của nhiều đối thủ cạnh tranh từ Trung Quốc, kết hợp box xuất với box nhập trong quan hệ với đại lý phù hợp với tình hình mới, trong đó:

*Following the strategic plan for 2024 approved by the annual general meeting of shareholders, the company has concentrated on consolidating and developing its traditional core services such as airfreight and seafreight, enhancing domestic logistics services, and sea freight consol services, especially the FBA consol service in a highly competitive environment with many competitors from China. This includes combining outbound and inbound shipments with agents based on the new circumstances, where:*



- Giữ ổn định các dịch vụ với các khách hàng chủ lực, chuyển phương thức tiếp cận dịch vụ và làm việc, mở rộng khai thác dịch vụ consol bằng đường hàng không, tập trung khai thác consol FBA đến các kho của Amazon.  
*We maintain stable services for key customers, shift our approach to service delivery and operations, and expand exploitation of air freight consol services, focusing on FBA consol shipments to Amazon's warehouses.*
- Tập trung, tổ chức các team làm việc phù hợp cho các khách hàng VIP theo phương thức 24/7 đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Dịch vụ logistics cung cấp các khách hàng trong khu công nghiệp với sản lượng lớn đã góp phần quan trọng vào kết quả chung của cả năm.  
*We focus on organizing work teams suitable for VIP customers using a 24/7 approach to meet client demands. The logistics services provided to customers in industrial zones with large volumes have played an essential role in the overall results for the year.*
- Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất lượng dịch vụ, quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường hoạt động giữ khách hàng và sản phẩm dịch vụ; đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh và các dịch vụ của công ty đến các khách hàng, đối tác và đại lý trên toàn cầu.  
*The organization and management of business operations throughout the year continued to refine regulations, rules, and operational processes to align with current realities; improve service quality, manage receivables tightly, enhance customer retention activities, and intensify communication to promote the company's image and services to customers, partners, and agents globally.*
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: đã thực hiện theo quy định.  
*Regarding the implementation of internal audit functions: has been carried out as per regulations.*
- Một số hạn chế / *Some limitations:*
  - Về nhân sự, tổ chức và quản lý: việc tuyển dụng bổ sung mới có nhiều khó khăn, nhất là nguồn cho chức danh sales và cán bộ quản lý chủ chốt, chất lượng còn hạn chế.  
*Personnel, organization, and management: there have been significant difficulties in recruiting additional new staff, particularly for sales positions and key management roles, resulting in limited quality.*
  - Cơ sở vật chất thiếu kho tàng ở vị trí phù hợp và phương tiện vận chuyển cơ giới làm cơ sở để chào bán dịch vụ cho những khách hàng lớn, nhất là dịch vụ logistics – dịch vụ chuỗi cung ứng.  
*Facilities: there is a lack of storage facilities in suitable locations and mechanical transportation means, which are essential for offering services to large customers, especially in logistics and supply chain services.*

## 2. **Phương hướng nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2025** *Orientations, tasks and targets of the main plan in 2025*

### 2.1 **Về kinh doanh và đầu tư** *Business and investment*

Tình hình kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2025 vẫn đang trong giai đoạn có nhiều biến động khó lường và có nhiều thách thức. Các chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy vẫn chưa trở lại bình thường hoàn toàn, ảnh hưởng của các quyết định áp thuế mới của Mỹ đặt ra nhiều biến động khó lường trong hoạt động thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu; các nhà sản xuất lớn trong nước vẫn chưa có nhiều đơn hàng ổn định, hoạt động xuất nhập khẩu bị tác động lớn ... Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ công nợ, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ nguy cơ tăng cao tác động nghiêm trọng đến dòng tiền hoạt động, việc tổ chức điều hành kinh doanh ... là những yếu tố cần được chú ý trong hoạt động kinh doanh năm 2025.

*The economic situation in general and import-export activities in 2025 are still in a phase of significant unpredictable fluctuations and challenges. Global supply chains are not yet fully back to normal, the impact of new tariff decisions from the U.S. has caused many unpredictable fluctuations in global trade and supply chains; large domestic manufacturers still lack stable orders, and import-export activities have been significantly affected. Business risks include risks from receivables, personnel risks, and risks in transportation due to increased road transportation hazards, which severely impact operational cash flow and business management organization. These are crucial factors that need attention in business operations for 2025.*

Trong bối cảnh chung như vậy mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu năm 2025 là:

*In this general context, the main business objectives for 2025 are:*

- Tranh thủ khai thác các cơ hội trong điều kiện thị trường có nhiều thay đổi, linh hoạt thích ứng với tình hình mới, đồng thời tập trung thực hiện mọi biện pháp phù hợp để duy trì kinh doanh; tiếp tục cung cấp dịch vụ phù hợp cho khách hàng, cố gắng giữ ổn định các dịch vụ, tập trung xây dựng chiến lược phát triển khách hàng mới, tăng tỷ trọng khách hàng lớn, khách hàng là các nhà đầu tư nước ngoài, các nhà máy trong các khu công nghiệp, liên kết chặt chẽ với các đối tác nước ngoài để khai thác mở rộng mạng lưới dịch vụ, đưa công nghệ vào trong công tác quản lý tại từng khâu nghiệp vụ nhằm gia tăng giá trị cho các khách hàng.

*Take advantage of opportunities in a changing market, adapt flexibly to new situations while focusing on implementing all appropriate measures to maintain business; continue providing suitable services to customers, strive to stabilize services, concentrate on developing strategies for new customers, increase the proportion of large customers, particularly foreign investors and factories in industrial zones, closely collaborate with foreign partners to expand the service network, and integrate technology into management at every operational phase to enhance value for customers.*

- Phân đầu tiếp tục ổn định các mặt hoạt động, thực hiện các biện pháp linh hoạt tranh thủ, phát huy kết quả tốt từ các dịch vụ cung cấp cho một số khách hàng lớn

trong năm 2024, củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ, tổ chức khai thác các nguồn lực hợp lý để nâng cao kết quả kinh doanh, phần đầu giữ ổn định các chỉ tiêu chủ yếu đã đạt được. Tập trung xử lý các khoản nợ phù hợp với tình hình thị trường, đánh giá lại nguồn khách hàng lấy tiêu chí hiệu quả và an toàn làm cơ bản. Tiếp tục tập trung củng cố hoàn thiện và thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy, hiệu quả quản lý kinh doanh thống nhất, tập trung và hiệu quả trong toàn công ty.

*Continue striving for stability in all operational aspects, implement flexible measures to leverage the good results from services provided to large customers in 2024, strengthen and enhance service quality, organize and exploit resources reasonably to improve business results, and aim to maintain stability in major targets achieved. Focus on managing debts in line with market conditions, reassess customer sources based on effectiveness and safety as fundamental criteria. Continue concentrating on consolidating, perfecting, and restructuring the organizational apparatus to ensure unified, focused, and effective business management throughout the company.*

#### **Chỉ tiêu chủ yếu:**

#### **Main Targets:**

|                           |              |                      |
|---------------------------|--------------|----------------------|
| – Tổng Doanh thu:         | 1.270        | tỷ VND               |
| <i>Total Revenue:</i>     | <i>1.270</i> | <i>billion VND</i>   |
| – Lãi trước thuế :        | 65           | tỷ VND               |
| <i>Profit Before Tax:</i> | <i>65</i>    | <i>billion VND</i>   |
| – Cổ tức :                | 1.500        | VND / cổ phần        |
| <i>Dividend:</i>          | <i>1.500</i> | <i>VND per share</i> |

## **2.2 Một số biện pháp chung / Some general measures**

- Tiếp tục triển khai các biện pháp để ổn định và nâng cao hiệu quả dịch vụ: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, quy trình quản lý và nghiệp vụ; tập trung củng cố chấn chỉnh bộ máy tổ chức quản lý, bổ sung nhân sự quản lý lãnh đạo; giải quyết tình hình công nợ tồn đọng; tiếp tục hoàn thiện nâng cao hiệu quả quản lý tổ chức kinh doanh của các dịch vụ tại TPHCM, triển khai mở rộng các dịch vụ của Vinalink ở nước ngoài; rà soát lại trình độ, năng suất làm việc của đội ngũ nhân viên; đẩy mạnh hoạt động bán dịch vụ.

*Continue to implement measures to stabilize and enhance service efficiency: further improve the organizational structure, management processes, and operations; focus on reinforcing and restructuring the management organization, supplementing leadership staff; resolve outstanding receivables; continue to enhance the effectiveness of business organization management for services in Ho Chi Minh City, and expand Vinalink's services overseas; review the competence and productivity of the staff; and strengthen service sales activities.*

- Về mặt kinh doanh: tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ Đường biển và Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics của các dự án nhà máy lớn, dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa; triệt để cắt giảm các chi phí hành chính quản lý, thực hiện cơ chế chi trả lương, thưởng ... gắn với kết quả kinh



doanh trong phạm vi toàn công ty với các hình thức phù hợp cho từng chức danh; triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với các hình thức khuyến mãi dịch vụ ... để giữ và tăng lượng dịch vụ. Tiếp tục tăng cường thực hiện đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên.

*In terms of business: continue to consolidate and maintain market share in maritime and international air services; focus on logistics services for large factory projects, domestic transportation, and supply services; drastically reduce administrative management costs, implement a mechanism for salary and bonus payments linked to business results across the company with suitable forms for each position; implement measures to enhance service quality along with promotional activities to retain and increase service volume. Continue to enhance training for management and staff.*

- Chú trọng đầu tư phát triển dịch vụ logistics cho thương mại điện tử quốc tế thông qua việc hợp tác với các đối tác lớn nước ngoài tạo ra chuỗi giải pháp logistics hiệu quả cho khách hàng. Nâng cao chất lượng của đội ngũ chào bán dịch vụ logistics thương mại điện tử theo hướng chuyên nghiệp.

*Focus on developing logistics services for international e-commerce through partnerships with major foreign counterparts to create effective logistics solutions for customers. Improve the professionalism of the logistics service sales team.*

- Nâng cao chất lượng công tác pháp chế nghiệp vụ vận tải quốc tế và quản trị nguồn nhân lực.

*Enhance the quality of legal affairs in international transport operations and human resource management.*

- Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý và kinh doanh, bổ sung và hoàn thiện nhân sự lãnh đạo chủ chốt ở công ty và các chi nhánh.

*Continue to consolidate and improve the efficiency of management and business operations, supplementing and perfecting key leadership personnel at the company and its branches.*

- Khai thác tốt và nâng cấp phần mềm nghiệp vụ và quản lý mới – phần mềm VMS để nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng dịch vụ; chuẩn bị cơ sở dữ liệu để hướng tới xây dựng và đưa chatbot vào áp dụng để nâng cao giá trị dịch vụ của công ty cung cấp cho khách hàng.

*Effectively utilize and upgrade new operational and management software – VMS software to enhance management efficiency and service quality; prepare a database to advance the development and implementation of a chatbot to increase the value of services provided to customers.*

- Tăng cường hơn cho công tác marketing ở phạm vi công ty tạo môi trường cho việc bán dịch vụ ở các đơn vị, với các hình thức thích hợp như quảng cáo, quan hệ khách hàng và đối tác; tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối tác với các đại lý ở các khu vực và tìm kiếm các đối tác mới.

*Strengthen marketing efforts within the company to create an environment for service sales at various units, using suitable forms such as advertising, customer,*

*and partner relations; continue to reinforce partnerships with agents in various regions and seek new partners.*

- Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm ... tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.  
*Leverage resources from shareholders in service cooperation, customer development, and strengthen experienced personnel to create a source for new service development.*
- Đầu tư mua sắm thay thế 3 xe vận tải, 10 rơ-moóc thay thế cho số thanh lý và bổ sung phương tiện vận tải, giá trị đầu tư dự kiến 15 tỷ đồng.  
*Invest in the replacement of 3 transport vehicles and 10 trailers to replace those that are decommissioned and supplement transportation means, with an estimated investment value of 15 billion VND.*
- Đề nghị: Giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc thoái vốn tại các công ty đã đầu tư trên cơ sở đảm bảo tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn theo nguyên tắc chào bán công khai và cạnh tranh phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn.  
*Request: Assign the Board of Directors to decide on divestment from invested companies based on ensuring efficiency in capital usage in accordance with public bidding and competition principles suitable for capital needs.*
- Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác cùng cổ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết.  
*Collaborate closely with partners to strengthen and enhance the operational efficiency of joint venture and affiliate companies.*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CEO**



**Vũ Quốc Bảo**





**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS**  
**VINALINK**

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Số/No: **198** /2025/BC/VNL-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom – Happiness**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **25** tháng 03 năm 2025

**HCMC 25-Mar-2025**

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024**

### **& PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025**

**REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024 &**

**DIRECTION, MISSION OF 2025**

#### **1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024**

***Board of Directors Activities in 2024***

##### **1.1 Các cuộc họp và Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2024**

***Board of Directors Meetings and Resolutions in 2024***

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ đảm bảo quy định của Điều lệ công ty. Ngoài ra Hội đồng quản trị có những buổi họp bất thường và thường xuyên trao đổi thông tin cho nhau để cùng có ý kiến, trao đổi và quyết định các nội dung quan trọng đối với hoạt động của Công ty. Các cuộc họp đều có Nghị quyết cho các nội dung đã thống nhất.

*In 2024, the Board of Directors held regular meetings to ensure the provisions of the Company Charter. In addition, the Board of Directors held extraordinary meetings and regularly exchanged information with each other to discuss, discuss and decide on important issues for the Company's operations. All meetings had Resolutions for the agreed contents.*

- Chi tiết các cuộc họp và Nghị quyết Hội đồng quản trị: vui lòng tham khảo Báo cáo tình hình Quản trị công ty năm 2024 được đăng tải trên website của Công ty [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com) tại mục Cổ đông vào ngày 24/01/2025.

*Details of Board of Directors meetings and Resolutions: please refer to the 2024 Corporate Governance Report posted on the Company's website [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com) in the Shareholders section on January 24, 2025.*

##### **1.2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động năm 2024**

***Board of Directors' assessment of 2024 operations***

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2024, ngoài các phiên họp chính thức, Hội đồng quản trị đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. Hội đồng quản trị đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể tích cực hiệu quả trong hoạt động. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt

Trụ sở chính: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam - ĐT: 028 3991 9259

Email: [headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com) - Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)

việc giám sát công tác điều hành của Ban giám đốc. Chủ tịch HĐQT đã trực tiếp, thường xuyên trao đổi với BGĐ công ty trong việc nắm bắt tình hình và các giải pháp tổ chức quản lý, kinh doanh; tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban định kỳ với cán bộ chủ chốt của công ty.

*The Board of Directors has performed well in corporate governance. In 2024, in addition to formal meetings, the Board of Directors conducted a written opinion collection to approve many decisions and governance contents. The Board has implemented the assigned tasks and achieved specific positive results in operations. It has effectively supervised the executive work of the Management Board. The Chairman of the Board has directly and frequently communicated with the company's Management Board to stay updated on the situation and management solutions; he has participated in and provided feedback during periodic meetings with key personnel of the company.*

### **1.3 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty** *Board of Directors' assessment of the performance of the Company's Board of Management*

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh năm 2024 trong điều kiện tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, thách thức, biến động phức tạp do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, chiến tranh Nga - Ukraine, các thị trường lớn giảm sức mua và các yếu tố địa chính trị, kinh tế phát sinh trên thế giới, phát sinh nhiều yếu tố mới ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện kinh doanh và phương thức làm việc, đến hiệu quả kinh doanh nhưng Công ty đã cố gắng thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao.

*The Board of Directors highly appreciates the efforts of the Management Board in running the business operations in 2024, amid challenging and complex socio-economic conditions both domestically and globally. These challenges include the impacts of the global economic recession, the Russia-Ukraine war, decreasing consumer demand in major markets, and emerging geopolitical and economic factors that have influenced the organization and execution of business activities and working methods. Despite these difficulties, the company has strived to exceed the business targets set by the annual general meeting of shareholders.*

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.  
*Seriously implement the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders and the Resolutions and decisions of the Board of Directors.*
- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty: Tổng giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp Nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong công tác điều hành đã thể hiện tính chủ động, quyết liệt, linh hoạt và hiệu quả cao.



*Organization and Management of Daily Operations of the Company: The General Director organizes and manages the daily operations of the Company in accordance with the regulations permitted in the business registration license, complying with state laws and regulations related to joint-stock companies, as well as the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors. The management process has demonstrated proactiveness, decisiveness, flexibility, and high effectiveness.*

- Đã thực hiện tốt công tác quản trị và công bố thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết, tiếp tục là một trong số các công ty Chuẩn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - IR Awards 2024.

*The Company has performed well in governance and information disclosure in accordance with regulations applicable to listed companies, continuing to be recognized as one of the companies with Standard Information Disclosure on the stock market - IR Awards 2024.*

#### **1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và báo cáo đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị**

*Activities of independent board members and independent board members' assessment report on the Board's activities*

##### **1.4.1 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

*Activities of independent board members*

- Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

*Independent Board members:*

- Ông Nguyễn Quốc Huy.  
*Mr. Nguyen Quoc Huy*
- Ông Đỗ Phú Kim.  
*Mr. Do Phu Kim*

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, góp phần giúp Hội đồng quản trị giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và kinh nghiệm của mình, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã đưa ra những ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập. Trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã có phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc theo Điều lệ của công ty.

*Independent members of the Board of Directors participate in meetings of the Board of Directors and fully perform their obligations, contributing to helping the Board of Directors supervise and operate the Company's operations in accordance with the development orientation. With their knowledge and experience, independent members of the Board of Directors have provided authentic, professional opinions and demonstrated an independent spirit. In*

*meetings of the Board of Directors, independent members of the Board of Directors have commented on proposals for strategic orientation and business plans; monitored the operations of the Board of Directors and the Board of Management in accordance with the Company's Charter.*

**1.4.2 Báo cáo đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị**

***Evaluation report of independent Board member on Board of Directors' performance***

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã được triệu tập, thực hiện theo đúng các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

*The meetings of the Board of Directors were convened and conducted in accordance with the procedures prescribed in the Company Charter and the Internal Regulations on Corporate Governance.*

- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh của Công ty đã được Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ.

*Issues related to the Company's business strategy have been regularly reviewed and evaluated by the Board of Directors in regular meetings.*

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong các cuộc họp phù hợp với các quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

*Resolutions of the Board of Directors in meetings are in accordance with legal regulations, the Company Charter and Internal Regulations on corporate governance.*

- Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công tác điều hành của Ban giám đốc. Các quyết định, hoạt động, điều hành của Ban giám đốc và Hội đồng quản trị đã có sự phối hợp tốt để đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn để cố gắng hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

*The Board of Directors, Chairman have done a good job of supervising the operations of the Board of Management. The decisions, activities, and operations of the Board of Management and the Board of Directors have been well coordinated to make timely and correct decisions and policies to strive to complete the proposed business plan.*

**1.5 Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024**

***Remuneration report of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2024***

- Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nằm trong hạn mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt.

*Remuneration of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors is within the limit approved by the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.*

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được nhận trong năm 2024 như sau:  
*Remuneration of the Board of Directors and the Board of Supervisors received in 2024 is as follows:*

Thù lao của Hội đồng quản trị / *Board of Directors' remuneration:*

**ĐVT/Unit: VND**

| <b>Tên</b><br><i>Name</i>                         | <b>Chức vụ</b><br><i>Position</i>               | <b>Thù lao (trước thuế)</b><br><i>Remuneration (before tax)</i> |
|---|---|---|
| Ông Nguyễn Nam Tiến<br><i>Mr. Nguyen Nam Tien</i> | Chủ tịch HĐQT<br><i>Chairman</i>                | 95.000.000  |
| Ông Vũ Quốc Bảo<br><i>Mr. Vu Quoc Bao</i>         | Thành viên HĐQT<br><i>Executive Director</i>    | 139.000.000   |
| Ông Vũ Thế Đức<br><i>Mr. Vu The Duc</i>           | Thành viên HĐQT<br><i>Non-executive members</i> | 157.000.000   |
| Ông Nguyễn Quốc Huy<br><i>Mr. Nguyen Quoc Huy</i> | Thành viên HĐQT<br><i>Independent members</i>   | 115.000.000   |
| Ông Đỗ Phú Kim<br><i>Mr. Do Phu Kim</i>           | Thành viên HĐQT<br><i>Independent members</i>   | 100.000.000   |
| <b>Tổng cộng:</b>                                 |   | <b>606.000.000</b>  |



Thù lao của Ban kiểm soát / *Board of Supervisors' remuneration:*

ĐVT/Unit: VND

| Tên<br><i>Name</i>                                    | Chức vụ<br><i>Position</i>                               | Thù lao (trước thuế)<br><i>Remuneration (before tax)</i> |
|---|--|--|
| Bà Phan Phương Tuyền<br><i>Mrs. Phan Phuong Tuyen</i> | Trưởng Ban Kiểm soát<br><i>Head of Supervisory Board</i> | 115.000.000  |
| Bà Lê Thị Ngọc Anh<br><i>Mrs. Le Thi Ngoc Anh</i>     | Thành viên Ban Kiểm soát<br><i>Member</i>                | 50.000.000   |
| Ông Dương Trần An<br><i>Mr. Duong Tran An</i>         | Thành viên Ban Kiểm soát<br><i>Member</i>                | 24.000.000   |
| Bà Trang Anh Xuân<br><i>Mrs. Trang Anh Xuan</i>       | Thành viên Ban Kiểm soát<br><i>Member</i>                | 3.000.000  |
| <b>Tổng cộng:</b>                                     |  | <b>192.000.000</b>                                       |

- Chi tiết các khoản thu nhập khác theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.  
*Details of other income according to the 2024 Audited Financial Report.*

**1.6 Báo cáo về các giao dịch / *Report on transactions***

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

*Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:*

| STT<br><i>No.</i> | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relations hip with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction (VND)</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|-------------------|---|--|--|--|---|---|---|------------------------|
|-------------------|---|--|--|--|---|---|---|------------------------|

|   |   |   |   |   |             | Shareholders/<br>Board of<br>Directors<br>(if any,<br>specifying<br>date of issue) |   |  |
|---|---|---|---|---|-------------|--|---|--|
| 1 | Cty TNHH RCL<br>Việt Nam                                    | Cty liên<br>doanh   | 782/GP-<br>HCM<br>14/01/2005<br>UBND<br>TPHCM     | 436-438<br>Nguyễn Thị<br>Minh Khai,<br>P.6, Quận 3,<br>TPHCM                                    | Năm<br>2024 | 66/2021/NQ<br>/VNL-<br>HĐQT<br>12/01/2021  | Sử dụng dịch<br>vụ:<br>2.486.779.194  |  |
| 2 | Cty TNHH DV<br>đại lý vận chuyển<br>(FC Vietnam)            | Cty liên<br>doanh   | 550/ GP-<br>HCM<br>15/10/2003<br>UBND<br>TPHCM    | 46-48<br>Hậu Giang,<br>P.4, Q. Tân<br>Bình,<br>TPHCM  | Năm<br>2024 | 66/2021/NQ<br>/VNL-<br>HĐQT<br>12/01/2021  | Cung cấp dịch<br>vụ: 82.860.900<br>Sử dụng dịch<br>vụ :<br>220.452.495      |  |
| 3 | Cty TNHH Vận<br>tải Việt – Nhật<br>(Konoike Vina)           | Cty liên<br>doanh   | 4110220003<br>05<br>18/08/2008<br>UBND<br>TPHCM   | 18A Lưu<br>Trọng Lư, P.<br>Tân Thuận<br>Đông, Q. 7,<br>TPHCM                                    | Năm<br>2024 | 66/2021/NQ<br>/VNL-<br>HĐQT<br>12/01/2021  | Cung cấp dịch<br>vụ:<br>1.867.723.683<br>Sử dụng dịch<br>vụ:<br>656.729.500 |  |
| 4 | Cty CP Vận<br>chuyển<br>Vinalink<br>(Vinalink<br>Transport) | Cty liên<br>kết   | 031341246<br>7<br>17/04/2020<br>Sở KH-ĐT<br>TPHCM | Lầu 3,<br>Indochina<br>Park Tower,<br>4 Nguyễn<br>Đình Chiểu,<br>P. Đa Kao,<br>Quận 1,<br>TPHCM | Năm<br>2024 | 66/2021/NQ<br>/VNL-<br>HĐQT<br>12/01/2021  | Cung cấp dịch<br>vụ:<br>414.780.976<br>Sử dụng dịch<br>vụ :<br>201.331.560  |  |
| 5 | Công ty Cổ phần<br>VINAFREIGHT                              | Liên<br>quan<br>người nội<br>bộ<br>(Không<br>còn là cty<br>có liên<br>quan đến<br>người nội<br>bộ từ<br>4/2024) | 0302511219<br>14/01/2002<br>Sở KHĐT<br>TPHCM      | Block C, lầu<br>1, tòa nhà<br>Waseco, số 10<br>Phổ Quang, P.<br>2, Q.<br>Tân Bình, Tp.<br>HCM   | Năm<br>2024 | 66/2021/NQ<br>/VNL-<br>HĐQT<br>12/01/2021  | Cung cấp dịch<br>vụ :<br>24.683.371<br>Sử dụng dịch<br>vụ:<br>392.042.278   |  |

|   |   |   |  |   |             |   |  |  |
|---|---|---|--|---|-------------|---|--|--|
| 6 | Công ty CP<br>TRANSIMEX   | Liên<br>quan<br>người nội<br>bộ<br>(Không<br>còn là cty<br>có liên<br>quan đến<br>người nội<br>bộ từ<br>4/2024) | 0301874259<br>03/12/1999<br>SỞ KHĐT<br>TPHCM     | Lầu 9-10, 172<br>Hai Bà Trưng,<br>P.Đakao, Q.I,<br>TP.HCM | Năm<br>2024 | 66/2021/NQ<br>/VNL-<br>HĐQT<br>12/01/2021 | Sử dụng dịch<br>vụ:<br>187.516.960   |  |
| 7 | Công ty cổ phần<br>Giao nhận Vận<br>tải Ngoại thương<br>(VNT Logistics) | Cổ đông<br>lớn  | 0103002086<br>07/04/2003<br>Sở KH &<br>ĐT Hà Nội | 2 Bích Câu,<br>Đống Đa, Hà<br>Nội                         | Năm<br>2024 | 66/2021/NQ<br>/VNL-<br>HĐQT<br>12/01/2021 | Cung cấp dịch<br>vụ :<br>184.768.517<br>Sử dụng dịch<br>vụ:<br>686.775.502 |  |

**2. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024**  
**Results of implementing the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders**

- Về kết quả kinh doanh, năm 2024: Các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên giao đã được thực hiện vượt mức cao, trong đó Doanh thu đạt 158% kế hoạch, lãi trước thuế đạt 223,7% so với kế hoạch. Nguyên nhân kết quả đạt cao ngoài yếu tố thị trường chung có những tiến triển tích cực so với năm 2023, yếu tố quan trọng là việc tổ chức điều hành kinh doanh chủ động, linh hoạt, hiệu quả của Ban Giám Đốc công ty, việc tổ chức thực hiện nghiêm túc và trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc có nhiều thay đổi tích cực; việc xây dựng cơ sở quan hệ đối tác trong ngoài nước và với các khách hàng lớn có kết quả tốt thông qua sự phối hợp chuyên nghiệp và có hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ và vị thế công ty trên thị trường.

*Business Results for 2024: The targets set forth in the resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders have been exceeded significantly, with revenue reaching 158% of the plan and pre-tax profit achieving 223,7% of the target. The strong performance can be attributed not only to the overall positive market conditions compared to 2023 but also to the proactive, flexible, and effective management by the Company's Board of Management. The serious and responsible implementation of tasks by subordinate units has led to many positive changes. Additionally, the establishment of strong partnerships both domestically and internationally, as well as with major customers, has produced good results through professional and effective collaboration, enhancing service quality and the company's position in the market.*

- Về tổ chức quản trị, Công ty đã hoàn thiện tổ chức bộ máy nhân sự, quy trình nghiệp vụ, hệ thống phần mềm nghiệp vụ, góp phần phát huy hiệu quả tốt trong việc tổ chức quản lý và kinh doanh; đạt Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thông tin ISO/IEC 27001:2002, Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, qua đó, thể hiện sự tuân thủ và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế của Công ty về bảo mật thông tin, quản lý hiệu quả tài sản thông tin của Công ty, cam

kết bảo mật chắc chắn với các đối tác và mở ra nhiều cơ hội kinh doanh toàn cầu trong tương lai; công tác truyền thông được đẩy mạnh, hỗ trợ tích cực cho việc quảng bá sản phẩm dịch vụ, nhận diện thương hiệu trên nhiều nền tảng, tạo được vị thế mới trên thị trường, nhất là trong quan hệ với các đối tác.

*Corporate Governance: The Company has completed the organization of its personnel structure, operational processes, and business software systems, contributing to improved effectiveness in management and operations. It has achieved certification for its information security management system ISO/IEC 27001:2002 and quality management system ISO 9001:2015, demonstrating compliance with international standards regarding information security, effective management of the Company's information assets, and a solid commitment to confidentiality with partners. This has opened up many global business opportunities for the future. The communication efforts have been intensified, actively supporting the promotion of products and services, enhancing brand recognition across multiple platforms, thereby creating a new market position, especially in relations with partners.*

- Các hoạt động kỷ niệm 25 năm thành lập công ty đã được tổ chức thiết thực, trang trọng, làm nổi bật thành tựu đã đạt được, những kinh nghiệm thành công; kết nối được quá khứ và hiện tại; khơi dậy lòng tự hào và tinh thần trách nhiệm của CBNV trong công ty; khẳng định được vị thế mới của công ty trên thị trường; trong quan hệ với các đối tác; đồng nghiệp và khách hàng.

*25th Anniversary Activities: The activities celebrating the Company's 25th anniversary have been organized in a practical and solemn manner, highlighting the achievements and successful experiences. These events have connected the past and present, evoking pride and a sense of responsibility among employees, and affirming the Company's new market position in its relationships with partners, colleagues, and customers.*

- Đã chi cổ tức năm bằng 10% / mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024. Trên cơ sở kết quả kinh doanh tốt của năm, kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định mức chi cổ tức cho cả năm 2024 là 15%/mệnh giá cổ phần (1.500 VND/cổ phần).

*Dividend Distribution: A dividend of 10% per share has been paid according to the resolution of the Annual General Meeting of Shareholders for 2024. Based on the strong business results of the year, it is proposed that the General Meeting of Shareholders approve the dividend for the entire year of 2024 at 15% of the par value (1.500 VND per share).*

- Việc thoái vốn tại một số công ty liên kết để đảm bảo tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn đã được đặt ra và triển khai song chưa thực hiện được do thị trường chưa thuận lợi.

*Withdrawal of Capital: The divestment from certain affiliated companies to ensure effective capital utilization has been planned and initiated, yet it has not been implemented due to unfavorable market conditions.*

**3. Kế hoạch, định hướng năm 2025 của Hội đồng quản trị**  
***Board of Directors' Plan and Orientation for 2025***

- Định hướng kinh doanh: phát huy nền tảng đã đạt được , tiếp tục khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản. Tập trung khai thác tốt các cơ hội kinh doanh một cách linh hoạt và hiệu quả.

*Business Orientation: Building on the established foundations, the Company will continue to effectively leverage resources including capital, personnel, and agency networks while focusing on investing in and enhancing the quality of core services. The goal is to exploit business opportunities flexibly and efficiently.*

- Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và quy trình quản lý - nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu thống nhất, tập trung và an toàn - hiệu quả trong toàn Công ty. Bổ sung và hoàn thiện nhân sự lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở Công ty và các chi nhánh. Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp , năng động , hiệu quả gắn với việc thực hiện chuyển đổi số , vận dụng nhiều hơn những thành tựu và xu hướng công nghệ mới trong tổ chức thực hiện và kinh doanh dịch vụ.

*Organizational Structure and Management Process: The Company will continue to research and refine its organizational structure and management processes to ensure consistency, centralization, and safety-effectiveness across the entire organization. Key leadership and management personnel will be supplemented and improved both at the Company and its branches. A professional, dynamic, and effective workforce will be built in line with the implementation of digital transformation, applying new technologies and trends more extensively in the organization and provision of services.*

- Rà soát và đánh giá hoạt động của các công ty liên doanh liên kết, phối hợp với các đối tác nâng cao hiệu quả quản trị và đầu tư, xem xét thoái vốn hoặc tăng vốn ở những dự án cụ thể khi có nhu cầu để tăng hiệu quả sử dụng vốn cho Công ty.

*Review and Evaluation of Joint Venture Activities: The activities of affiliated companies will be reviewed and evaluated, collaborating with partners to enhance management and investment efficiency. The Board will consider divesting or increasing capital in specific projects as needed to optimize the Company's capital utilization.*

- Xem xét đầu tư vào công ty phần mềm có liên quan để chủ động trong việc xây dựng , hoàn thiện, vận hành hệ thống phần mềm quản lý và nghiệp vụ ; quản trị dữ liệu và khai thác việc phát triển các dịch vụ có liên quan .

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động xem xét quyết định theo các phương thức phù hợp đảm bảo có lợi nhất cho Công ty.

*Investment in Relevant Software Companies: The Board will consider investing in related software companies to ensure proactive development, improvement, and operation of management and business software systems; manage data and leverage the development of related services. Propose that the Annual General Meeting of Shareholders authorize the Board of Directors to proactively consider*



*and decide in appropriate ways to ensure the best interests of the Company.*

- Thực hiện tốt Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo điều hành và tổ chức hoạt động của Công ty.  
*Effective Implementation of Internal Regulations: The Company will effectively implement internal regulations regarding corporate governance and the operational regulations of the Board of Directors in directing and organizing the Company's activities.*

**4. Các nội dung khác về tình hình quản trị công ty**  
***Other content on corporate governance***

- Được thông tin chi tiết trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 được đăng tải trên website của Công ty [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com) tại mục Cổ đông vào ngày 24/01/2025.  
*Detailed information is provided in the 2024 Corporate Governance Report posted on the Company's website [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com) in the Shareholders section on January 24, 2025.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**O/B THE BOARD OF DIRECTORS**  
**CHỦ TỊCH**  
**CHAIRMAN**



**Nguyễn Nam Tiến**



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS

VINALINK

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Số/No: ~~109~~ /2025/BC/VNL-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~21~~ tháng ~~03~~ năm 2025  
HCMC, ~~21/03~~ /2025

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**REPORT OF THE SUPERVISORY BOARD**

**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
**AT THE 2025 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

*Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly on June 17, 2020;*

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;

*Based on the duties, powers and responsibilities of the Board of Supervisors as stipulated in the Charter of Vinalink Logistics Joint Stock Company;*

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

*Pursuant to the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders;*

**I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:**  
**REPORT ON THE ACTIVITIES OF THE BOARD OF SUPERVISORS:**

- Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp theo định kỳ và Trưởng Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty.  
*Throughout the year, the Board of Supervisors held 03 periodic meetings, and Head of Supervisory Board attended all meetings of the Company's Board of Directors.*
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định theo Điều lệ Công ty.  
*Monitored compliance with the regulations according to the Company's Charter*
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các quy chế mà Công ty đã ban hành trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh.  
*Examined the implementation of the Resolutions of the General Shareholders' Meeting and the regulations issued by the Company regarding the management and operation.*
- Kiểm tra công tác tài chính, kế toán và việc tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật.

Trụ sở chính: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam - ĐT: 028 3991 9259

Email: [headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com) - Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)

*Reviewed financial and accounting work, as well as compliance with relevant legal regulations.*

- Soát xét, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.

*Reviewed and assessed the 6-month financial report and the audited financial report for the year 2024.*

## **II. BÁO CÁO VỀ THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT:**

### **REPORT ON THE REMUNERATION OF THE BOARD OF SUPERVISORS:**

- Mức thù lao trong năm của Ban kiểm soát đã thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

*The remuneration level for the Supervisory Board during the year was implemented in accordance with the Resolution of the General Shareholders' Meeting.*

## **III. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:**

### **REPORT ON THE RESULTS OF THE MONITORING OF THE COMPANY'S BUSINESS OPERATIONS AND FINANCIAL:**

#### **I. Về kết quả kinh doanh:**

##### **Regarding Business Results:**

Trong năm 2024, Công ty đã xuất sắc đạt vượt mức kế hoạch được giao về cả chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận.

*In 2024, the Company excelled in achieving and exceeding the targets set for both revenue and profit.*

Cụ thể / *Specifics* :

| <b>CHỈ TIÊU</b><br><i>Indicator</i>   | <b>THỰC HIỆN<br/>2023</b><br><i>Actual 2023</i><br><i>(VND)</i> | <b>KẾ HOẠCH<br/>2024</b><br><i>Plan 2024</i><br><i>(VND)</i> | <b>THỰC HIỆN<br/>2024</b><br><i>Actual 2024</i><br><i>(VND)</i> | <b>+/-</b><br><i>(VND)</i> | <b>Tỷ lệ</b><br><i>%</i> |
|---|---|--|---|----------------------------|--------------------------|
| DOANH THU<br><i>REVENUE</i>   | 729.154.403.208   | 900.000.000.000  | 1.152.738.721.057   | 252.738.721.057            | 128%                     |
| LỢI NHUẬN<br>TRƯỚC THUẾ<br><i>PROFIT</i><br><i>BEFORE TAX</i>                                     | 43.721.288.386  | 26.500.000.000   | 59.324.067.723  | 32.824.067.723             | 224%                     |
| Trong đó : từ<br>đầu tư dài hạn<br><i>Of which: from</i><br><i>long-term</i><br><i>investment</i> | 21.402.549.521  | 2.500.000.000  | 4.244.758,889   | 1.744.758.889              | 170%                     |

Điều này nhờ vào sự lãnh đạo đúng đắn tài tình của Ban Giám đốc Công ty. Ban Giám đốc đã trình Hội đồng quản trị xem xét và duyệt những thay đổi trong tổ chức, bộ

máy quản lý và đã có những phương án kinh doanh linh hoạt, kịp thời, thích ứng với diễn biến của thị trường.

- *This achievement is attributed to the wise and effective leadership of the Company's Board of Management. The Board has submitted to the Board of Directors for review and approval of changes in the organization and management structure, along with flexible and timely business plans that adapt to market developments.*

## **2. Về việc quản lý, điều hành kinh doanh:**

### ***About Business Management and Operation:***

Công ty đã tiến hành điều chỉnh cơ cấu tổ chức công ty, chấn chỉnh lại hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, tuân thủ theo Nội quy quản lý của công ty.

*The company has adjusted organizational structure, reorganized the business operations of its branches, and complied with the company's internal management regulations.*

Trong năm, Ban Giám đốc đã trình Hội đồng quản trị duyệt đề ban hành và bổ sung Quy chế trả lương, Quy chế khuyến khích kinh doanh đến từng đối tượng, tập thể nhằm khuyến khích người lao động làm việc nâng cao hiệu quả, gắn liền lợi nhuận công ty với lợi ích của người lao động.

*During the year, the Board of Management submitted to the Board of Directors for approval the issuance and amendment of the salary payment regulations and the incentive regulations for different individuals and collectives to encourage employees to work more effectively, linking the Company's profits with the benefits of its employees.*

Quy chế được xây dựng trên nguyên tắc: tiền lương tiền thưởng trả cho tập thể hoặc người lao động sẽ căn cứ vào năng suất, chất lượng, hiệu quả và mức độ đóng góp của cá nhân tập thể người lao động, đảm bảo sự công bằng và minh bạch giữa tập thể và cá nhân.

*The regulations are based on the principle that salaries and bonuses paid to collectives or individuals will be based on productivity, quality, efficiency, and the level of contribution of each employee, ensuring fairness and transparency between collectives and individuals.*

Chính việc triển khai Quy chế này đã mang lại bầu không khí làm việc hăng say trong toàn Công ty, góp phần mang lại kết quả năm 2024 thật tốt đẹp.

*The implementation of these regulations has created a dynamic working atmosphere throughout the Company, contributing to excellent results in 2024.*

## **3. Về thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:**

### ***About Implementing the Resolutions of the General Shareholders' Meeting:***

- Công ty đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ mà Nghị quyết đề ra.  
*The Company has fully complied with the tasks outlined in the Resolution.*
- Tiến hành chi cổ tức 10% bằng tiền đúng theo Nghị quyết.  
*Dividends of 10% in cash have been distributed according to the Resolution.*
- Hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ:  
*Activities of the Internal Supervisory Board:*



- Trong năm, Ban Kiểm soát nội bộ đã thực hiện được 1 trong 2 chuyên đề theo kế hoạch được giao là “ Nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận- vận chuyển hàng hóa tại Phòng Vận tải và Kho bãi ”.  
*During the year, the Internal Supervisory Board successfully completed one of the two topics assigned, which is “Improving the efficiency of cargo receiving and transportation operations at the Transport and Warehouse Department.”*
- Kết quả đã giúp cho Phòng Vận tải Kho bãi rà soát và thay đổi các quy trình, đề kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra.  
*The results have helped the Transport and Warehouse Department review and change processes to control and minimize potential risks.*

**4. Về tuân thủ các quy định pháp luật:**  
***About Compliance with Legal Regulations:***

Công ty đã hoạt động kinh doanh theo đúng các nội dung của Giấy phép đăng ký kinh doanh. Tuân thủ đầy đủ các quy định về báo cáo, hạch toán kế toán, tài chính, các nội dung và yêu cầu của việc công bố thông tin theo pháp luật hiện hành đối với công ty cổ phần.

*The Company has conducted its business activities in accordance with the contents of its business registration license. It has fully complied with the regulations on reporting, accounting, financial statements, and the requirements for information disclosure as per current laws applicable to joint-stock companies.*

**5. Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2024 đã kiểm toán:**  
***Evaluation of the Audited Financial Report for 2024:***

Báo cáo tài chính được lập theo đúng Chuẩn mực Kế toán Việt nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt nam.

*The financial report has been prepared in accordance with Vietnam Accounting Standards, the Corporate Accounting Regulations, and related legal provisions. The financial report has been audited by RSM Vietnam Audit and Consulting Company Limited.*

**IV. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC**  
***REPORT ON THE MONITORING RESULTS OF THE BOARD OF DIRECTORS AND THE CEO***

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã triển khai đúng các nội dung hoạt động theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

*The Board of Directors and the Board of Management have correctly implemented the activities in accordance with the spirit of the Resolutions of the General Shareholders' Meeting in 2024.*



Trong các cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên đã cùng Ban Giám đốc phân tích, đánh giá tình hình kinh doanh và đưa ra những chỉ đạo sát sao, kịp thời phù hợp với tình hình kinh doanh phát sinh trong năm.

*In the Board of Directors' meetings, members analyzed and evaluated the business situation, providing timely and appropriate directives that align with the business circumstances that arose during the year.*

**V. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC.  
REPORT ON THE COOPERATION RESULTS BETWEEN THE SUPERVISORY BOARD AND THE BOARD OF DIRECTORS AND THE CEO**

Hội đồng quản trị & Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện đầy đủ công việc theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các phòng ban đã cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu và thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty.

*The Board of Directors and the Board of Management—have supported the Supervisory Board in fully performing its duties and functions. Departments have provided complete data, documents, and information related to the Company's operations.*

Trưởng Ban kiểm soát được tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Các tài liệu trong cuộc họp đều được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm với Hội đồng quản trị. Điều này giúp cho Ban kiểm soát có thể giám sát tốt các hoạt động của Công ty, có ý kiến kịp thời với công tác quản lý, điều hành Công ty.

*The Head of the Supervisory Board has attended all meetings of the Board of Directors. The documents for the meetings were provided to the Supervisory Board concurrently with the Board of Directors. This allows the Supervisory Board to effectively monitor the Company's activities and provide timely feedback regarding management and operation.*

**VI. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ:  
PROPOSALS AND RECOMMENDATIONS:**

**1. Về xử lý nợ khó đòi:**

***Regarding Handling Bad Debts***

Đối với khách hàng Gia Bảo Hưng có khoản nợ từ năm 2020 Công ty đã liên tục thực hiện việc thu đòi thông qua Tòa án và được xử Gia Bảo Hưng phải thi hành án trả nợ cho Vinalink. Tuy nhiên đến 07/2024 Cơ quan thi hành án Lào cai đã có Quyết định về việc Gia Bảo Hưng chưa có điều kiện thi hành án.

*For the customer Gia Bao Hung, with a debt from 2020, the Company has continuously pursued recovery through the court system, resulting in a ruling that Gia Bao Hung must fulfill the debt repayment to Vinalink. However, as of July 2024, Lao Cai Court Enforcement Agency has determined that Gia Bao Hung is currently unable to fulfill this requirement.*

Hiện nay Công ty này đã ngưng hoạt động Khoản nợ này Vinalink đã trích dự phòng đầy đủ.

*This company has ceased operations, and Vinalink has fully reserved for this bad debt.*

Vậy đề nghị Hội đồng quản trị cho phép thực hiện xử lý xóa nợ trên báo cáo. Nếu sau này có thu hồi được sẽ ghi nhận vào Thu nhập khác.

*Therefore, we kindly submit the Board of Directors to allow for the write-off of this debt in the reports.*

*Should there be any recovery in the future, it will be recognized as other income.*

## **2. Về vấn đề đào tạo:**

### ***Regarding Training:***

Hiện nay các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý khác, Thư ký công ty chưa tham gia các khóa đào tạo về Quản trị công ty theo quy định về Quản trị công ty tại cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận. Đề nghị Công ty sắp xếp thời gian để các nhân sự liên quan tham gia cho đúng quy định.

*Currently, members of the Board of Directors, the Supervisory Board, the Board of Management, other management personnel, and the Company Secretary have not participated in training courses on corporate governance as required by the State Securities Commission-accredited training institutions. We request that the Company arrange for relevant personnel to participate in the required training courses.*

Ban Kiểm soát nội bộ : đề nghị nhân sự có kế hoạch đào tạo chuyên môn để có thể đảm nhận tốt hơn trong công việc.

*Internal Supervisory Board: we suggest that personnel have a professional training plan to be better equipped for their roles.*

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát, Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

*The above is the report from the Supervisory Board, respectfully submitted for approval by the General Shareholders' Meeting.*

Xin cảm ơn và kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

*Thank you and best wishes for a successful meeting.*

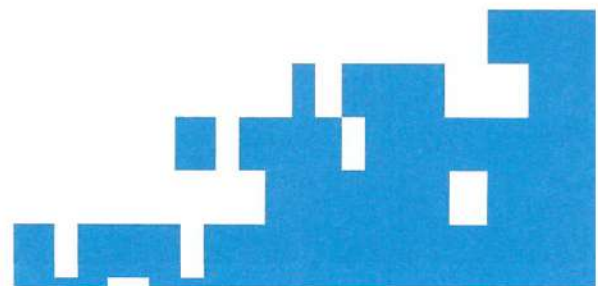
**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**O/B SUPERVISORY BOARD**  
**TRƯỞNG BAN**  
**HEAD OF SUPERVISORY BOARD**



**Phan Phương Tuyền**

## CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024



# CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## MỤC LỤC

|                                      | Trang   |
|--------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC            | 1 – 2   |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 3 – 4   |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  |         |
| Bảng cân đối kế toán                 | 5 – 6   |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7       |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 8 – 9   |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính    | 10 – 39 |



## CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u>          | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Nam Tiến | Chủ tịch       |
| Ông Vũ Quốc Bảo     | Thành viên     |
| Ông Vũ Thế Đức      | Thành viên     |
| Ông Nguyễn Quốc Huy | Thành viên     |
| Ông Đỗ Phú Kim      | Thành viên     |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u>           | <u>Chức vụ</u>                          |
|----------------------|---|
| Bà Phan Phương Tuyền | Trưởng ban                              |
| Bà Lê Thị Ngọc Anh   | Thành viên                              |
| Bà Trang Anh Xuân    | Thành viên (miễn nhiệm ngày 23/04/2024) |
| Ông Dương Trần An    | Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2024)   |

Ông Vũ Quốc Bảo là Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính đính kèm phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Vũ Quốc Bảo**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

236

ÔN

TN

TOÁN

[VI]

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Ơ

Số: 208/2025/KT-RSMHCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

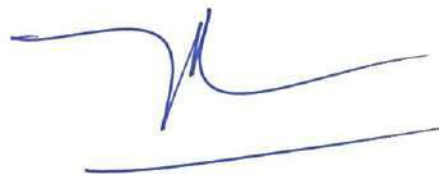
**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)****Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1



**Lý Trung Thành**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2822-2025-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | TM  | Tại ngày<br>31/12/2024 | Tại ngày<br>01/01/2024 |
|--|------------|-----|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |     | <b>359.500.564.189</b> | <b>294.763.771.975</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | 4.1 | <b>85.191.102.924</b>  | <b>67.187.750.644</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111        |     | 55.191.102.924         | 33.187.750.644         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |     | 30.000.000.000         | 34.000.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> | 4.6 | <b>10.000.000.000</b>  | <b>30.000.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        |     | 10.000.000.000         | 30.000.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |     | <b>259.548.764.000</b> | <b>195.721.027.210</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 4.2 | 267.566.341.972        | 202.894.366.629        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        |     | 853.273.822            | 1.720.994.560          |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        |     | 2.238.916.006          | 1.909.223.185          |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 4.3 | (11.109.767.800)       | (10.803.557.164)       |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>             | <b>150</b> |     | <b>4.760.697.265</b>   | <b>1.854.994.121</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        |     | 522.250.000            | 359.487.400            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |     | 3.714.215.073          | 971.274.529            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 4.8 | 524.232.192            | 524.232.192            |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |     | <b>96.873.845.402</b>  | <b>95.735.912.848</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |     | <b>2.428.740.880</b>   | <b>2.110.230.880</b>   |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        |     | 2.428.740.880          | 2.110.230.880          |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |     | <b>43.593.419.022</b>  | <b>42.988.172.115</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 4.4 | 17.207.169.022         | 16.648.172.115         |
| Nguyên giá                                   | 222        |     | 51.916.314.584         | 50.839.682.250         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |     | (34.709.145.562)       | (34.191.510.135)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 4.5 | 26.386.250.000         | 26.340.000.000         |
| Nguyên giá                                   | 228        |     | 26.670.000.000         | 26.520.000.000         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |     | (283.750.000)          | (180.000.000)          |
| <b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>         | <b>250</b> | 4.6 | <b>50.020.971.705</b>  | <b>49.030.594.213</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        |     | 50.686.493.302         | 50.686.493.302         |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        |     | 726.150.000            | 726.150.000            |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn         | 254        |     | (1.391.671.597)        | (2.382.049.089)        |
| <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |     | <b>830.713.795</b>     | <b>1.606.915.640</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        |     | 830.713.795            | 1.606.915.640          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>   | <b>270</b> |     | <b>456.374.409.591</b> | <b>390.499.684.823</b> |

(Xem tiếp trang sau)



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                    | Mã số      | TM     | Tại ngày<br>31/12/2024 | Tại ngày<br>01/01/2024 |
|--|------------|--------|------------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                        | <b>300</b> |        | <b>158.961.601.435</b> | <b>120.806.155.870</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                        | <b>310</b> |        | <b>117.509.202.975</b> | <b>78.445.105.870</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn               | 311        | 4.7    | 68.777.793.699         | 45.630.320.679         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn         | 312        |        | 518.973.987            | 352.817.575            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước       | 313        | 4.8    | 7.385.669.130          | 3.406.256.095          |
| 4. Phải trả người lao động                   | 314        | 4.9    | 24.639.675.438         | 17.456.522.500         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                 | 315        |        | 9.843.483.861          | 5.171.485.408          |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                    | 319        | 4.10   | 5.546.589.441          | 5.110.241.750          |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                 | 322        |        | 797.017.419            | 1.317.461.863          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                        | <b>330</b> |        | <b>41.452.398.460</b>  | <b>42.361.050.000</b>  |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn          | 336        | 4.11   | 9.500.000.000          | 9.500.000.000          |
| 2. Phải trả dài hạn khác                     | 337        | 4.10   | 31.952.398.460         | 32.861.050.000         |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> |        | <b>297.412.808.156</b> | <b>269.693.528.953</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                     | <b>410</b> | 4.12.1 | <b>297.412.808.156</b> | <b>269.693.528.953</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                 | 411        | 4.12.2 | 141.404.870.000        | 141.404.870.000        |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |        | 141.404.870.000        | 141.404.870.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                      | 412        |        | 4.950.000.000          | 4.950.000.000          |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu                   | 414        |        | 10.000.000.000         | 10.000.000.000         |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         | 421        |        | 141.057.938.156        | 113.338.658.953        |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước      | 421a       |        | 102.694.318.053        | 83.095.227.400         |
| LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |        | 38.363.620.103         | 30.243.431.553         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b> | <b>440</b> |        | <b>456.374.409.591</b> | <b>390.499.684.823</b> |



Vũ Quốc Bảo  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh  
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | TM     | Năm 2024          | Năm 2023        |
|--|-------|--------|-------------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    |        | 1.152.738.721.057 | 729.154.403.208 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | 5.1    | 1.152.738.721.057 | 729.154.403.208 |
| 3. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 5.2    | 1.072.332.608.532 | 687.373.125.063 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |        | 80.406.112.525    | 41.781.278.145  |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | 5.3    | 15.242.999.635    | 32.049.154.287  |
| 6. Chi phí tài chính                               | 22    |        | 5.587.169.444     | 4.959.479.288   |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | 5.4    | 30.834.449.068    | 25.054.178.037  |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 30    |        | 59.227.493.648    | 43.816.775.107  |
| 9. Thu nhập khác                                   | 31    |        | 226.574.075       | 64.636.364      |
| 10. Chi phí khác                                   | 32    |        | 130.000.000       | 160.123.085     |
| 11. Lợi nhuận khác                                 | 40    |        | 96.574.075        | (95.486.721)    |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |        | 59.324.067.723    | 43.721.288.386  |
| 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 51    | 5.6    | 13.890.204.120    | 6.407.613.333   |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |        | 45.433.863.603    | 37.313.675.053  |
| 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | 4.12.3 | 3.149             | 2.586           |
| 16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | 4.12.3 | 3.149             | 2.586           |



Vũ Quốc Bảo  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh  
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | TM  | Năm 2024         | Năm 2023         |
|--|-------|-----|------------------|------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |       |     |                  |                  |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01    |     | 59.324.067.723   | 43.721.288.386   |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |       |     |                  |                  |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT   | 02    | 5.5 | 2.326.884.093    | 2.138.267.273    |
| Các khoản dự phòng   | 03    |     | (684.166.856)    | 563.873.241      |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04    |     | 588.024.584      | 351.346.546      |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05    |     | (5.886.404.420)  | (24.898.123.219) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động                         | 08    |     | 55.668.405.124   | 21.876.652.227   |
| Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09    |     | (66.970.223.363) | (25.560.804.031) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    |     | 34.881.073.492   | 8.288.565.842    |
| Tăng giảm chi phí trả trước  | 12    |     | 613.439.245      | (435.955.132)    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15    | 4.8 | (10.831.684.631) | (7.269.827.151)  |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh  | 17    |     | (1.354.500.000)  | (852.444.444)    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  | 20    |     | 12.006.509.867   | (3.953.812.689)  |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |       |     |                  |                  |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                              | 21    |     | (2.932.131.000)  | (405.360.000)    |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                           | 22    |     | 226.574.075      | 63.636.364       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác                                    | 23    |     | -                | (25.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                | 24    |     | 20.000.000.000   | 10.000.000.000   |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25    |     | -                | (2.000.000.000)  |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27    |     | 5.556.444.045    | 17.109.933.431   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  | 30    |     | 22.850.887.120   | (231.790.205)    |

(Xem tiếp trang sau)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số | TM     | Năm 2024         | Năm 2023         |
|---|-------|--------|------------------|------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>      |       |        |                  |                  |
| 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu              | 36    | 4.12.4 | (16.968.584.400) | (14.611.843.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính            | 40    |        | (16.968.584.400) | (14.611.843.500) |
| <b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>                       |       |        |                  |                  |
| (50 = 20 + 30 + 40)                                     | 50    |        | 17.888.812.587   | (18.797.446.394) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                        | 60    |        | 67.187.750.644   | 85.975.264.733   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61    |        | 114.539.693      | 9.932.305        |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>                |       |        |                  |                  |
| (70 = 50 + 60 + 61)                                     | 70    | 4.1    | 85.191.102.924   | 67.187.750.644   |



Vũ Quốc Bảo  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh  
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 05 tháng 06 năm 2024 để cập nhật tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài và tên Công ty viết tắt.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 141.404.870.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 339 người (31/12/2023: 310 người).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Dịch vụ vận tải.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động logistics;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải nội địa và quá cảnh (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Chuyển phát;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển. Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài. Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu. Dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện. Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh các dịch vụ về kho gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS). Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**1.5. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo**

Trong năm nay, do thị trường xuất nhập khẩu phục hồi và tăng trưởng dẫn đến nhu cầu về dịch vụ logistics cũng tăng tương ứng. Do đó, doanh thu và giá vốn của Công ty trong năm nay tăng đáng kể so với năm trước.

**1.6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

| Tên   | Ngành nghề hoạt động chính   | Địa chỉ  | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|---|--|--|------------------------|---------------|---------------|
| <b>Công ty liên doanh, liên kết:</b>                |  |  |                        |               |               |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Miền Trung        | Cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật | 184 đường Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng                                      | 27,89%                 | 27,89%        | 27,89%        |
| Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành                 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa  | Lô KB13, đường T5, Khu thương mại - công nghiệp Kim Thành, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai | 30,00%                 | 56,52%        | 56,52%        |
| Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết | Cung cấp dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế   | Số 30 đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh                                  | 30,00%                 | 30,00%        | 30,00%        |
| Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink                 | Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; gửi hàng; giao nhận hàng hóa; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan  | Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh   | 40,00%                 | 40,00%        | 40,00%        |
| Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật                      | Cung cấp dịch vụ vận tải và giao nhận hàng đông lạnh, hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ xây dựng và cho thuê kho bãi; dịch vụ xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị, nhà xưởng  | 18A Lưu Trọng Lư, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh                                       | 25,00%                 | 9,15%         | 9,15%         |
| Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển              | Cung cấp dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế   | Số 46-48 đường Hậu Giang, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh                                     | 50,00%                 | 30,00%        | 30,00%        |
| Công ty TNHH RCL (Việt Nam)                         | Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải biển, làm đại lý container, thực hiện các nghiệp vụ khác theo ủy quyền   | Số 436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh                                   | 33,33%                 | 20,00%        | 20,00%        |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**1.6. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2024 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 29 tháng 07 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 04 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 11 năm 2021. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Các đơn vị trực thuộc đều có cùng ngành nghề hoạt động chính với trụ sở chính.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG****3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);
- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận các khoản tài sản và công nợ là tỷ giá hạch toán từ 24.000 VND/USD đến 25.000 VND/USD;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán từ 24.000 VND/USD đến 25.000 VND/USD.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**3.4. Đầu tư tài chính*****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.4. Đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

*Đầu tư vào công ty liên doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

*Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

*Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết, công ty liên doanh và đơn vị khác*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**3.5. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

|                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị               | 05 - 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 11 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 08 năm |

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là từ 03 – 06 năm.

**3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.9. Lương**

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

**3.10. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

**3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.12. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**3.13. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.15. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

361  
ÔNG  
TINH  
DÂN  
VIỆ  
33  
C  
C  
C  
N  
H



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.15. Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận tải quốc tế: 0%;
- Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức và dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Cụ thể, các dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức và dịch vụ nội địa khác do Công ty cung cấp được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.18. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.19. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | Tại ngày<br>31/12/2024<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2024<br>VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt                        | 837.044.737                   | 963.182.590                   |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 54.354.058.187                | 32.224.568.054                |
| Các khoản tương đương tiền (*)  | 30.000.000.000                | 34.000.000.000                |
| <b>Cộng</b>                     | <b>85.191.102.924</b>         | <b>67.187.750.644</b>         |

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,6%/năm.

(Xem tiếp trang sau)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|  | Tại ngày<br>31/12/2024<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2024<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan -<br>Xem thêm Mục 7             | 101.999.641                   | 105.146.149                   |
| Phải thu khách hàng trong nước:  | 255.549.548.642               | 194.505.502.742               |
| <i>Công ty TNHH Techtronic Industries Việt Nam<br/>    Manufacturing</i> | 66.767.011.751                | 61.726.978.459                |
| <i>Công ty Cổ Phần Hàng Không Vietjet</i>                                | 36.882.062.573                | 33.283.266.972                |
| <i>Công ty TNHH Green Planet Distribution Centre</i>                     | 32.544.105.245                | 8.930.154.486                 |
| <i>Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Gia Bảo<br/>    Hưng</i>          | 9.856.800.000                 | 9.856.800.000                 |
| <i>Công ty TNHH Công Nghiệp Intco Việt Nam</i>                           | 9.386.619.948                 | 182.323.420                   |
| <i>Công ty TNHH Giao Nhận Daijin Việt Nam</i>                            | 6.612.748.305                 | 10.298.590.664                |
| <i>Các khách hàng khác (*)</i>   | 93.500.200.820                | 70.227.388.741                |
| Phải thu khách hàng nước ngoài:  | 11.914.793.689                | 8.283.717.738                 |
| <i>Amazon.com Services LLC</i>   | 4.765.404.071                 | 44.657.082                    |
| <i>APG Australia Post Global Ecommerce Solutions<br/>    (Aust)</i>      | 2.697.106.529                 | 2.417.626.943                 |
| <i>Macmel Shipping Pte., Ltd</i>   | 758.850.627                   | 1.659.965.395                 |
| <i>Khách hàng nước ngoài khác</i>  | 3.693.432.462                 | 4.161.468.318                 |
| <b>Cộng</b>  | <b>267.566.341.972</b>        | <b>202.894.366.629</b>        |

(\*) Tại ngày 31/12/2024, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Nợ xấu

|  | Tại ngày 31/12/2024 |                        | Tại ngày 01/01/2024 |                        |
|--|---------------------|------------------------|---------------------|------------------------|
|  | VND                 |                        | VND                 |                        |
|  | Giá gốc             | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc             | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán   | 11.433.748.900      | 323.981.100            | 10.803.557.164      | -                      |
| Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau: |                     |                        |                     |                        |
|  | Tại ngày 31/12/2024 |                        | Tại ngày 01/01/2024 |                        |
|  | VND                 |                        | VND                 |                        |
|  | Giá gốc             | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc             | Giá trị có thể thu hồi |
|  |                     | Thời gian quá hạn      |                     | Thời gian quá hạn      |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia Bảo Hưng   | 9.856.800.000       | -                      | 9.856.800.000       | -                      |
| Các đối tượng khác   | 1.576.948.900       | 323.981.100            | 946.757.164         | -                      |
| Cộng   | 11.433.748.900      | 323.981.100            | 10.803.557.164      | -                      |

(Xem tiếp trang sau)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Tàng, giám tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục               | Nhà cửa, vật kiến trúc<br>VND | Máy móc, thiết bị<br>VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn<br>VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|-------------------------|-------------------------------|--------------------------|--|----------------------------------|------------------|
| Nguyên giá:             |                               |                          |  |                                  |                  |
| Tại ngày 01/01/2024     | 21.838.529.093                | 667.950.476              | 27.531.299.177                         | 801.903.504                      | 50.839.682.250   |
| Tăng trong năm          | -                             | -                        | 2.285.931.000                          | 496.200.000                      | 2.782.131.000    |
| Thanh lý, nhượng bán    | -                             | -                        | (1.705.498.666)                        | -                                | (1.705.498.666)  |
| Tại ngày 31/12/2024     | 21.838.529.093                | 667.950.476              | 28.111.731.511                         | 1.298.103.504                    | 51.916.314.584   |
| Giá trị hao mòn lũy kế: |                               |                          |  |                                  |                  |
| Tại ngày 01/01/2024     | 9.934.454.772                 | 397.931.782              | 23.279.455.076                         | 579.668.505                      | 34.191.510.135   |
| Khấu hao trong năm      | 847.587.708                   | 73.113.516               | 1.166.032.886                          | 136.399.983                      | 2.223.134.093    |
| Thanh lý, nhượng bán    | -                             | -                        | (1.705.498.666)                        | -                                | (1.705.498.666)  |
| Tại ngày 31/12/2024     | 10.782.042.480                | 471.045.298              | 22.739.989.296                         | 716.068.488                      | 34.709.145.562   |
| Giá trị còn lại:        |                               |                          |  |                                  |                  |
| Tại ngày 01/01/2024     | 11.904.074.321                | 270.018.694              | 4.251.844.101                          | 222.234.999                      | 16.648.172.115   |
| Tại ngày 31/12/2024     | 11.056.486.613                | 196.905.178              | 5.371.742.215                          | 582.035.016                      | 17.207.169.022   |

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.893.467.751 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.5. Tài sản cố định vô hình**

| Khoản mục                  | Giá trị quyền sử dụng đất<br>VND | Phần mềm máy vi tính<br>VND | Cộng<br>VND           |
|----------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá:                |                                  |                             |                       |
| Tại ngày 01/01/2024        | 26.130.000.000                   | 390.000.000                 | 26.520.000.000        |
| Mua sắm trong năm          | -                                | 150.000.000                 | 150.000.000           |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b> | <b>26.130.000.000</b>            | <b>540.000.000</b>          | <b>26.670.000.000</b> |
| Giá trị hao mòn lũy kế:    |                                  |                             |                       |
| Tại ngày 01/01/2024        | -                                | 180.000.000                 | 180.000.000           |
| Khấu hao trong năm         | -                                | 103.750.000                 | 103.750.000           |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b> | <b>-</b>                         | <b>283.750.000</b>          | <b>283.750.000</b>    |
| Giá trị còn lại:           |                                  |                             |                       |
| Tại ngày 01/01/2024        | 26.130.000.000                   | 210.000.000                 | 26.340.000.000        |
| <b>Tại ngày 31/12/2024</b> | <b>26.130.000.000</b>            | <b>256.250.000</b>          | <b>26.386.250.000</b> |

**4.6. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, lãi suất 3,9%/năm tại ngày 31/12/2024.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

|   | Tại ngày 31/12/2024   |                    |                      | Tại ngày 01/01/2024   |                    |                      |
|---|-----------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|----------------------|
|   | Giá gốc               | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng             | Giá gốc               | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng             |
| VND   |                       |                    |                      |                       |                    |                      |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:            |                       |                    |                      |                       |                    |                      |
| Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành                 | 19.120.589.000        |                    | 1.391.671.597        | 19.120.589.000        |                    | 2.382.049.089        |
| Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết | 9.007.800.000         |                    | -                    | 9.007.800.000         |                    | -                    |
| Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung        | 8.784.000.000         | 14.932.800.000     | -                    | 8.784.000.000         | 22.750.560.000     | -                    |
| Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink                 | 4.000.000.000         |                    | -                    | 4.000.000.000         |                    | -                    |
| Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật                      | 4.908.430.302         |                    | -                    | 4.908.430.302         |                    | -                    |
| Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển              | 3.918.874.000         |                    | -                    | 3.918.874.000         |                    | -                    |
| Công ty TNHH RCL (Việt Nam)                         | 946.800.000           |                    | -                    | 946.800.000           |                    | -                    |
| <b>Cộng</b>   | <b>50.686.493.302</b> |                    | <b>1.391.671.597</b> | <b>50.686.493.302</b> |                    | <b>2.382.049.089</b> |

Đầu tư vào đơn vị khác:

|                                     |             |   |             |   |
|-------------------------------------|-------------|---|-------------|---|
| Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans | 726.150.000 | - | 726.150.000 | - |
|-------------------------------------|-------------|---|-------------|---|

(\*) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung trên cơ sở giá giao dịch đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM tại ngày báo cáo và số lượng cổ phần mà Công ty đang nắm giữ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư còn lại để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Phải trả người bán ngắn hạn

|   | Tại ngày 31/12/2024 |                       | Tại ngày 01/01/2024 |                       |
|---|---------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|
|   | Giá trị             | Số có khả năng trả nợ | Giá trị             | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả người bán trong nước:                | 30.094.045.438      | 30.094.045.438        | 22.603.435.686      | 22.603.435.686        |
|   | 3.928.352.000       | 3.928.352.000         | 396.820.080         | 396.820.080           |
|   | 2.358.039.676       | 2.358.039.676         | 718.594.597         | 718.594.597           |
|   | 1.756.031.920       | 1.756.031.920         | 1.328.593.840       | 1.328.593.840         |
|   | 1.009.478.160       | 1.009.478.160         | 716.495.760         | 716.495.760           |
|   | 530.990.402         | 530.990.402           | 1.357.580.636       | 1.357.580.636         |
| Công ty TNHH Vận Tài Thế Luân                 | 20.511.153.280      | 20.511.153.280        | 18.085.350.773      | 18.085.350.773        |
| Công ty TNHH Maersk Việt Nam                  |                     |                       |                     |                       |
| Công ty TNHH Nguyễn Quyết                     |                     |                       |                     |                       |
| Công ty Cổ Phần Proship                       |                     |                       |                     |                       |
| Công ty TNHH Thương Mại Và Vận Tài Thuận Phát |                     |                       |                     |                       |
| Các nhà cung cấp khác (*)                     |                     |                       |                     |                       |
| Phải trả người bán nước ngoài:                | 38.683.748.261      | 38.683.748.261        | 23.026.884.993      | 23.026.884.993        |
|   | 4.472.431.454       | 4.472.431.454         | 3.156.975.353       | 3.156.975.353         |
|   | 3.048.221.780       | 3.048.221.780         | 1.303.138.379       | 1.303.138.379         |
|   | 2.703.347.413       | 2.703.347.413         | 1.269.282.736       | 1.269.282.736         |
|   | 1.800.410.078       | 1.800.410.078         | 1.457.718.445       | 1.457.718.445         |
|   | 1.792.746.055       | 1.792.746.055         | 1.328.264.117       | 1.328.264.117         |
| Jag Ufs (International) Ltd                   | 24.866.591.481      | 24.866.591.481        | 14.511.505.963      | 14.511.505.963        |
| BTX Global Logistics                          |                     |                       |                     |                       |
| Eagles Air & Sea (Thailand) Co., Ltd          |                     |                       |                     |                       |
| Express Line Corporation                      |                     |                       |                     |                       |
| Qualit Air & Sea Germany Gmbh                 |                     |                       |                     |                       |
| Các nhà cung cấp khác (*)                     |                     |                       |                     |                       |
| Cộng  | 68.777.793.699      | 68.777.793.699        | 45.630.320.679      | 45.630.320.679        |

(\*) Tại ngày 31/12/2024, phải trả cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)





CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

|                               | Tại ngày 31/12/2024 |               | Trong năm      |                | Tại ngày 01/01/2024 |               |
|-------------------------------|---------------------|---------------|----------------|----------------|---------------------|---------------|
|                               | Phải thu            | Phải nộp      | Phải nộp       | Đã nộp         | Phải thu            | Phải nộp      |
| VND                           |                     |               |                |                |                     |               |
| Thuế giá trị gia tăng         | -                   | 39.019.913    | 32.548.033.555 | 827.178.349    | -                   | 120.791.287   |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp    | -                   | 5.790.204.120 | 13.890.204.120 | 10.831.684.631 | -                   | 2.731.684.631 |
| Thuế thu nhập cá nhân         | -                   | 1.413.794.876 | 9.914.905.125  | 8.961.788.824  | -                   | 460.678.575   |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 524.232.192         | -             | 1.531.658.394  | 1.531.658.394  | 524.232.192         | -             |
| Các loại thuế khác            | -                   | 142.650.221   | 1.223.424.602  | 1.173.875.983  | -                   | 93.101.602    |
|                               |                     |               |                |                |                     |               |
| Cộng                          | 524.232.192         | 7.385.669.130 | 59.108.225.796 | 23.326.186.181 | 524.232.192         | 3.406.256.095 |

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn năm 2016 - 2020, theo đó đơn giá được xác định lại này thấp hơn so với đơn giá đang được Công ty áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
  - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
  - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà Nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017 cho Công ty.

Hiện tại, Chi cục Thuế Quận 4 vẫn chưa có quyết định điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017 cho Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.9. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2024 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2024.

**4.10. Phải trả khác**

|                                   | Tại ngày<br>31/12/2024<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2024<br>VND |
|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn:                         |                               |                               |
| Hoa hồng phải trả                 | 4.747.288.105                 | 3.785.226.593                 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 799.301.336                   | 1.325.015.157                 |
| <b>Cộng</b>                       | <b>5.546.589.441</b>          | <b>5.110.241.750</b>          |
| Dài hạn:                          |                               |                               |
| Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)    | 31.888.520.960                | 32.800.000.000                |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 63.877.500                    | 61.050.000                    |
| <b>Cộng</b>                       | <b>31.952.398.460</b>         | <b>32.861.050.000</b>         |

(\*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm Mục 9.

**4.11. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Là khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 còn lại chờ phân bổ - Xem thêm Mục 9.

Từ năm 2021, căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty đã có Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01 tháng 04 năm 2021 điều chỉnh kế hoạch phân bổ lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước của hợp đồng 2391/HĐHT.12 nêu trên cho thời gian còn lại phù hợp theo tiến độ thực hiện của hợp đồng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|   | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu |                             |                              | Tổng cộng VND   |
|---|----------------------------|------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------|
|   |                            | Thặng dư vốn cổ phần VND           | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND |                 |
| Tại ngày 01/01/2023   | 94.270.000.000             | 4.950.000.000                      | 10.000.000.000              | 138.649.697.400              | 247.869.697.400 |
| Lãi trong năm 2023  | -                          | -                                  | -                           | 37.313.675.053               | 37.313.675.053  |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu                                   | 47.134.870.000             | -                                  | -                           | (47.134.870.000)             | -               |
| Chia cổ tức đợt 2 năm 2022                                  | -                          | -                                  | -                           | (7.541.600.000)              | (7.541.600.000) |
| Chia cổ tức đợt 1 năm 2023                                  | -                          | -                                  | -                           | (7.070.243.500)              | (7.070.243.500) |
| Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022     | -                          | -                                  | -                           | (878.000.000)                | (878.000.000)   |
| Tại ngày 01/01/2024   | 141.404.870.000            | 4.950.000.000                      | 10.000.000.000              | 113.338.658.953              | 269.693.528.953 |
| Lãi trong năm 2024  | -                          | -                                  | -                           | 45.433.863.603               | 45.433.863.603  |
| Chia cổ tức đợt 2 năm 2023 (*)                              | -                          | -                                  | -                           | (9.898.340.900)              | (9.898.340.900) |
| Chia cổ tức đợt 1 năm 2024                                  | -                          | -                                  | -                           | (7.070.243.500)              | (7.070.243.500) |
| Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 (*) | -                          | -                                  | -                           | (746.000.000)                | (746.000.000)   |
| Tại ngày 31/12/2024   | 141.404.870.000            | 4.950.000.000                      | 10.000.000.000              | 141.057.938.156              | 297.412.808.156 |

(\*) Chia cổ tức và trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 280/2024/NQ/VNL-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2024.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.12.2. Cổ phiếu**

|  | <b>Tại ngày<br/>31/12/2024</b> | <b>Tại ngày<br/>01/01/2024</b> |
|--|--------------------------------|--------------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành    | 14.140.487                     | 14.140.487                     |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 14.140.487                     | 14.140.487                     |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành        | 14.140.487                     | 14.140.487                     |

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

**4.12.3. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

|  | <b>Năm 2024<br/>VND</b> | <b>Năm 2023<br/>VND</b> |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty                               | 45.433.863.603          | 37.313.675.053          |
| Trích quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)                     | (908.677.272)           | (746.000.000)           |
| Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu          | 44.525.186.331          | 36.567.675.053          |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**) | 14.140.487              | 14.140.487              |
| <b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>                        | <b>3.149</b>            | <b>2.586</b>            |

(\*) Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Quỹ khen thưởng phúc lợi) được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tạm tính dựa vào tỷ lệ phân bổ trên lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 2% theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 04 năm 2024.

(\*\*) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm được tính như sau:

|   | <b>Năm 2024</b>   | <b>Năm 2023</b>   |
|---|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm  | 14.140.487        | 9.427.000         |
| Ảnh hưởng của 4.713.487 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 25 tháng 07 năm 2023 để chia cổ tức được điều chỉnh tăng theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 | -                 | 4.713.487         |
| <b>Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm</b>  | <b>14.140.487</b> | <b>14.140.487</b> |

**4.12.4. Cổ tức**

|                                      | <b>Năm 2024<br/>VND</b> | <b>Năm 2023<br/>VND</b> |
|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông | (16.968.584.400)        | (14.611.843.500)        |

(Xem tiếp trang sau)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

|  | Tại ngày<br>31/12/2024        | Tại ngày<br>01/01/2024        |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngoại tệ các loại:   |                               |                               |
| USD  | 450.195,50                    | 128.016,30                    |
|  | Tại ngày<br>31/12/2024<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2024<br>VND |
| Nợ khó đòi đã xử lý do không còn khả năng thu hồi:             |                               |                               |
| Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu<br>Kim Hợp Phát | 999.534.500                   | 999.534.500                   |
| Công ty TNHH Techcom Life Technologies Việt Nam                | 426.723.472                   | 426.723.472                   |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.426.257.972</b>          | <b>1.426.257.972</b>          |

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

|  | Năm 2024<br>VND          | Năm 2023<br>VND        |
|--|--------------------------|------------------------|
| Doanh thu trụ sở TP. Hồ Chí Minh:  | 741.104.521.763          | 484.077.874.931        |
| <i>Dịch vụ hàng không</i>  | 338.947.421.545          | 224.169.428.663        |
| <i>Dịch vụ đường biển</i>  | 256.218.202.560          | 159.948.796.132        |
| <i>Dịch vụ logistics</i>   | 145.938.897.658          | 99.959.650.136         |
| Doanh thu chi nhánh Hà Nội   | 374.281.575.433          | 209.682.257.228        |
| Doanh thu chi nhánh Hải Phòng  | 28.978.518.519           | 28.503.454.082         |
| Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng  | 8.374.105.342            | 6.890.816.967          |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.152.738.721.057</b> | <b>729.154.403.208</b> |
| Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên có liên quan - Xem thêm Mục 7 | 2.365.365.559            | 1.386.298.983          |

Mục 1.5 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân tăng doanh thu năm nay so với năm trước.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 5.2. Giá vốn cung cấp dịch vụ

|                                 | Năm 2024<br>VND          | Năm 2023<br>VND        |
|---------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Giá vốn trụ sở TP. Hồ Chí Minh: | 668.045.133.840          | 442.159.788.156        |
| <i>Dịch vụ hàng không</i>       | 305.853.915.226          | 201.509.832.452        |
| <i>Dịch vụ đường biển</i>       | 220.658.532.404          | 142.726.574.538        |
| <i>Dịch vụ logistics</i>        | 141.532.686.210          | 97.923.381.166         |
| Giá vốn chi nhánh Hà Nội        | 328.586.851.156          | 210.232.571.035        |
| Giá vốn chi nhánh Hải Phòng     | 66.620.549.278           | 27.008.217.738         |
| Giá vốn chi nhánh Đà Nẵng       | 9.080.074.258            | 7.972.548.134          |
| <b>Cộng</b>                     | <b>1.072.332.608.532</b> | <b>687.373.125.063</b> |

Giá vốn cung cấp dịch vụ tăng cùng chiều với doanh thu trong năm.

## 5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

|  | Năm 2024<br>VND       | Năm 2023<br>VND       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các bên liên quan<br>– Xem thêm Mục 7 | 4.165.038.889         | 21.402.549.521        |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia từ đơn vị khác                           | 79.720.000            | -                     |
| Lãi tiền gửi   | 1.415.071.456         | 3.431.937.334         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái                                       | 9.583.169.290         | 7.214.667.432         |
| <b>Cộng</b>  | <b>15.242.999.635</b> | <b>32.049.154.287</b> |

Doanh thu tài chính giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu do các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết năm nay giảm mạnh.

## 5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                      | Năm 2024<br>VND       | Năm 2023<br>VND       |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên                    | 17.531.469.534        | 13.889.686.094        |
| Chi phí vật liệu                     | 74.277.441            | 104.028.231           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng            | 121.618.000           | 42.483.500            |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định     | 1.350.719.697         | 1.183.008.617         |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 306.210.636           | 1.165.853.417         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài            | 9.671.135.276         | 7.284.183.581         |
| Các khoản chi phí khác               | 1.779.018.484         | 1.384.934.597         |
| <b>Cộng</b>                          | <b>30.834.449.068</b> | <b>25.054.178.037</b> |

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu do chi phí lương thưởng cho nhân viên tăng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm 2024<br>VND          | Năm 2023<br>VND        |
|----------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân công                | 104.585.619.917          | 80.264.728.526         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.326.884.093            | 2.138.267.273          |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu     | 306.210.636              | 1.165.853.417          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 951.247.592.218          | 590.580.120.908        |
| Chi phí khác bằng tiền           | 44.700.750.736           | 38.278.332.976         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>1.103.167.057.600</b> | <b>712.427.303.100</b> |

**5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|  | Năm 2024<br>VND       | Năm 2023<br>VND      |
|--|-----------------------|----------------------|
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)                           | 13.890.204.120        | 6.231.684.631        |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | -                     | 175.928.702          |
| <b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>  | <b>13.890.204.120</b> | <b>6.407.613.333</b> |

(\*) Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

|   | Năm 2024<br>VND       | Năm 2023<br>VND      |
|---|-----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm                              | 59.324.067.723        | 43.721.288.386       |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng                                     | 14.608.039.768        | 12.725.470.689       |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm                                      | (4.481.086.889)       | (25.288.335.920)     |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh                          | 69.451.020.602        | 31.158.423.155       |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành                                       | 20%                   | 20%                  |
| <b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b> | <b>13.890.204.120</b> | <b>6.231.684.631</b> |

Các khoản điều chỉnh tăng/giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN:

- Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Các khoản phạt thuế;
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- Chi phí trích trước chưa có hóa đơn;
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh;
- Miền Bắc: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hải Phòng;
- Miền Trung: Thành phố Đà Nẵng.

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

|   | Miền Nam                |                | Miền Bắc       |                | Miền Trung   |              | Loại trừ         |                 | Tổng cộng        |                |
|---|-------------------------|----------------|----------------|----------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------------|----------------|
|   | Năm 2024                | Năm 2023       | Năm 2024       | Năm 2023       | Năm 2024     | Năm 2023     | Năm 2024         | Năm 2023        | Năm 2024         | Năm 2023       |
|   | Đơn vị tính: Triệu đồng |                |                |                |              |              |                  |                 |                  |                |
| <b>Doanh thu</b>  |                         |                |                |                |              |              |                  |                 |                  |                |
| Từ khách hàng bên ngoài                                       | 741.105                 | 484.078        | 403.260        | 238.186        | 8.374        | 6.891        | -                | -               | 1.152.739        | 729.154        |
| Giữa các bộ phận  | 12.611                  | 7.479          | 92.713         | 48.743         | 1.325        | 1.617        | (106.649)        | (57.839)        | -                | -              |
| <b>Cộng</b>   | <b>753.716</b>          | <b>491.557</b> | <b>495.973</b> | <b>286.929</b> | <b>9.699</b> | <b>8.508</b> | <b>(106.649)</b> | <b>(57.839)</b> | <b>1.152.739</b> | <b>729.154</b> |
| <b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>                           |                         |                |                |                |              |              |                  |                 |                  |                |
| Kết quả của bộ phận   | 70.211                  | 41.576         | 9.830          | (165)          | 365          | 369          | -                | -               | 80.406           | 41.781         |
| Chi phí không phân bổ   |                         |                |                |                |              |              |                  |                 | (30.834)         | (25.054)       |
| Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính |                         |                |                |                |              |              |                  |                 | 49.572           | 16.727         |
| Thu nhập tài chính  |                         |                |                |                |              |              |                  |                 | 15.243           | 32.049         |
| Chi phí tài chính   |                         |                |                |                |              |              |                  |                 | (5.587)          | (4.959)        |
| Lợi nhuận khác  |                         |                |                |                |              |              |                  |                 | 97               | (95)           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                                    |                         |                |                |                |              |              |                  |                 | (13.890)         | (6.408)        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                                     |                         |                |                |                |              |              |                  |                 | <b>45.434</b>    | <b>37.314</b>  |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

|                         | Miền Nam               |                        | Miền Bắc               |                        | Miền Trung             |                        | Loại trừ               |                        | Tổng cộng              |                        |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                         | Tại ngày<br>31/12/2024 | Tại ngày<br>01/01/2024 | Tại ngày<br>31/12/2024 | Tại ngày<br>01/01/2024 | Tại ngày<br>31/12/2024 | Tại ngày<br>01/01/2024 | Tại ngày<br>31/12/2024 | Tại ngày<br>01/01/2024 | Tại ngày<br>31/12/2024 | Tại ngày<br>01/01/2024 |
| Tài sản của bộ phận     | 427.586                | 374.593                | 99.012                 | 70.351                 | 3.126                  | 3.114                  | (73.350)               | (57.558)               | 456.374                | 390.500                |
| <b>Tổng tài sản</b>     |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        | <b>456.374</b>         | <b>390.500</b>         |
| Nợ phải trả của bộ phận | 140.594                | 105.730                | 88.963                 | 69.893                 | 2.755                  | 2.741                  | (73.350)               | (57.558)               | 158.962                | 120.806                |
| <b>Tổng nợ phải trả</b> |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        | <b>158.962</b>         | <b>120.806</b>         |
|                         |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
|                         | Miền Nam               |                        | Miền Bắc               |                        | Miền Trung             |                        | Loại trừ               |                        | Tổng cộng              |                        |
|                         | Năm 2024               | Năm 2023               | Năm 2024               | Năm 2023               | Năm 2024               | Năm 2023               | Năm 2024               | Năm 2023               | Năm 2024               | Năm 2023               |
| Chi phí mua sắm tài sản | 2.932                  | 405                    | -                      | -                      | -                      | -                      | -                      | -                      | 2.932                  | 405                    |
| Chi phí khấu hao        | 2.133                  | 1.998                  | 194                    | 140                    | -                      | -                      | -                      | -                      | 2.327                  | 2.138                  |

Công ty không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

|   |                          |
|---|--------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung             | Công ty liên kết         |
| 2. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành                      | Công ty liên kết         |
| 3. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết      | Công ty liên kết         |
| 4. Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink                      | Công ty liên kết         |
| 5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật                           | Công ty liên doanh       |
| 6. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển                   | Công ty liên doanh       |
| 7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)                              | Công ty liên doanh       |
| 8. Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

|                                     | <b>Tại ngày<br/>31/12/2024<br/>VND</b> | <b>Tại ngày<br/>01/01/2024<br/>VND</b> |
|-------------------------------------|--|--|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng:   |  |  |
| Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật      | 101.999.641                            | 103.850.149                            |
| Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink | -                                      | 1.296.000                              |
| <b>Cộng - Xem thêm Mục 4.2</b>      | <b>101.999.641</b>                     | <b>105.146.149</b>                     |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

|  | <b>Năm 2024<br/>VND</b> | <b>Năm 2023<br/>VND</b> |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Cung cấp dịch vụ:                            |                         |                         |
| Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật               | 1.867.723.683           | 1.230.283.502           |
| Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink          | 414.780.976             | 11.971.956              |
| Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển       | 82.860.900              | 79.180.500              |
| Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung | -                       | 64.863.025              |
| <b>Cộng - Xem thêm Mục 5.1</b>               | <b>2.365.365.559</b>    | <b>1.386.298.983</b>    |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

|  | <b>Năm 2024<br/>VND</b> | <b>Năm 2023<br/>VND</b> |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Nhận cung cấp dịch vụ:                       |                         |                         |
| Công ty TNHH RCL (Việt Nam)                  | 2.486.779.194           | 1.266.660.772           |
| Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật               | 656.729.500             | 276.117.003             |
| Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển       | 220.452.495             | 870.192.993             |
| Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink          | 201.331.560             | 224.299.861             |
| Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung | -                       | 24.120.228              |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>3.565.292.749</b>    | <b>2.661.390.857</b>    |

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

|   | <b>Năm 2024<br/>VND</b> | <b>Năm 2023<br/>VND</b> |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Cổ tức, lợi nhuận được chia:                        |                         |                         |
| Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink                 | 2.400.000.000           | 2.400.000.000           |
| Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật                      | 1.065.038.889           | 1.522.549.521           |
| Công ty TNHH RCL (Việt Nam)                         | 700.000.000             | 2.900.000.000           |
| Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết | -                       | 14.580.000.000          |
| <b>Cộng - Xem thêm Mục 5.3</b>                      | <b>4.165.038.889</b>    | <b>21.402.549.521</b>   |

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

| <b>Tên</b>                                     | <b>Chức vụ</b>   | <b>Năm 2024<br/>VND</b> | <b>Năm 2023<br/>VND</b> |
|--|--|-------------------------|-------------------------|
| Ông Nguyễn Nam Tiến                            | Chủ tịch HĐQT  | 1.848.777.180           | 1.886.752.190           |
| Ông Vũ Quốc Bảo                                | Thành viên HĐQT<br>kiêm Tổng Giám Đốc                    | 2.125.272.123           | 1.771.311.434           |
| Ông Vũ Thế Đức                                 | Thành viên HĐQT  | 157.000.000             | 485.000.000             |
| Ông Nguyễn Quốc Huy                            | Thành viên HĐQT  | 115.000.000             | 94.500.000              |
| Ông Lê Văn Hùng                                | Thành viên HĐQT<br>(miễn nhiệm ngày 26/04/2023)          | -                       | 9.000.000               |
| Ông Đỗ Phú Kim                                 | Thành viên HĐQT<br>(bổ nhiệm ngày 26/04/2023)            | 100.000.000             | 27.000.000              |
| Bà Phan Phương Tuyền                           | Trưởng Ban Kiểm soát                                     | 115.000.000             | 94.500.000              |
| Bà Lê Thị Ngọc Anh                             | Thành viên Ban Kiểm soát                                 | 50.000.000              | 31.500.000              |
| Bà Trang Anh Xuân                              | Thành viên Ban Kiểm soát<br>(miễn nhiệm ngày 23/04/2024) | 3.000.000               | 31.500.000              |
| Ông Dương Trần An                              | Thành viên Ban Kiểm soát<br>(bổ nhiệm ngày 23/04/2024)   | 24.000.000              | -                       |
| <b>Cộng</b>                                    |  | <b>4.538.049.303</b>    | <b>4.431.063.624</b>    |
|  |  | <b>Năm 2024<br/>VND</b> | <b>Năm 2023<br/>VND</b> |
| <b>Cổ tức đã chia:</b>                         |  |                         |                         |
| Ông Vũ Thế Đức                                 |  | 582.696.000             | 501.766.000             |
| Ông Nguyễn Nam Tiến                            |  | 182.808.000             | 157.418.000             |
| Ông Vũ Quốc Bảo                                |  | 129.600.000             | 111.600.000             |
| Ông Nguyễn Quốc Huy                            |  | 39.186.000              | 33.743.500              |
| Bà Phan Phương Tuyền                           |  | 7.902.000               | 6.804.500               |
| Bà Lê Thị Ngọc Anh                             |  | 3.942.000               | 3.394.500               |
| Bà Trang Anh Xuân (miễn nhiệm ngày 23/04/2024) |  | 152.910.000             | 131.672.500             |
| Ông Dương Trần An (bổ nhiệm ngày 23/04/2024)   |  | 22.914.000              | 19.731.500              |
| <b>Cộng</b>                                    |  | <b>1.121.958.000</b>    | <b>966.130.500</b>      |

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 14/01/2025, Công ty Cổ phần Vinafreight đã mua thêm 639.010 cổ phiếu tại Công ty, nâng tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tại Công ty từ 2,13% lên 6,65% và trở thành cổ đông lớn của Công ty. Sau đó, Công ty Cổ phần Vinafreight đã tiếp tục mua thêm các cổ phiếu tại Công ty với lần giao dịch gần nhất là vào ngày 21/02/2025, nâng tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tại Công ty thành 8,48% với tổng số liệu cổ phiếu sở hữu là 1.199.645 cổ phiếu.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 140/2025/NQ/VNL-HĐQT thông qua ngày 25/02/2025, Công ty đã phê duyệt phương án thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ là 5% mệnh giá cổ phần (500 đồng/cổ phần), tương ứng với số tiền là 7.070.243.500 VND. Ngày chi trả cổ tức dự kiến là ngày 03/04/2025.

Ngoài việc các sự kiện như đã nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

**9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC**

Ngày 14/11/2014, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12, Công ty nhận trước tiền phân chia lợi nhuận hợp tác khoán gọn đến ngày 31/07/2029 với số tiền là 36 tỷ VND và được phân bổ vào doanh thu hằng năm dựa vào lịch trình theo công văn số 1360/2016/CV/VNL-ADM ngày 01/10/2016 và Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01/04/2021. Và theo hợp đồng số 2392/HĐĐB.14, Công ty sẽ bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m<sup>2</sup>, văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Theo thỏa thuận trên hợp đồng, Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất cho đến khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến tháng 01 năm 2019, Công ty đã di dời hoạt động sang địa điểm kinh doanh mới tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại mặt bằng 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.

Tuy nhiên, đến nay các Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh và Hợp đồng nguyên tắc như trên vẫn chưa được thanh lý do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chưa có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và các quyết định có liên quan tại địa điểm 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội có liên quan đến vụ án hình sự "Trương Mỹ Lan và đồng phạm" dựa trên văn bản án hình sự sơ thẩm số 157/2024/HS-ST ngày 11/04/2024 trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Trong đó, Hội đồng xét xử đã tuyên án sơ thẩm về việc kê biên đối với tài sản là thửa đất số 1-755 tờ bản đồ số 10 Sài Gòn Khánh Hội tại địa chỉ 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn cho bị cáo Trương Mỹ Lan trong toàn bộ vụ án trong trường hợp Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh giao đất cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội, hoặc để đảm bảo việc Công ty sẽ hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng đền bù di dời – Xem thêm Mục 4.10 và khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước còn chưa phân bổ – Xem thêm Mục 4.11 trong trường hợp Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh không giao đất cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC (TIẾP THEO)**

Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với đối tác về việc thực hiện các hợp đồng đã ký kết và những vấn đề phát sinh có liên quan.



**Vũ Quốc Bảo**  
Tổng Giám đốc

**Nguyễn Anh Nam**  
Kế toán trưởng

**Lê Thị Thanh Thanh**  
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025



**Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế**  
(kèm theo CBTT Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024)

Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN giữa Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 như sau:

| Chỉ tiêu                | Năm 2024          | Năm 2023        | Chênh lệch      | % Tăng/giảm |
|-------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Doanh thu thuần         | 1.152.738.721.057 | 729.154.403.208 | 423.584.317.849 | 58,09 %     |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 45.433.863.603    | 37.313.675.053  | 8.120.188.550   | 21,76 %     |

Lý do: Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 tăng do tình hình thị trường phục hồi và tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2023 dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng mặc dù lợi nhuận được chia từ Công ty liên doanh, liên kết giảm.

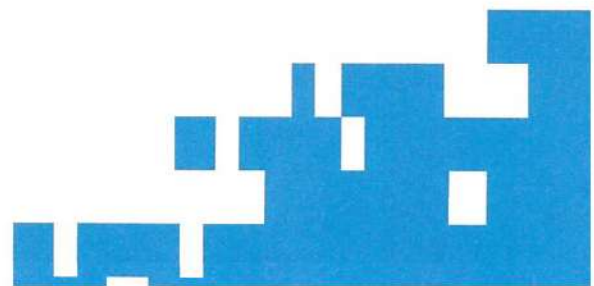
Người đại diện theo pháp luật  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**VŨ QUỐC BẢO**

**VINALINK LOGISTICS  
JOINT STOCK COMPANY**

**AUDITED FINANCIAL STATEMENTS**  
For the financial year ended 31 December 2024





VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONTENTS

|                                   |         |
|-----------------------------------|---------|
| THE GENERAL DIRECTOR'S REPORT     | 1 – 2   |
| INDEPENDENT AUDITORS' REPORT      | 3 – 4   |
| AUDITED FINANCIAL STATEMENTS      |         |
| Statement of financial position   | 5 – 6   |
| Income statement                  | 7       |
| Cash flow statement               | 8 – 9   |
| Notes to the financial statements | 10 – 39 |

Pages



## VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

### THE GENERAL DIRECTOR'S REPORT

The General Director of Vinalink Logistics Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") hereby presents its report and the audited financial statements of the Company for the financial year ended 31 December 2024.

#### MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE SUPERVISORY COMMITTEE AND THE GENERAL DIRECTOR

Members of the Board of Directors during the year and on the date of this report include:

| <u>Full name</u>   | <u>Position</u> |
|--------------------|-----------------|
| Mr Nguyen Nam Tien | Chairperson     |
| Mr Vu Quoc Bao     | Member          |
| Mr Vu The Duc      | Member          |
| Mr Nguyen Quoc Huy | Member          |
| Mr Do Phu Kim      | Member          |

Members of the Supervisory Committee during the year and on the date of this report include:

| <u>Full name</u>     | <u>Position</u>                    |
|----------------------|------------------------------------|
| Ms Phan Phuong Tuyen | Head                               |
| Ms Le Thi Ngoc Anh   | Member                             |
| Ms Trang Anh Xuan    | Member (Resigned wef 23 Apr. 2024) |
| Mr Duong Tran An     | Member (Appointed on 23 Apr. 2024) |

Mr Vu Quoc Bao is the General Director during the year and on the date of this report include.

#### AUDITOR

The accompanying financial statements of the Company for the financial year ended 31 December 2024 were audited by RSM Vietnam Auditing & Consulting Company Limited, a member firm of RSM International.

#### RESPONSIBILITY OF THE GENERAL DIRECTOR

The Company's General Director is responsible for preparing the financial statements of each period which give a true and fair view of the financial position of the Company and the results of its operations and its cash flows. In preparing these financial statements, the General Director is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any departures that need to be disclosed and explained in the financial statements;
- Prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- Design and implement the internal control system effectively for a fair preparation and presentation of the financial statements so as to mitigate error or fraud.

## VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

### THE GENERAL DIRECTOR'S REPORT (CONTINUED)

The General Director is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and ensure that the financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and prevailing accounting regulations in Vietnam. The General Director is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The General Director confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these financial statements.

### STATEMENT BY THE GENERAL DIRECTOR

In the General Director's opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2024 and the results of its operations and its cash flows for the financial year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and prevailing accounting regulations in Vietnam.



**Vu Quốc Bảo**  
General Director

*Ho Chi Minh City, 21 March 2025*



## RSM Vietnam

3A Floor, L'Mak The Signature Building  
147-147Bis Hai Ba Trung Street  
Vo Thi Sau Ward, District 3  
Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026  
contact\_hcm@rsm.com.vn  
www.rsm.global/vietnam

No.: 208/2025/KT-RSMHCM

## INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: **Shareholders**  
**Members of the Board of Directors**  
**The General Director**  
VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

**Report on the financial statements**

We have audited the accompanying financial statements of Vinalink Logistics Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") prepared on 21 March 2025 as set out from page 05 to page 39, which comprise the statement of financial position as at 31 December 2024, and the income statement, cash-flow statement for the financial year then ended, and the notes to the financial statements.

***The General Director's Responsibility***

The General Director is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System and relevant legislation as to the preparation and presentation of financial statements and for such internal control as the General Director determines is necessary to enable the preparation and presentation of the financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

***Auditors' Responsibility***

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the General Director, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD  
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

## INDEPENDENT AUDITORS' REPORT (CONTINUED)

### Opinion

In our opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view of the financial position of Vinalink Logistics Joint Stock Company as at 31 December 2024, and of the results of its financial performance and its cash flows for the financial year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System issued under Circular 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 and Circular 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 by Ministry of Finance and relevant legislation as to the preparation and presentation of financial statements.

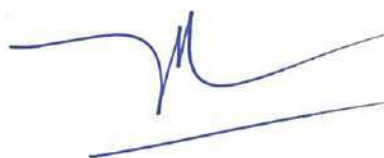
pp GENERAL DIRECTOR



Luc Thi Van

Vice General Director

Audit Practice Registration Certificate:  
0172-2023-026-1



Ly Trung Thanh

Auditor

Audit Practice Registration Certificate:  
2822-2025-026-1

**RSM Vietnam Auditing & Consulting Company Limited**

*Ho Chi Minh City, 21 March 2025*

*As disclosed in Note 2.1 to the financial statements, the accompanying financial statements are not intended to present the financial position, financial performance and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.*



## STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2024

Expressed in VND

| ASSETS   | Code       | Notes | As at<br>31 Dec. 2024  | As at<br>01 Jan. 2024  |
|--|------------|-------|------------------------|------------------------|
| <b>A. CURRENT ASSETS</b>                           | <b>100</b> |       | <b>359,500,564,189</b> | <b>294,763,771,975</b> |
| <b>I. Cash and cash equivalents</b>                | <b>110</b> | 4.1   | <b>85,191,102,924</b>  | <b>67,187,750,644</b>  |
| 1. Cash  | 111        |       | 55,191,102,924         | 33,187,750,644         |
| 2. Cash equivalents                                | 112        |       | 30,000,000,000         | 34,000,000,000         |
| <b>II. Current financial investments</b>           | <b>120</b> | 4.6   | <b>10,000,000,000</b>  | <b>30,000,000,000</b>  |
| 1. Held to maturity investments                    | 123        |       | 10,000,000,000         | 30,000,000,000         |
| <b>III. Current account receivables</b>            | <b>130</b> |       | <b>259,548,764,000</b> | <b>195,721,027,210</b> |
| 1. Trade receivables                               | 131        | 4.2   | 267,566,341,972        | 202,894,366,629        |
| 2. Advances to suppliers                           | 132        |       | 853,273,822            | 1,720,994,560          |
| 3. Other current receivables                       | 136        |       | 2,238,916,006          | 1,909,223,185          |
| 4. Provision for doubtful debts                    | 137        | 4.3   | (11,109,767,800)       | (10,803,557,164)       |
| <b>IV. Other current assets</b>                    | <b>150</b> |       | <b>4,760,697,265</b>   | <b>1,854,994,121</b>   |
| 1. Current prepayments                             | 151        |       | 522,250,000            | 359,487,400            |
| 2. Value added tax deductible                      | 152        |       | 3,714,215,073          | 971,274,529            |
| 3. Tax and other receivables from the state budget | 153        | 4.8   | 524,232,192            | 524,232,192            |
| <b>B. NON-CURRENT ASSETS</b>                       | <b>200</b> |       | <b>96,873,845,402</b>  | <b>95,735,912,848</b>  |
| <b>I. Non-current account receivables</b>          | <b>210</b> |       | <b>2,428,740,880</b>   | <b>2,110,230,880</b>   |
| 1. Other non-current receivables                   | 216        |       | 2,428,740,880          | 2,110,230,880          |
| <b>II. Fixed assets</b>                            | <b>220</b> |       | <b>43,593,419,022</b>  | <b>42,988,172,115</b>  |
| 1. Tangible fixed assets                           | 221        | 4.4   | 17,207,169,022         | 16,648,172,115         |
| Cost   | 222        |       | 51,916,314,584         | 50,839,682,250         |
| Accumulated depreciation                           | 223        |       | (34,709,145,562)       | (34,191,510,135)       |
| 2. Intangible fixed assets                         | 227        | 4.5   | 26,386,250,000         | 26,340,000,000         |
| Cost   | 228        |       | 26,670,000,000         | 26,520,000,000         |
| Accumulated amortisation                           | 229        |       | (283,750,000)          | (180,000,000)          |
| <b>III. Non-current financial investments</b>      | <b>250</b> | 4.6   | <b>50,020,971,705</b>  | <b>49,030,594,213</b>  |
| 1. Investments in associates, joint-ventures       | 252        |       | 50,686,493,302         | 50,686,493,302         |
| 2. Investment in other entities                    | 253        |       | 726,150,000            | 726,150,000            |
| 3. Provision for non-current investments           | 254        |       | (1,391,671,597)        | (2,382,049,089)        |
| <b>IV. Other non-current assets</b>                | <b>260</b> |       | <b>830,713,795</b>     | <b>1,606,915,640</b>   |
| 1. Non-current prepayments                         | 261        |       | 830,713,795            | 1,606,915,640          |
| <b>TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)</b>              | <b>270</b> |       | <b>456,374,409,591</b> | <b>390,499,684,823</b> |

(See the next page)



**VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Form B 01 - DN

**STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (CONTINUED)**

As at 31 December 2024

Expressed in VND

| RESOURCES  | Code       | Notes  | As at<br>31 Dec. 2024  | As at<br>01 Jan. 2024  |
|--|------------|--------|------------------------|------------------------|
| <b>C. LIABILITIES</b>                            | <b>300</b> |        | <b>158,961,601,435</b> | <b>120,806,155,870</b> |
| <b>I. Current liabilities</b>                    | <b>310</b> |        | <b>117,509,202,975</b> | <b>78,445,105,870</b>  |
| 1. Trade payables                                | 311        | 4.7    | 68,777,793,699         | 45,630,320,679         |
| 2. Advances from customers                       | 312        |        | 518,973,987            | 352,817,575            |
| 3. Taxes and amounts payable to the state budget | 313        | 4.8    | 7,385,669,130          | 3,406,256,095          |
| 4. Payables to employees                         | 314        | 4.9    | 24,639,675,438         | 17,456,522,500         |
| 5. Accrued expenses                              | 315        |        | 9,843,483,861          | 5,171,485,408          |
| 6. Other current payables                        | 319        | 4.10   | 5,546,589,441          | 5,110,241,750          |
| 7. Bonus and welfare fund                        | 322        |        | 797,017,419            | 1,317,461,863          |
| <b>II. Non-current liabilities</b>               | <b>330</b> |        | <b>41,452,398,460</b>  | <b>42,361,050,000</b>  |
| 1. Non-current unearned revenue                  | 336        | 4.11   | 9,500,000,000          | 9,500,000,000          |
| 2. Other non-current payables                    | 337        | 4.10   | 31,952,398,460         | 32,861,050,000         |
| <b>D. OWNER'S EQUITY</b>                         | <b>400</b> |        | <b>297,412,808,156</b> | <b>269,693,528,953</b> |
| <b>I. Equity</b>                                 | <b>410</b> | 4.12.1 | <b>297,412,808,156</b> | <b>269,693,528,953</b> |
| 1. Owner's contributed capital                   | 411        | 4.12.2 | 141,404,870,000        | 141,404,870,000        |
| Ordinary shares carrying voting rights           | 411a       |        | 141,404,870,000        | 141,404,870,000        |
| 2. Share premiums                                | 412        |        | 4,950,000,000          | 4,950,000,000          |
| 3. Other contributed capital                     | 414        |        | 10,000,000,000         | 10,000,000,000         |
| 4. Retained earnings                             | 421        |        | 141,057,938,156        | 113,338,658,953        |
| Beginning accumulated retained earnings          | 421a       |        | 102,694,318,053        | 83,095,227,400         |
| Ending accumulated retained earnings             | 421b       |        | 38,363,620,103         | 30,243,431,553         |
| <b>TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)</b>         | <b>440</b> |        | <b>456,374,409,591</b> | <b>390,499,684,823</b> |


 Vu Quốc Bảo  
General Director

 Nguyen Anh Nam  
Chief Accountant

 Le Thi Thanh Thanh  
Preparer

Ho Chi Minh City, 21 March 2025

**VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

**Form B 02 - DN****INCOME STATEMENT**

For the financial year ended 31 December 2024

Expressed in VND

| ITEMS                                    | Code | Notes  | Year 2024         | Year 2023       |
|--|------|--------|-------------------|-----------------|
| 1. Revenue                               | 01   |        | 1,152,738,721,057 | 729,154,403,208 |
| 2. Net revenue                           | 10   | 5.1    | 1,152,738,721,057 | 729,154,403,208 |
| 3. Cost of sales                         | 11   | 5.2    | 1,072,332,608,532 | 687,373,125,063 |
| 4. Gross profit                          | 20   |        | 80,406,112,525    | 41,781,278,145  |
| 5. Financial income                      | 21   | 5.3    | 15,242,999,635    | 32,049,154,287  |
| 6. Financial expense                     | 22   |        | 5,587,169,444     | 4,959,479,288   |
| 7. General and administration expense    | 26   | 5.4    | 30,834,449,068    | 25,054,178,037  |
| 8. Operating profit/(loss)               | 30   |        | 59,227,493,648    | 43,816,775,107  |
| 9. Other income                          | 31   |        | 226,574,075       | 64,636,364      |
| 10. Other expense                        | 32   |        | 130,000,000       | 160,123,085     |
| 11. Net other income/(loss)              | 40   |        | 96,574,075        | (95,486,721)    |
| 12. Accounting profit/(loss) before tax  | 50   |        | 59,324,067,723    | 43,721,288,386  |
| 13. Current corporate income tax expense | 51   | 5.6    | 13,890,204,120    | 6,407,613,333   |
| 14. Net profit/(loss) after tax          | 60   |        | 45,433,863,603    | 37,313,675,053  |
| 15. Basic earnings per share             | 70   | 4.12.3 | 3,149             | 2,586           |
| 16. Diluted earnings per share           | 71   | 4.12.3 | 3,149             | 2,586           |



**Vu Quoc Bao**  
General Director

**Nguyen Anh Nam**  
Chief Accountant

**Le Thi Thanh Thanh**  
Preparer

Ho Chi Minh City, 21 March 2025

**CASH FLOW STATEMENT**

(Indirect method)

For the financial year ended 31 December 2024

Expressed in VND

| ITEMS   | Code | Notes | Year 2024        | Year 2023        |
|---|------|-------|------------------|------------------|
| <b>I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>  |      |       |                  |                  |
| 1. Net profit /(loss) before taxes  | 01   |       | 59,324,067,723   | 43,721,288,386   |
| 2. Adjustment for:  |      |       |                  |                  |
| Depreciation and amortisation   | 02   | 5.5   | 2,326,884,093    | 2,138,267,273    |
| Provisions  | 03   |       | (684,166,856)    | 563,873,241      |
| Foreign exchange gains/losses from revaluation of foreign currency monetary items           | 04   |       | 588,024,584      | 351,346,546      |
| Gains/losses from investment  | 05   |       | (5,886,404,420)  | (24,898,123,219) |
| 3. Operating profit /(loss) before adjustments to working capital                           | 08   |       | 55,668,405,124   | 21,876,652,227   |
| Increase or decrease in accounts receivable   | 09   |       | (66,970,223,363) | (25,560,804,031) |
| Increase or decrease in accounts payable (excluding interest expense and CIT payable)       | 11   |       | 34,881,073,492   | 8,288,565,842    |
| Increase or decrease prepaid expenses   | 12   |       | 613,439,245      | (435,955,132)    |
| Corporate income tax paid   | 15   | 4.8   | (10,831,684,631) | (7,269,827,151)  |
| Other cash outflows from operating activities   | 17   |       | (1,354,500,000)  | (852,444,444)    |
| Net cash from operating activities  | 20   |       | 12,006,509,867   | (3,953,812,689)  |
| <b>II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>   |      |       |                  |                  |
| 1. Acquisition and construction of fixed assets and other long-term assets                  | 21   |       | (2,932,131,000)  | (405,360,000)    |
| 2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets                       | 22   |       | 226,574,075      | 63,636,364       |
| 3. Loans to other entities and payments for purchase of debt instruments of other entities  | 23   |       | -                | (25,000,000,000) |
| 4. Repayments from borrowers and proceeds from sales of debts instruments of other entities | 24   |       | 20,000,000,000   | 10,000,000,000   |
| 5. Investments in other entities  | 25   |       | -                | (2,000,000,000)  |
| 6. Interest and dividends received  | 27   |       | 5,556,444,045    | 17,109,933,431   |
| Net cash from investing activities  | 30   |       | 22,850,887,120   | (231,790,205)    |

(See the next page)



**VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Form B 03 - DN

**CASH FLOW STATEMENT**

(Indirect method)

For the financial year ended 31 December 2024

Expressed in VND

| ITEMS  | Code | Notes  | Year 2024        | Year 2023        |
|--|------|--------|------------------|------------------|
| <b>III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b> |      |        |                  |                  |
| 1. Dividends paid                                | 36   | 4.12.4 | (16,968,584,400) | (14,611,843,500) |
| Net cash from financing activities               | 40   |        | (16,968,584,400) | (14,611,843,500) |
| <b>NET INCREASE/(DECREASE) IN CASH</b>           |      |        |                  |                  |
| (50 = 20 + 30 + 40)                              | 50   |        | 17,888,812,587   | (18,797,446,394) |
| Cash and cash equivalents at beginning of year   | 60   |        | 67,187,750,644   | 85,975,264,733   |
| Impact of exchange rate fluctuation              | 61   |        | 114,539,693      | 9,932,305        |
| <b>CASH AND CASH EQUIVALENTS AT END OF YEAR</b>  |      |        |                  |                  |
| (70 = 50 + 60 + 61)                              | 70   | 4.1    | 85,191,102,924   | 67,187,750,644   |



Vu Quốc Bảo  
General Director

Nguyen Anh Nam  
Chief Accountant

Le Thi Thanh Thanh  
Preparer

Ho Chi Minh City, 21 March 2025

**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS**

**1. CORPORATE INFORMATION**

**1.1. Structure of ownership**

Vinalink Logistics Joint Stock Company formerly known as Transport and Storing Agent Enterprise has been incorporated in accordance with:

- Decision No. 0776/1999/QĐ/BTM dated 24 June 1999 granted by Minister of Trade regarding transformation from Transport and Storing Agent Enterprise into Vinalink - Freight Forwarding and Trading Joint Stock Company and the first Business Registration Certificate No. 064162 dated 31 July 1999 granted by Ho Chi Minh City's Department of Planning and Investment.
- On 22 May 2014, Vinalink - Freight Forwarding and Trading Joint Stock Company has transformed into Vinalink Logistics Joint Stock Company in accordance with the Business Registration Certificate No. 0301776205 granted by Ho Chi Minh City's Department of Planning and Investment and other amended certificates thereafter with the latest one dated 05 June 2024 to to update the Company's name in a foreign language and the Company's abbreviated name.

The Company was listed on the Ho Chi Minh City Securities Trading Center under Decision No. 90/QĐ-SGDHCM dated 10 August 2009 granted by Ho Chi Minh City Stock Exchange.

The Company's registered head office is at No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The charter capital as stipulated in the Business Registration Certificate is VND 141,404,870,000.

The number of employees as at 31 December 2024 was 339 (31 December 2023: 310).

**1.2. Business field**

Transportation services.

**1.3. Operating industry and principal activities**

The Company is principally engaged in:

- Logistics activities;
- Freight transport by road: Inland and transit transportation business (except liquefied petroleum gas for transportation);
- Courier activities;
- Cargo handling (except air cargo handling);
- Services on transportation of import and export goods. Shipping agent, freight agent, management agent containers for shipping lines; ship supply. Forwarding agent for freight forwarders foreign. Public transport business. Direct import and export business and import and export entrustment. Customs clearance services and services related to forwarding transportation of import and export goods: recycling, packaging, insurance, inspection. Shipping business multi-form transportation;
- Trading in import and export retail warehouse services (CFS). Warehouse business import and export goods. Warehousing business in accordance with the law.

**1.4. Normal operating cycle**

The Company's normal operating cycle is carried out for a period of 12 months.

**1.5. Important events in the financial year impacting the financial statements**

In current year, due to a significant recovery and increase in the import-export market, demand for logistics services is also increasing accordingly. Therefore, the Company's revenue and cost of sales this year increased significantly compared to previous year.



**VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)****1.6. The Company's structure**

As at 31 December 2024, the Company's subsidiaries, joint ventures, associates, and dependent units were as follows:

| Name                                    | Operating industry   | Address   | Voting rights | Per cent capital | Per cent interest |
|---|--|---|---------------|------------------|-------------------|
| <b>Joint ventures, associates:</b>      |  |   |               |                  |                   |
| Vinatrans Da Nang                       | Providing import and export freight transportation services; forwarding agent for foreign freight forwarding companies; customs procedures services and services related to forwarding and transporting import and export goods; warehouse business to preserve import and export goods; warehousing business according to the provisions of law | No. 184 Tran Phu Street, Phuoc Ninh Ward, Hai Chau District, Da Nang City                           | 27.89%        | 27.89%           | 27.89%            |
| Kim Thanh Logistics Joint Stock Company | Warehousing and storage of goods   | Lot KB13, the Trade - Industry Kim Thanh, Street T5, Duyen Hai Ward, Lao Cai City, Lao Cai Province | 30.00%        | 56.52%           | 56.52%            |
| Link Cargo Management Company Limited   | Providing international shipping agent services  | 30 Phan Thuc Duyen Street, Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City                              | 30.00%        | 30.00%           | 30.00%            |
| Vinalink Transport Joint Stock Company  | Shipping agency services; Agency services for sea transport; Shipping; freight forwarding; activities of customs clearance agents  | No. 4 Nguyen Dinh Chieu, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City                                  | 40.00%        | 40.00%           | 40.00%            |
| Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd    | Providing transportation and delivery services for frozen goods, import and export goods; construction and warehouse rental services; Construction and installation services of machinery, equipment, and factories  | 18A Luu Trong Lu, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City                                 | 25.00%        | 9.15%            | 9.15%             |
| Freight Consolidators (Vietnam) Pte Ltd | Providing international shipping agent services  | 46-48 Hau Giang Street, Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City                                 | 50.00%        | 30.00%           | 30.00%            |
| RCL (Vietnam) Co., Ltd                  | Providing shipping agency services, acting as a container agent, and performing other operations as authorized   | 436 - 438 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ward 5, District 3, Ho Chi Minh City                         | 33.33%        | 20.00%           | 20.00%            |



**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**

**1.6. The Company's structure (continued)**

The Company's dependent units as at 31 December 2024 were as follows:

- Ha Noi Branch was established according to Branch Operation Certificate No. 0113000049 dated 29 December 2000 and other amended certificates thereafter with the latest one No. 0301776205-001 dated 29 July 2021 granted by Ha Noi City's Department of Planning and Investment. The branch's operating industry is transporting goods by road and other support service activities related to transport;
- Hai Phong Branch was established according to Branch Operation Certificate No. 0213005696 dated 22 September 2009 and other amended certificates thereafter with the latest one No. 0301776205-002 dated 04 September 2024 granted by Hai Phong City's Department of Planning and Investment. The branch's operating industry is transporting goods by road and other support service activities related to transport;
- Da Nang Branch was established according to Branch Operation Certificate No. 0301776205-003 dated 17 May 2018 and other amended certificates thereafter with the latest one dated 09 November 2021 granted by Da Nang City's Department of Planning and Investment. The branch's operating industry is transporting goods by road and other support service activities related to transport.

All dependent units have the same operating industry as the head office.

**2. BASIS OF PREPARATION**

**2.1. Accounting standards, accounting system**

The accompanying financial statements, expressed in Vietnamese Dong ("VND"), are prepared under the historical cost convention, and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System, and prevailing accounting regulations in Vietnam.

The accompanying financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

**2.2. Forms of accounting records**

The form of accounting records applied in the Company is the General Journal.

**2.3. Financial year**

The Company's financial year is from 01 January to 31 December.

**2.4. Reporting and functional currency**

The Company maintains its accounting records in VND.

*(See the next page)*

**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)****3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES****3.1. Foreign currencies**

- The exchange rates announced by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) are applied in accounting;
- The exchange rate applicable to asset and liability recognition are accounting rate from 24,000 VND/USD to 25,000 VND/USD;
- The exchange rate applicable to asset re-evaluation is the foreign currency-buying rate;
- The exchange rate applicable to liability re-evaluation is the foreign currency-selling rate;
- Exchange rates applicable to the other transactions are accounting rate from 24,000 VND/USD to 25,000 VND/USD.

Transactions in foreign currencies are recorded, on initial recognition, in the reporting currency, by applying to the foreign currency amount the spot exchange rate between the reporting currency and the foreign currency at the date of the transaction. The exchange differences arising on the settlement of monetary items are recognised in profit or loss in the year in which they arise. At the end of the reporting year, monetary items excluding advances to suppliers, prepaid expenses, and unearned revenues, which are denominated in foreign currency, are reported using the closing rate and resultant exchange differences resulting from the reporting after offset are recognised in profit or loss in the year in which they arise.

**3.2. Use of estimates**

The preparation of the financial statements requires the General Director to make estimates and assumptions that impact the carrying value of certain assets and liabilities, contingent assets as at 31 December 2024 and liabilities reported in the notes as well as revenues and expenses for the financial year ended 31 December 2024. Although these estimates are based on the General Director's best knowledge of all relevant information available at the date when the financial statements are prepared, this does not prevent actual figures differing from estimates.

**3.3. Cash and cash equivalents**

Cash and cash equivalents comprise cash in hand, cash at bank, and current investments for a period not exceeding 3 months or highly liquid investments which are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Cash equivalents are defined the same as those under Accounting Standard "Statement of cash flows".

**3.4. Financial investments*****Held to maturity investments***

Held to maturity investments comprise term deposits to earn periodical profits.

If there is any certain evidence that part or all the investments are irrecoverable, impairment losses are recognised as a finance expense in the current year.

***Equity investments in other entities******Investments in associates***

Investments are classified as investments in associates when the Company directly or indirectly holds from 20% to under 50% of the voting shares of the investee without any other agreement.



**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**

**3.4. Financial investments (continued)**

Investments in associates are accounted for under the equity method. Under the equity method, on initial recognition the investment in an associate is recognised at cost. In case of investments of non-monetary assets, the cost of investments is recognised at the fair values of the assets as incurred.

Dividends for the period after the acquisition date are recognised as finance income when the shareholder's right to receive payment is established.

*Investments in joint ventures*

Investments are classified as investments in joint ventures when the Company has joint control over the financial and operating policies of the investee.

Investments in joint ventures are accounted for under the equity method. Under the equity method, on initial recognition the investment in a joint venture is recognised at cost. In case of investments of non-monetary assets, the cost of investments is recognised at the fair values of the assets as incurred.

Dividends for the period after the acquisition date are recognised as finance income when the shareholder's right to receive payment is established.

*Other investments*

Investments classified as other investments are investments other than investments in subsidiaries, investments in associates or investments on joint ventures.

Other investments are accounted for under the cost method which comprise purchase prices plus (+) acquisition related costs (if any). In case of investments of non-monetary assets, the cost of investments is recognised at the fair values of the assets as incurred.

***Recognition principles of provision for financial investment impairment loss***

*For equity investments in associates, joint ventures, and other entities*

As of the date of the financial statements, provisions for impairment losses on equity investments are recognised if an indication of impairment exists.

Provisions for impairment losses on equity investments in [subsidiaries, associates, joint ventures] are determined on the basis of the investee's loss.

Provisions for impairment losses on equity investments in other entities are determined using fair values if the fair values can measure reliably. If the fair values cannot be measure reliably at the reporting date, provisions are measured on the basis of the investee's losses.

**3.5. Account receivables**

***Recognition method***

Account receivables are stated at the carrying amounts of trade receivables and other receivables less provisions for doubtful debts.

***Provision for doubtful debts***

As of the date of the financial statements, provisions for doubtful debts are recognised for past-due accounts receivable and for accounts receivable where circumstances indicate that they might be uncollectible or for uncollectible debts due to liquidation, bankruptcy, or similar difficulties.

The difference between the required balance and the existing balance of provision for doubtful debts is recorded as a general and administrative expense in the income statement.



**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**

**3.6. Tangible fixed assets**

Tangible fixed assets are measured at cost less accumulated depreciation.

***Tangible fixed asset recognition***

Tangible fixed assets are initially recognised at their cost. The cost of purchased tangible fixed assets comprises the purchase price and any directly attributable costs of bringing the assets to their present location and working condition for their intended use. Accessories added to fixed assets when purchased are recognised separately at their fair values and deducted from the historical cost of the respective tangible fixed assets.

The costs of tangible fixed assets constructed by contractors are the finalised costs of the construction, other directly related expenses, and the registration fee (if any).

***Depreciation***

The costs of fixed assets are depreciated on a straight-line method over their estimated useful lives.

The estimated useful lives are as follows:

|                           |               |
|---------------------------|---------------|
| ▪ Buildings, structures   | 05 - 25 years |
| ▪ Machinery and equipment | 05 - 08 years |
| ▪ Motor vehicles          | 06 - 11 years |
| ▪ Management equipment    | 03 - 08 years |

**3.7. Intangible fixed assets**

Intangible fixed assets are measured at cost less accumulated amortisation.

***Intangible fixed asset recognition***

The cost of an intangible fixed asset comprises the total amount of expense incurred by the Company to acquire an asset at the time the asset is put into operation for its intended use.

***Accounting principles for intangible fixed asset***

***Land use rights***

Land use rights are stated at their costs less accumulated amortisation. The Company's land use right pertains to a plot of land located at No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City.

Indefinite land use rights are not amortised.

***Computer software***

Computer software is not an indispensable component of hardware and is recognised as an intangible asset and depreciated over its useful life from 03 to 06 years.



**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**

**3.8. Liabilities**

Liabilities are classified into trade payables and other payables based on the following rules: Trade payables represent those arising from purchase and sale related transactions of goods, services or assets and the seller is independent of the buyer; the remaining payables are classified as other payables.

Liabilities are also classified according to the maturity date, the remaining term from the date of the financial statements, original currency, and each creditor.

Liabilities are recognised at no less than the payment obligation.

**3.9. Salary**

Salary is based on the salary fund approved by the Board of Directors.

**3.10. Unearned revenues**

Unearned revenue is recognized advance profits from contracts received before mining business cooperation from partners. Unearned revenues are periodically determined and transferred into revenues according to the lease term.

**3.11. Owners' equity**

***The owners' contributed equity***

The owners' contributed equity is recognised when contributed.

***Share premiums***

Share premiums are recognised as the difference between the issue price and the par value of shares, and the difference between the re-purchase price and the re-issue price of treasury shares.

***Dividends***

Dividends are recognised as a liability at the date of declaring dividends.

***Reserves***

Reserves are created at certain percentages of profit after tax as prescribed in the Company's charter

***Retained earnings***

Net profit after income tax can be distributed to shareholders after the distribution is approved the General annual meeting of shareholders and reserves are created in accordance with the Company's Charter and legal regulations in Vietnam.

*(See the next page)*

**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**

**3.12. Revenue and other income**

***Revenue involving the rendering of services***

Revenue of a transaction involving the rendering of services is recognised when the outcome of this transaction can be estimated reliably. When a transaction involving the rendering of services is attributable to several periods, each period's revenue is recognised by reference to the stage of completion at the end of the reporting period.

***Interest income***

Interest income is recognised on an accrual basis by reference to the principal outstanding and at the interest rate applicable.

***Income from investments***

Income from investments is recognised in the income statement corresponding to the per cent interest of the Company.

**3.13. Cost of services**

Cost of services provided represents total costs of services which are rendered in the year in accordance with the matching principle.

**3.14. General and administrative expense**

General and administrative expenses represent common expenses, which include payroll costs for office employees (salaries, wages, allowances, etc.); social insurance, health insurance, trade union fees and unemployment insurance; stationery expenses, material expenses, depreciation expenses of fixed assets used for administration activities; license tax; provision for doubtful debts; utility services (electricity expenses, water expenses, phone, fax, etc.); sundry expenses (entertainment, customer conference).

**3.15. Taxation**

***Corporate income tax***

***Current corporate income tax expense***

Current corporate tax expense is determined on the basis of taxable income and the rate of corporate income tax (CIT) of the current year at 20%.

***Deferred corporate income tax expense***

Deferred corporate tax expense is determined on the basis of the deductible temporary differences, taxable temporary differences and the estimated CIT rate that will be applied for the years that assets and liabilities will be recovered. The tax rates used will be the tax rates (and tax laws) that are in effect at the financial year end.

Deferred tax liability is recognised for all taxable temporary differences, unless:

- The deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit (tax loss);
- All taxable temporary differences associated with investments in subsidiaries, branches and associates, and interests in joint ventures when the parent, investor or venturer is able to control the timing of the reversal of the temporary difference and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.



**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)****3.15. Taxation (continued)**

A deferred tax asset is recognised for all deductible temporary differences to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which the deductible temporary difference can be utilised, unless:

- The deferred tax asset arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of transaction, affects neither accounting profit nor taxable profit (tax loss);
- The deferred tax assets for all deductible temporary differences associated with investments in subsidiaries, branches and associates, and interests in joint ventures are only recognised when it is probable that the temporary difference will reverse in the foreseeable future; and taxable profit will be available against which the temporary difference can be utilised.

The carrying amount of a deferred tax asset shall be reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow the benefit of part or all of that deferred tax asset to be utilised. Any such reduction shall be reverted to the extent it becomes probable that sufficient taxable profit will be available.

Current and deferred tax are recognised as income or an expense and included in profit or loss for the year except to the extent that the tax arises from a transaction or event which is recognised, in the same or a different year, directly in equity.

Deferred tax assets and deferred tax liabilities are only offset if, and only if, the Company has a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and the deferred tax assets and the deferred tax liabilities relate to income taxes levied by the same taxation authority and the Company intends to settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

***Value added tax***

The services rendered by the Company are subject to value added tax at the following rates:

- International transportation costs: 0%;
- Services regarding to multi-form transportation and other services: 10%.

In accordance with Decree 94/2023/NĐ-CP dated 28 December 2023 by the Government detailing the implementation of Resolution No. 110/2023/QH15 passed by the Standing Committee of the National Assembly dated 29 November 2023, the VAT rate of 8% is applicable to certain goods and services from 01 January 2024 to 30 June 2024 and in accordance with Decree 72/2024/NĐ-CP dated 30 June 2024 by the Government detailing the implementation of Resolution No. 142/2024/QH15 passed by the Standing Committee of the National Assembly dated 29 June 2024, the VAT rate of 8% is applicable to certain goods and services from 01 July 2024 to 31 December 2024. In particular, the services related to multimodal transport and other domestic services provided by the Company are applicable to VAT rate of 8%.

***Other taxes***

Other taxes are applicable in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

The tax reports of the Company will be inspected by the Tax Department. Application of the laws and regulations on tax to different transactions can be interpreted by many ways; therefore, the tax amounts presented in the financial statements can be amended in accordance with the Tax Department's final assessment for the Company.

**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**
**3.16. Earnings per share**

Basic earnings per share are calculated by dividing the net profit attributable to ordinary shareholders (after adjusted for bonus and welfare funds), by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year, excluding ordinary shares bought back by the Company and held as treasury shares.

**3.17. Diluted earnings per share**

Diluted earnings per share are calculated by dividing the net profit attributable to ordinary shareholders (after adjusted for bonus and welfare funds), by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year and total ordinary shares that would be issued on the conversion, excluding ordinary shares bought back by the Company and held as treasury shares.

**3.18. Segment reporting**

A segment is a distinguishable component of the Company that is engaged either in producing or providing related products or services (business segment), or in producing or providing products or services within a particular economic environment (geographical segment), which is subject to risks and rewards that are different from those of other segments.

**3.19. Related parties**

Related parties are individuals or entities that have the ability, directly or indirectly through one or more intermediaries, to control the Company or are controlled by, or are subject to common control with the Company. Associates, individuals owning, directly or indirectly, an interest in the voting power of the Company that gives them significant influence over the Company, key management personnel, including directors and officers of the Company and close family members or associates of such individuals are also considered to be related parties.

**4. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION**
**4.1. Cash and cash equivalents**

|                      | As at<br>31 Dec. 2024<br>VND | As at<br>01 Jan. 2024<br>VND |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Cash in hand         | 837,044,737                  | 963,182,590                  |
| Cash at banks        | 54,354,058,187               | 32,224,568,054               |
| Cash equivalents (*) | 30,000,000,000               | 34,000,000,000               |
| <b>Total</b>         | <b>85,191,102,924</b>        | <b>67,187,750,644</b>        |

(\*) Cash equivalents represent the term deposits not exceeding 03 months by VND at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam and Vietnam Technological and Commercial Joint – Stock Bank with the interest rate from 3.4% per annum to 4.6% per annum.

(See the next page)



**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**
**4.2. Current trade receivables**

|  | As at<br>31 Dec. 2024<br>VND | As at<br>01 Jan. 2024<br>VND |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Trade receivables from related parties – Refer to Note 7           | 101,999,641                  | 105,146,149                  |
| Trade receivables from domestic customers:                         | 255,549,548,642              | 194,505,502,742              |
| <i>Techtronic Industries VietNam Manufacturing Company Limited</i> | 66,767,011,751               | 61,726,978,459               |
| <i>Vietjet Aviation Joint Stock Company</i>                        | 36,882,062,573               | 33,283,266,972               |
| <i>Green Planet Distribution Centre Company Limited</i>            | 32,544,105,245               | 8,930,154,486                |
| <i>Gia Bao Hung Service Trading Company Limited</i>                | 9,856,800,000                | 9,856,800,000                |
| <i>Intco Industries Vietnam Company Limited</i>                    | 9,386,619,948                | 182,323,420                  |
| <i>Daijin Express Vietnam Company Limited</i>                      | 6,612,748,305                | 10,298,590,664               |
| <i>Other customers (*)</i>   | 93,500,200,820               | 70,227,388,741               |
| Trade receivables from foreign customers:                          | 11,914,793,689               | 8,283,717,738                |
| <i>Amazon.com Services LLC</i>                                     | 4,765,404,071                | 44,657,082                   |
| <i>APG Australia Post Global Ecommerce Solutions (Aust)</i>        | 2,697,106,529                | 2,417,626,943                |
| <i>Macmel Shipping Pte., Ltd</i>                                   | 758,850,627                  | 1,659,965,395                |
| <i>Other customers</i>   | 3,693,432,462                | 4,161,468,318                |
| <b>Total</b>   | <b>267,566,341,972</b>       | <b>202,894,366,629</b>       |

(\*) As at 31 December 2024, any component of current trade receivables from other customers was less than 10% total current trade receivables.

(See the next page)



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

4.3. Doubtful debts

|   | As at 31 Dec. 2024 |                    | As at 01 Jan. 2024 |                    |
|---|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
|   | VND                |                    | VND                |                    |
|   | Cost               | Recoverable amount | Cost               | Recoverable amount |
| Overdue trade receivables   | 11,433,748,900     | 323,981,100        | 10,803,557,164     | -                  |
| Overdue trade receivables and overdue amounts loaned are analysed by debtor as follows: |                    |                    |                    |                    |
|   | As at 31 Dec. 2024 |                    | As at 01 Jan. 2024 |                    |
|   | VND                |                    | VND                |                    |
|   | Cost               | Recoverable amount | Cost               | Recoverable amount |
|   |                    | Overdue days       |                    | Overdue days       |
| Gia Bao Hung Service Trading Company Limited  | 9,856,800,000      | -                  | 9,856,800,000      | -                  |
| Other customers   | 1,576,948,900      | 323,981,100        | 946,757,164        | -                  |
| Total   | 11,433,748,900     | 323,981,100        | 10,803,557,164     | -                  |

(See the next page)

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

4.5. Tangible fixed assets

| Items                     | Buildings,<br>structures<br>VND | Machinery and<br>equipment<br>VND | Motor<br>vehicles<br>VND | Office<br>equipment<br>VND | Total<br>VND    |
|---------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|----------------------------|-----------------|
| Cost:                     |                                 |                                   |                          |                            |                 |
| As at 01 Jan. 2024        | 21,838,529,093                  | 667,950,476                       | 27,531,299,177           | 801,903,504                | 50,839,682,250  |
| Purchase                  | -                               | -                                 | 2,285,931,000            | 496,200,000                | 2,782,131,000   |
| Disposals                 | -                               | -                                 | (1,705,498,666)          | -                          | (1,705,498,666) |
| As at 31 Dec. 2024        | 21,838,529,093                  | 667,950,476                       | 28,111,731,511           | 1,298,103,504              | 51,916,314,584  |
| Accumulated depreciation: |                                 |                                   |                          |                            |                 |
| As at 01 Jan. 2024        | 9,934,454,772                   | 397,931,782                       | 23,279,455,076           | 579,668,505                | 34,191,510,135  |
| Depreciation              | 847,587,708                     | 73,113,516                        | 1,166,032,886            | 136,399,983                | 2,223,134,093   |
| Disposals                 | -                               | -                                 | (1,705,498,666)          | -                          | (1,705,498,666) |
| As at 31 Dec. 2024        | 10,782,042,480                  | 471,045,298                       | 22,739,989,296           | 716,068,488                | 34,709,145,562  |
| Net book value:           |                                 |                                   |                          |                            |                 |
| As at 01 Jan. 2024        | 11,904,074,321                  | 270,018,694                       | 4,251,844,101            | 222,234,999                | 16,648,172,115  |
| As at 31 Dec. 2024        | 11,056,486,613                  | 196,905,178                       | 5,371,742,215            | 582,035,016                | 17,207,169,022  |

The historical cost of tangible fixed assets fully depreciated but still in use totalled VND 22,893,467,751.

**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**
**4.6. Intangible fixed assets**

| Items                     | The land use<br>rights<br>VND | Computer<br>software<br>VND | Total<br>VND          |
|---------------------------|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Cost:                     |                               |                             |                       |
| As at 01 Jan. 2024        | 26,130,000,000                | 390,000,000                 | 26,520,000,000        |
| Purchase                  | -                             | 150,000,000                 | 150,000,000           |
| <b>As at 31 Dec. 2024</b> | <b>26,130,000,000</b>         | <b>540,000,000</b>          | <b>26,670,000,000</b> |
| Accumulated depreciation: |                               |                             |                       |
| As at 01 Jan. 2024        | -                             | 180,000,000                 | 180,000,000           |
| Depreciation              | -                             | 103,750,000                 | 103,750,000           |
| <b>As at 31 Dec. 2024</b> | <b>-</b>                      | <b>283,750,000</b>          | <b>283,750,000</b>    |
| Net book value:           |                               |                             |                       |
| As at 01 Jan. 2024        | 26,130,000,000                | 210,000,000                 | 26,340,000,000        |
| <b>As at 31 Dec. 2024</b> | <b>26,130,000,000</b>         | <b>256,250,000</b>          | <b>26,386,250,000</b> |

**4.6. Financial investments**

Current financial investments are held-to-maturity investments related to 6 – month term deposits at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank, with an interest rate of 3.9% per annum as at 31 December 2024.

*(See the next page)*



# VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

## NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

### 4.6. Financial investments (continued)

Non-current investments are detailed as follows:

|   | As at 31 Dec. 2024    |                |                      | As at 01 Jan. 2024    |                |                      |
|---|-----------------------|----------------|----------------------|-----------------------|----------------|----------------------|
|   | Cost                  | Fair value (*) | Provision            | Cost                  | Fair value (*) | Provision            |
|   | VND                   | VND            | VND                  | VND                   | VND            | VND                  |
| Investments in joint ventures and associates: |                       |                |                      |                       |                |                      |
| Kim Thanh Logistics Joint Stock Company       | 19,120,589,000        |                | 1,391,671,597        | 19,120,589,000        |                | 2,382,049,089        |
| Link Cargo Management Company Limited         | 9,007,800,000         |                | -                    | 9,007,800,000         |                | -                    |
| Vinatrans Danang                              | 8,784,000,000         | 14,932,800,000 | -                    | 8,784,000,000         | 22,750,560,000 | -                    |
| Vinalink Transport Joint Stock Company        | 4,000,000,000         |                | -                    | 4,000,000,000         |                | -                    |
| Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd          | 4,908,430,302         |                | -                    | 4,908,430,302         |                | -                    |
| Freight Consolidators (Vietnam) Pte Ltd       | 3,918,874,000         |                | -                    | 3,918,874,000         |                | -                    |
| RCL (Vietnam) Co., Ltd                        | 946,800,000           |                | -                    | 946,800,000           |                | -                    |
| <b>Total</b>                                  | <b>50,686,493,302</b> |                | <b>1,391,671,597</b> | <b>50,686,493,302</b> |                | <b>2,382,049,089</b> |

Investments in other entities:

|   |             |   |             |   |
|---|-------------|---|-------------|---|
| Vina Vinatrans Trucking Company Limited | 726,150,000 | - | 726,150,000 | - |
|---|-------------|---|-------------|---|

(\*) The Company has determined the fair value of its investment in Vinatrans Danang based on the closing trading price on the UpCOM stock exchange as of the reporting date and the number of shares the Company holds.

At the reporting date, the Company has not determined fair values of the remaining financial investment for disclosure in the financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under the Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of these investments may differ from their carrying amounts.

#### 4.7. Current trade payables

(\*) As at 31 December 2024, any component of trade payables to other suppliers was less than 10% of the total current trade payables.

25

M.S.D.N : 030

KIỂM

RSP

THÀNH P

# VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

## NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

### 4.8. Tax and amounts receivable from/payable to the state budget

|                      | As at 31 Dec. 2024 |                      | Movement in year      |                       | As at 01 Jan. 2024 |                      |
|----------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|----------------------|
|                      | Receivable         | Payable              | Payable               | Paid                  | Receivable         | Payable              |
|                      | VND                |                      | VND                   |                       | VND                |                      |
| Value added tax      | -                  | 39,019,913           | 32,548,033,555        | 827,178,349           | -                  | 120,791,287          |
| Corporate income tax | -                  | 5,790,204,120        | 13,890,204,120        | 10,831,684,631        | -                  | 2,731,684,631        |
| Personal income tax  | -                  | 1,413,794,876        | 9,914,905,125         | 8,961,788,824         | -                  | 460,678,575          |
| Land rental          | 524,232,192        | -                    | 1,531,658,394         | 1,531,658,394         | 524,232,192        | -                    |
| Other taxes          | -                  | 142,650,221          | 1,223,424,602         | 1,173,875,983         | -                  | 93,101,602           |
| <b>Total</b>         | <b>524,232,192</b> | <b>7,385,669,130</b> | <b>59,108,225,796</b> | <b>23,326,186,181</b> | <b>524,232,192</b> | <b>3,406,256,095</b> |

In the year 2018, Vinalink Logistics Joint Stock Company received the documents from the authorities, as follows:

- The Notice No. 14379/TB-CT-KTTD dated 12 September 2018 of Ho Chi Minh City Tax Department regarding redetermination of land rental unit price for the period 2016 – 2020, accordingly, the redetermined unit price is lower than the currently applied unit price applied currently in accordance with the Notices of District 4 Tax Department;
- The minutes between District 4 Tax Department and the Company dated 26 December 2018 are highlighted as follows:
  - District 4 Tax Department agreed to adjust the land rental unit price in 2018 according to the Notice No. 14379/TB-CT-KTTD dated 12 September 2018 of Ho Chi Minh City Tax Department and then the tax department issued the Notice No. 163/CCT-TB dated 14 January 2019 about the adjustment of land rental payables;
  - While awaiting for the conclusion of the State Audit's inspection, District 4 Tax Department has not adjusted the Company's land rental unit price for the period of 2016 – 2017.

Currently, District 4 Tax Department has yet to decide to adjust the Company's land rental unit price for the period of 2016 – 2017.



**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**
**4.9. Payables to employees**

Representing the salary fund payable to employees in year 2024 as at 31 December 2024.

**4.10. Other payables**

|                             | As at<br>31 Dec. 2024<br>VND | As at<br>01 Jan. 2024<br>VND |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Current:                    |                              |                              |
| Commission payables         | 4,747,288,105                | 3,785,226,593                |
| Other payables              | 799,301,336                  | 1,325,015,157                |
| <b>Total</b>                | <b>5,546,589,441</b>         | <b>5,110,241,750</b>         |
| Non-current:                |                              |                              |
| Relocating compensation (*) | 31,888,520,960               | 32,800,000,000               |
| Other payables              | 63,877,500                   | 61,050,000                   |
| <b>Total</b>                | <b>31,952,398,460</b>        | <b>32,861,050,000</b>        |

(\*) Representing advances from Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company for 80% of relocation expenses in compensation for site clearance of the changing project of space exploitation and usage at No. 145-147 Nguyen Tat Thanh, District 4, Ho Chi Minh City under the Agreement No. 2392/HĐĐB.14 dated 14 November 2014 - Refer to Note 9.

**4.11. Non-current unearned revenue**

Representing the profit for business cooperation received in advance under the Agreement No. 2391/HĐHT.12 dated 14 November 2014 awaiting for allocation – Refer to Note 9.

From 2021, according to the actual situation, the Company has issued Official Letter No. 420/2021/CV/VNL-ADM dated 01 April 2021 to adjust the profit distribution plan for business cooperation received in advance of the contract No. 2391/HDHT.12 above for the remaining time under the implementation schedule of the contract.

*(See the next page)*

**VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**

**4.12. Owners' equity**

**4.12.1. Changes in owners' equity**

|   | Items of owners' equity                  |                           |  |                             | Total<br>VND           |
|---|--|---------------------------|--|-----------------------------|------------------------|
|   | Owners'<br>contributed<br>capital<br>VND | Capital<br>surplus<br>VND | Other<br>contributed<br>capital<br>VND | Retained<br>earnings<br>VND |                        |
| As at 01 Jan. 2023  | 94,270,000,000                           | 4,950,000,000             | 10,000,000,000                         | 138,649,697,400             | 247,869,697,400        |
| Previous year's profits   | -  | -                         | -                                      | 37,313,675,053              | 37,313,675,053         |
| Dividend by shares  | 47,134,870,000                           | -                         | -                                      | (47,134,870,000)            | -                      |
| The second dividend payment of 2022   | -  | -                         | -                                      | (7,541,600,000)             | (7,541,600,000)        |
| The first dividend payment of 2023  | -  | -                         | -                                      | (7,070,243,500)             | (7,070,243,500)        |
| Distributed to the Board of Directors and the Supervisory Committee funds in 2022     | -  | -                         | -                                      | (878,000,000)               | (878,000,000)          |
| As at 01 Jan. 2024  | 141,404,870,000                          | 4,950,000,000             | 10,000,000,000                         | 113,338,658,953             | 269,693,528,953        |
| Current year's profits  | -  | -                         | -                                      | 45,433,863,603              | 45,433,863,603         |
| The second dividend payment of 2023 (*)   | -  | -                         | -                                      | (9,898,340,900)             | (9,898,340,900)        |
| The first dividend payment of 2024  | -  | -                         | -                                      | (7,070,243,500)             | (7,070,243,500)        |
| Distributed to the Board of Directors and the Supervisory Committee funds in 2023 (*) | -  | -                         | -                                      | (746,000,000)               | (746,000,000)          |
| <b>As at 31 Dec. 2024</b>   | <b>141,404,870,000</b>                   | <b>4,950,000,000</b>      | <b>10,000,000,000</b>                  | <b>141,057,938,156</b>      | <b>297,412,808,156</b> |

(\*) The distribution of dividends and the Board of Directors and the Supervisory Committee funds for the year 2023 are performed in accordance with the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders No. 280/2024/INQ/VNL-DHĐCĐ dated 23 April 2024.

**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**
**4.12.2. Shares**

|  | As at<br>31 Dec. 2024 | As at<br>01 Jan. 2024 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Number of ordinary shares registered for issue | 14,140,487            | 14,140,487            |
| Number of ordinary shares sold to public       | 14,140,487            | 14,140,487            |
| Number of ordinary shares outstanding          | 14,140,487            | 14,140,487            |

Par value per outstanding share: VND 10,000 per share.

**4.12.3. Basic and diluted earnings per share**

|  | Year 2024<br>VND | Year 2023<br>VND |
|--|------------------|------------------|
| Profit after tax attributable to ordinary share holders                      | 45,433,863,603   | 37,313,675,053   |
| Distribution to funds of the Board of Directors, Supervisory Committee (*)   | (908,677,272)    | (746,000,000)    |
| Earnings for the purpose of calculating basic and diluted earnings per share | 44,525,186,331   | 36,567,675,053   |
| Weighted average number of ordinary shares outstanding during the year (**)  | 14,140,487       | 14,140,487       |
| <b>Basic and diluted earnings per share</b>                                  | <b>3,149</b>     | <b>2,586</b>     |

(\*) Funds of the Board of Directors, Supervisory Committee (Bonus and Welfare Fund) are deducted when calculating basic and diluted earnings per share which is provisionally calculated based on the allocation ratio on profit after tax in 2024 which is 2% according to Resolution of the General Meeting of Shareholders on 23 April 2024.

(\*\*) Weighted average number of ordinary shares outstanding during the year was calculated as follows:

|  | Year 2024         | Year 2023         |
|--|-------------------|-------------------|
| Ordinary shares outstanding at the beginning of year   | 14,140,487        | 9,427,000         |
| Impact of 4,713,487 ordinary shares issued on 25 July 2023 for dividend is adjusted to increase according to the regulation of Vietnamese Accounting Standard No. 30 | -                 | 4,713,487         |
| <b>Weighted average number of ordinary shares outstanding during the year</b>  | <b>14,140,487</b> | <b>14,140,487</b> |

**4.12.4. Dividends**

|                | Year 2024<br>VND | Year 2023<br>VND |
|----------------|------------------|------------------|
| Dividends paid | (16,968,584,400) | (14,611,843,500) |



**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**
**4.13. Off statement of financial position items**

|  | As at<br>31 Dec. 2024        | As at<br>01 Jan. 2024        |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Foreign currencies:  |                              |                              |
| USD  | 450,195.50                   | 128,016.30                   |
|  | As at<br>31 Dec. 2024<br>VND | As at<br>01 Jan. 2024<br>VND |
| Doubtful debts written off:                                    |                              |                              |
| Kim Hop Phat Import Export Services Trading<br>Company Limited | 999,534,500                  | 999,534,500                  |
| Techcom Life Technologies Vietnam company Limited              | 426,723,472                  | 426,723,472                  |
| <b>Total</b>   | <b>1,426,257,972</b>         | <b>1,426,257,972</b>         |

**5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE INCOME STATEMENT**
**5.1. Revenue from rendering services**

|  | Year 2024<br>VND         | Year 2023<br>VND       |
|--|--------------------------|------------------------|
| Revenue of Ho Chi Minh City Head office:                                       | 741,104,521,763          | 484,077,874,931        |
| <i>Airfreight Service</i>  | 338,947,421,545          | 224,169,428,663        |
| <i>Seafreight Service</i>  | 256,218,202,560          | 159,948,796,132        |
| <i>Logistics Service</i>   | 145,938,897,658          | 99,959,650,136         |
| Revenue of Ha Noi Branch   | 374,281,575,433          | 209,682,257,228        |
| Revenue of Hai Phong Branch  | 28,978,518,519           | 28,503,454,082         |
| Revenue of Da Nang Branch  | 8,374,105,342            | 6,890,816,967          |
| <b>Total</b>   | <b>1,152,738,721,057</b> | <b>729,154,403,208</b> |
| Of which, revenue from rendering services to related parties – Refer to Note 7 | 2,365,365,559            | 1,386,298,983          |

Note 1.5 disclosed the reason for the increase in revenue in current year compared to the previous year.

(See the next page)

**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**
**5.2. Cost of services**

|  | Year 2024<br>VND         | Year 2023<br>VND       |
|--|--------------------------|------------------------|
| Cost of services of Ho Chi Minh City Office: | 668,045,133,840          | 442,159,788,156        |
| <i>Airfreight Service</i>                    | 305,853,915,226          | 201,509,832,452        |
| <i>Seafreight Service</i>                    | 220,658,532,404          | 142,726,574,538        |
| <i>Logistics Service</i>                     | 141,532,686,210          | 97,923,381,166         |
| Cost of services of Ha Noi Branch            | 328,586,851,156          | 210,232,571,035        |
| Cost of services of Hai Phong Branch         | 66,620,549,278           | 27,008,217,738         |
| Cost of services of Da Nang Branch           | 9,080,074,258            | 7,972,548,134          |
| <b>Total</b>                                 | <b>1,072,332,608,532</b> | <b>687,373,125,063</b> |

The cost of services had increased in line with the revenue in year.

**5.3. Finance income**

|  | Year 2024<br>VND      | Year 2023<br>VND      |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Dividends from related parties – Refer to Note 7 | 4,165,038,889         | 21,402,549,521        |
| Dividends from other entity                      | 79,720,000            | -                     |
| Deposit interest                                 | 1,415,071,456         | 3,431,937,334         |
| Gains on exchange rate differences               | 9,583,169,290         | 7,214,667,432         |
| <b>Total</b>                                     | <b>15,242,999,635</b> | <b>32,049,154,287</b> |

Financial income decreased significantly compared to the previous year mainly due to decreased dividends from associates and joint ventures companies in current year.

**5.4. General and administrative expense**

|   | Year 2024<br>VND      | Year 2023<br>VND      |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Employee expense                          | 17,531,469,534        | 13,889,686,094        |
| Material expense                          | 74,277,441            | 104,028,231           |
| Office stationery expense                 | 121,618,000           | 42,483,500            |
| Depreciation expense                      | 1,350,719,697         | 1,183,008,617         |
| Provision of provision for doubtful debts | 306,210,636           | 1,165,853,417         |
| Service expense                           | 9,671,135,276         | 7,284,183,581         |
| Other expenses                            | 1,779,018,484         | 1,384,934,597         |
| <b>Total</b>                              | <b>30,834,449,068</b> | <b>25,054,178,037</b> |

This year's general and administrative expenses have increased significantly compared to previous year, mainly due to higher employee bonuses.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

5.5. Production and business costs by element

|   | Year 2024<br>VND         | Year 2023<br>VND       |
|---|--------------------------|------------------------|
| Employee expense                          | 104,585,619,917          | 80,264,728,526         |
| Depreciation expense                      | 2,326,884,093            | 2,138,267,273          |
| Provision of provision for doubtful debts | 306,210,636              | 1,165,853,417          |
| Service expense                           | 951,247,592,218          | 590,580,120,908        |
| Other expenses                            | 44,700,750,736           | 38,278,332,976         |
| <b>Total</b>                              | <b>1,103,167,057,600</b> | <b>712,427,303,100</b> |

5.6. Current corporate income tax expense

|  | Year 2024<br>VND      | Year 2023<br>VND     |
|--|-----------------------|----------------------|
| CIT expense of the current year (*)        | 13,890,204,120        | 6,231,684,631        |
| Adjusted for tax expense of previous years | -                     | 175,928,702          |
| <b>Total current CIT expense</b>           | <b>13,890,204,120</b> | <b>6,407,613,333</b> |

(\*) CIT expense calculated on the taxable income of the current year is determined as follows:

|   | Year 2024<br>VND      | Year 2023<br>VND     |
|---|-----------------------|----------------------|
| Accounting profit before tax for the year | 59,324,067,723        | 43,721,288,386       |
| Add: Adjustments according to CIT law     | 14,608,039,768        | 12,725,470,689       |
| Less: Adjustments according to CIT law    | (4,481,086,889)       | (25,288,335,920)     |
| Taxable income from business activities   | 69,451,020,602        | 31,158,423,155       |
| Current CIT rate                          | 20%                   | 20%                  |
| <b>Current CIT expense for the year</b>   | <b>13,890,204,120</b> | <b>6,231,684,631</b> |

The adjustments for the increases/(decreases) in the taxable income are mainly non – tax – deductible items as regulated by CIT law, such as:

- Expenses without invoices and vouchers;
- Tax penalties;
- Provision for doubtful debts.
- Accrual expenses without invoice;
- Gains/(losses) from unrealised exchange rate differences of cash, account receivables dominated in foreign currencies at the end of year;
- Dividends.



# VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

## NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

### 6. SEGMENT REPORTING

For management purposes, the Company divides its activities into main geographical divisions as follows:

- Southern: Ho Chi Minh City;
- Northern: Ha Noi City and Hai Phong City;
- Middle: Da Nang City.

For the financial year ended 31 December 2024

| Expressed in: VND million                                 |           |           |           |           |           |           |              |           |           |           |
|---|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|--------------|-----------|-----------|-----------|
|   | Southern  |           | Northern  |           | Middle    |           | Eliminations |           | Total     |           |
|   | Year 2024 | Year 2023 | Year 2024 | Year 2023 | Year 2024 | Year 2023 | Year 2024    | Year 2023 | Year 2024 | Year 2023 |
| Revenue   |           |           |           |           |           |           |              |           |           |           |
| External sales  | 741,105   | 484,078   | 403,260   | 238,186   | 8,374     | 6,891     | -            | -         | 1,152,739 | 729,154   |
| Inter-segment sales                                       | 12,611    | 7,479     | 92,713    | 48,743    | 1,325     | 1,617     | (106,649)    | (57,839)  | -         | -         |
| Total   | 753,716   | 491,557   | 495,973   | 286,929   | 9,699     | 8,508     | (106,649)    | (57,839)  | 1,152,739 | 729,154   |
| Result  |           |           |           |           |           |           |              |           |           |           |
| Segment result  | 70,211    | 41,576    | 9,830     | (165)     | 365       | 369       | -            | -         | 80,406    | 41,781    |
| Unallocated expenses                                      |           |           |           |           |           |           |              |           | (30,834)  | (25,054)  |
| Profit before tax, financial income and financial expense |           |           |           |           |           |           |              |           | 49,572    | 16,727    |
| Financial income  |           |           |           |           |           |           |              |           | 15,243    | 32,049    |
| Financial expense   |           |           |           |           |           |           |              |           | (5,587)   | (4,959)   |
| Other income  |           |           |           |           |           |           |              |           | 97        | (95)      |
| Income tax expense  |           |           |           |           |           |           |              |           | (13,890)  | (6,408)   |
| Net profit  |           |           |           |           |           |           |              |           | 45,434    | 37,314    |

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

6. SEGMENT REPORTING (CONTINUED)

Other information

Expressed in: VND million

|                           | Southern             |                       | Northern             |                       | Middle               |                       | Eliminations         |                       | Total                |                       |
|---------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|                           | As at 31<br>Dec.2024 | As at 01<br>Jan. 2024 | As at 31<br>Dec.2024 | As at 01<br>Jan. 2024 | As at 31<br>Dec.2024 | As at 01<br>Jan. 2024 | As at 31<br>Dec.2024 | As at 01<br>Jan. 2024 | As at 31<br>Dec.2024 | As at 01<br>Jan. 2024 |
| Segment assets            | 427,586              | 374,593               | 99,012               | 70,351                | 3,126                | 3,114                 | (73,350)             | (57,558)              | 456,374              | 390,500               |
| <b>Total assets</b>       |                      |                       |                      |                       |                      |                       |                      |                       | <b>456,374</b>       | <b>390,500</b>        |
| Segment liabilities       | 140,594              | 105,730               | 88,963               | 69,893                | 2,755                | 2,741                 | (73,350)             | (57,558)              | 158,962              | 120,806               |
| <b>Total liabilities</b>  |                      |                       |                      |                       |                      |                       |                      |                       | <b>158,962</b>       | <b>120,806</b>        |
|                           |                      |                       |                      |                       |                      |                       |                      |                       |                      |                       |
|                           | Southern             |                       | Northern             |                       | Middle               |                       | Eliminations         |                       | Total                |                       |
|                           | Year 2024            | Year 2023             | Year 2024            | Year 2023             | Year 2024            | Year 2023             | Year 2024            | Year 2023             | Year 2024            | Year 2023             |
| Cost of purchasing assets | 2,932                | 405                   | -                    | -                     | -                    | -                     | -                    | -                     | 2,932                | 405                   |
| Depreciation expense      | 2,133                | 1,998                 | 194                  | 140                   | -                    | -                     | -                    | -                     | 2,327                | 2,138                 |

The Company does not have segment reports by industry as the Company is currently operating in the freight forwarding industry, therefore there is no differences in risks and and economic benefits by industry that need to be disclosed.

(See the next page)

**VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)****7. RELATED PARTIES**

| <u>No.</u> | <u>List of related parties</u>  | <u>Relationship</u>      |
|------------|---|--------------------------|
| 1.         | Vinatrans Da Nang   | Associate                |
| 2.         | Kim Thanh Logistics Joint Stock Company                                     | Associate                |
| 3.         | Link Cargo Management Company Limited                                       | Associate                |
| 4.         | Vinalink Transport Joint Stock Company                                      | Associate                |
| 5.         | Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd  | Joint venture            |
| 6.         | Freight Consolidators (Vietnam) Pte Ltd                                     | Joint venture            |
| 7.         | RCL (Vietnam) Co., Ltd  | Joint venture            |
| 8.         | The Board of Directors, the General Director, and the Supervisory Committee | Key management personnel |

At the end of the reporting year, the balances with related parties are as follows:

|  | As at<br>31 Dec. 2024<br>VND | As at<br>01 Jan. 2024<br>VND |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Current trade receivables:             |                              |                              |
| Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd   | 101,999,641                  | 103,850,149                  |
| Vinalink Transport Joint Stock Company | -                            | 1,296,000                    |
| <b>Total – Refer to Note 4.2</b>       | <b>101,999,641</b>           | <b>105,146,149</b>           |

During the reporting year, the Company has had related party transactions as follows:

|   | Year 2024<br>VND     | Year 2023<br>VND     |
|---|----------------------|----------------------|
| Rendering services:                     |                      |                      |
| Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd    | 1,867,723,683        | 1,230,283,502        |
| Vinalink Transport Joint Stock Company  | 414,780,976          | 11,971,956           |
| Freight Consolidators (Vietnam) Pte Ltd | 82,860,900           | 79,180,500           |
| Vinatrans Da Nang                       | -                    | 64,863,025           |
| <b>Total – Refer to Note 5.1</b>        | <b>2,365,365,559</b> | <b>1,386,298,983</b> |

(See the next page)





**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**
**7. RELATED PARTIES (CONTINUED)**

|   | Year 2024<br>VND     | Year 2023<br>VND     |
|---|----------------------|----------------------|
| Purchasing services:                    |                      |                      |
| RCL (Vietnam) Co., Ltd                  | 2,486,779,194        | 1,266,660,772        |
| Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd    | 656,729,500          | 276,117,003          |
| Freight Consolidators (Vietnam) Pte Ltd | 220,452,495          | 870,192,993          |
| Vinalink Transport Joint Stock Company  | 201,331,560          | 224,299,861          |
| Vinatrans Da Nang                       | -                    | 24,120,228           |
| <b>Total</b>                            | <b>3,565,292,749</b> | <b>2,661,390,857</b> |

Trade receivables to related parties are unsecured and will be settled in cash. No allowance for doubtful debts has been made for receivables from related parties.

The price of services provided to related parties is the agreed price. The purchase of services from related parties is performed under the agreed price.

|  | Year 2024<br>VND     | Year 2023<br>VND      |
|--|----------------------|-----------------------|
| Dividends:                             |                      |                       |
| Vinalink Transport Joint Stock Company | 2,400,000,000        | 2,400,000,000         |
| Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd   | 1,065,038,889        | 1,522,549,521         |
| RCL (Vietnam) Co., Ltd                 | 700,000,000          | 2,900,000,000         |
| Link Cargo Management Company Limited  | -                    | 14,580,000,000        |
| <b>Total – Refer to Note 5.3</b>       | <b>4,165,038,889</b> | <b>21,402,549,521</b> |

(See the next page)

**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**
**7. RELATED PARTIES (CONTINUED)**

Remunerations of the Board of Directors, the General Director, and the Supervisory Committee are as follows:

| <b>Name</b>          | <b>Position</b>  | <b>Year 2024<br/>VND</b> | <b>Year 2023<br/>VND</b> |
|----------------------|--|--------------------------|--------------------------|
| Mr Nguyen Nam Tien   | Chairperson  | 1,848,777,180            | 1,886,752,190            |
| Mr Vu Quoc Bao       | Member of the Board of Directors cum General Director        | 2,125,272,123            | 1,771,311,434            |
| Mr Vu The Duc        | Member of the Board of Directors                             | 157,000,000              | 485,000,000              |
| Mr Nguyen Quoc Huy   | Member of the Board of Directors                             | 115,000,000              | 94,500,000               |
| Mr Le Van Hung       | Member of the Board of Directors (resigned wef 26 Apr. 2023) | -                        | 9,000,000                |
| Mr Do Phu Kim        | Member of the Board of Directors (appointed on 26 Apr. 2023) | 100,000,000              | 27,000,000               |
| Ms Phan Phuong Tuyen | Head of Supervisory Committee                                | 115,000,000              | 94,500,000               |
| Ms Le Thi Ngoc Anh   | Member of Supervisory Committee                              | 50,000,000               | 31,500,000               |
| Ms Trang Anh Xuan    | Member of Supervisory Committee (resigned wef 23 Apr. 2024)  | 3,000,000                | 31,500,000               |
| Mr Duong Tran An     | Member of Supervisory Committee (appointed on 23 Apr. 2024)  | 24,000,000               | -                        |
| <b>Total</b>         |  | <b>4,538,049,303</b>     | <b>4,431,063,624</b>     |
|                      |  | <b>Year 2024<br/>VND</b> | <b>Year 2023<br/>VND</b> |

Dividends paid:

|   |                      |                    |
|---|----------------------|--------------------|
| Mr Vu The Duc                                 | 582,696,000          | 501,766,000        |
| Mr Nguyen Nam Tien                            | 182,808,000          | 157,418,000        |
| Mr Vu Quoc Bao                                | 129,600,000          | 111,600,000        |
| Mr Nguyen Quoc Huy                            | 39,186,000           | 33,743,500         |
| Ms Phan Phuong Tuyen                          | 7,902,000            | 6,804,500          |
| Ms Le Thi Ngoc Anh                            | 3,942,000            | 3,394,500          |
| Ms Trang Anh Xuan (resigned wef 23 Apr. 2024) | 152,910,000          | 131,672,500        |
| Mr Duong Tran An (appointed on 23 Apr. 2024)  | 22,914,000           | 19,731,500         |
| <b>Total</b>                                  | <b>1,121,958,000</b> | <b>966,130,500</b> |



**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)****8. EVENTS AFTER THE END OF THE REPORTING YEAR**

On 14 January 2025, Vinafreight Joint Stock Company purchased an additional 639,010 shares in the Company, increasing its ownership ratio from 2.13% to 6.65% and becoming a major shareholder. Subsequently, Vinafreight Joint Stock Company continued to acquire more shares in the Company, with the most recent transaction on 21 February 2025, raising its ownership ratio to 8.48%, with a total of 1,199,645 shares held.

According to the Resolution of the Board of Directors No. 140/2025/NQ/VNL-HĐQT dated 25 February 2025, the Company approved the second dividends payment of year 2024 in cash at the rate of 5% on par value of shares (VND 500/share), equivalent to an amount of VND 7,070,243,500. Expected dividend payment date is 03 April 2025.

Apart from the events as above, no other matter or circumstance has arisen since 31 December 2024 that has significantly affected, or may significantly affect the Company's operations, the results of those operations, or the Company's state of affairs in future financial years.

**9. OTHER DISCLOSURES**

On 14 November 2014, the Company signed the business exploitation co-operation contract No. 2391/HĐHT.12 and the Principle Agreement No. 2392/HĐĐB.14 with Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company regarding to relocation compensation project at 145-147 Nguyen Tat Thanh, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City. According to the Contract No. 2391/HĐHT.12, the Company received the profit for business cooperation in advance until 31 July 2029 with the amount of VND 36 billion which were allocated to annual revenue based on the schedule of Official Letter No. 1360/2016/CV/VNL-ADM dated 01 October 2016 and Official Letter No. 420/2021/CV/VNL-ADM dated 01 April 2021. And according to the Contract No. 2392/HĐĐB.14, the Company will hand over the whole property at the office of the Company (including entirely storage system with a total of 9,397.08 m<sup>2</sup> warehouse floor area, office, kitchen, dining hall, entirely field of cement inside the campus and facilities such as lighting system, fire protection system, drainage system, fence, power station presents on the land) to Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company for their management and exploitation. The Company will hand over to Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company entirely property on the land and refuse all the rights and obligations related to assets on the land, including the right of management and exploitation the land when Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company to be approved as the investor of the project granted by the authority department. The relocation of the existing operations of the Company will be implemented at the latest 24 months since the date of this contract.

Up to January 2019, the Company moved its operation to a new business location at No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City and handed over entirely property on the land at No. 145-147 Nguyen Tat Thanh street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City for Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company under the above business co-operation contract.

However, up to now, the above Business co-operation contracts and Principle Agreements have not been liquidated because the People's Committee of Ho Chi Minh City has not yet issued a decision approving the project investment policy and other related decisions at No. 145 – 147 Nguyen Tat Thanh street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City.

Currently, Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company is involved in the criminal case "Truong My Lan and Accomplices," based on Criminal Judgment No. 157/2024/HS-ST dated 11 April 2024, published on the court's electronic portal. In this judgment, the trial panel ruled on the preliminary seizure of the asset land plot No. 1-755, map sheet No. 10, Saigon Khang Hoi, located at 145-147 Nguyen Tat Thanh Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City to secure the compensation obligation of the defendant, Truong My Lan, for the entire case. This applies in the event that the Ho Chi Minh City People's Committee grants the land to Khang Hoi Sugar Joint Stock Company. Alternatively, if the land is not granted, the seizure ensures that the company reimburses the advance compensation for relocation – Refer to Note 4.10 and the unallocated pre-received business cooperation profit – Refer to Note 4.11.



**NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**

**9. OTHER DISCLOSURES (CONTINUED)**

The Company is still working with its partners on the execution of signed contracts and related arising issues.



**Vu Quoc Bao**  
General Director

**Nguyen Anh Nam**  
Chief Accountant

**Le Thi Thanh Thanh**  
Preparer

*Ho Chi Minh City, 21 March 2025*





VINALINK LOGISTICS  
JOINT STOCK COMPANY

No: 195/2025/QD/VNL-ADM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
*Independence – Freedom – Happiness*  
\*\*\*

*Ho Chi Minh City, on 25 March 2025*

## Explanation of differences in business results

*(Attached with Audited Financial Statements for 2024)*

Vinalink Logistics Joint Stock Company would like to explain the differences in the business results in 2024 compared to 2023 as follows:

| Items            | 2024              | 2023            | Difference      | % Increase /decrease |
|------------------|-------------------|-----------------|-----------------|----------------------|
| Net Revenue      | 1.152.738.721.057 | 729.154.403.208 | 423.584.317.849 | 58,09 %              |
| Profit after tax | 45.433.863.603    | 37.313.675.053  | 8.120.188.550   | 21,76 %              |

**Reason:** Due to the market recovery and growth, profit after tax in 2024 has increased compared to 2023. This leads to an increase in operating despite the decrease in profit shared from Joint Venture, Affiliate Company.

Legal representative  
**GENERAL DIRECTOR**



**VU QUOC BAO**



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS

VINALINK

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Số/No: 200/2025/TT/VNL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025  
HCMC, 25/03/2025

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

### V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán *Regarding the approval of the audited 2024 Financial Statements*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

*Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly on June 17, 2020;*

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;

*Pursuant to the Charter of Vinalink Logistics Joint Stock Company;*

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;

*Pursuant to the audited 2024 Financial Statements of Vinalink Logistics Joint Stock Company;*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.

*The Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval of the 2024 Financial Statements audited by RSM Vietnam Auditing & Consulting Co., Ltd.*

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán đã được công bố trên website của Công ty [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com) tại mục Cổ đông vào ngày 25/03/2025.

*The entire content of the audited 2024 Financial Statements has been published on the Company's website [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com) in the Shareholders section on 25/03/2025.*



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

*Respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**O/B THE BOARD OF DIRECTORS**  
**CHỦ TỊCH**  
**CHAIRMAN**



**Nguyễn Nam Tiến**



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS

VINALINK

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Số/No: 201/2025/TTr/VNL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2025  
HCMC, 05/03/2025

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

### V/v thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 Regarding the approval of the 2024 profit distribution plan

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly on June 17, 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;

Pursuant to the Charter of Vinalink Logistics Joint Stock Company;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Pursuant to the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;

Pursuant to the Audited Financial Report of 2024 of Vinalink Logistics Joint Stock Company;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2024 của Công ty như sau:

The Board of Directors respectfully presents to the General Meeting of Shareholders the proposal for the distribution of profits and the allocation of funds from the 2024 profits of the Company as follows:

| STT<br>No | Nội dung<br>Content   | ĐVT<br>Unit | Số tiền<br>Amount | Ghi chú<br>Note |
|-----------|---|-------------|-------------------|-----------------|
| 1         | Lợi nhuận sau thuế năm 2024<br>After-Tax Profit for 2024  | VND         | 45.433.863.603    |                 |
| 2         | Phân phối lợi nhuận năm 2024<br>Profit Distribution 2024  |             |                   |                 |
| 2.1       | Chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông (15%).<br>Cash dividend payment to shareholders (15%).<br>Trong đó / In which:<br>1. Đã chi 2 đợt (10%).<br>Dividends paid twice (10%). | VND         | 14.140.487.000    |                 |

Trụ sở chính: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam - ĐT: 028 3991 9259

Email: [headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com) - Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)

|     |   |     |                |  |
|-----|---|-----|----------------|--|
|     | 2. Còn chi tiếp (5%)<br><i>To be paid further (5%)</i>  |     | 7.070.243.500  |  |
| 2.2 | Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát<br><i>Extract from operating budget of the Board of Directors and the Board of Supervisors</i> | VND | 1.363.000.000  |  |
| 3   | Lợi nhuận còn lại sau phân phối<br><i>Remaining profit after distribution</i>   | VND | 22.860.133.103 |  |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

*Respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**O/B THE BOARD OF DIRECTORS**  
**CHỦ TỊCH**  
**CHAIRMAN**



**Nguyễn Nam Tiến**





CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS

VINALINK

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Số/No: 202 /2025/TTr/VNL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025  
HCMC, 25/03/2025

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

### Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 Operating Budget of the Board of Directors and Supervisory Board in 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

*According to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 approved by the National Assembly on June 17, 2020;*

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;

*According to the Charter of Vinalink Logistics Joint Stock Company;*

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;

*According to the Operational Regulations of the Board of Directors of Vinalink Logistics Joint Stock Company;*

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;

*According to the Operational Regulations of the Board of Supervisors of Vinalink Logistics Joint Stock Company;*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc thành lập Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

*The Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval of the establishment of the operational fund for the Board of Directors and the Supervisory Board as follows:*

1. Nội dung chi: Thành viên Hội đồng quản trị bán chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc và tiền thưởng được tính trên cơ sở công việc, nhiệm vụ của mỗi thành viên. Hội đồng quản trị quyết định mức thù lao và tiền thưởng (nếu có) cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Số chi thù lao và tiền thưởng (nếu có) được tính và chi trong phạm vi Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định.

**Expenditure Content:** *Members of the Board of Directors who are partially employed and members of the Supervisory Board are entitled to remuneration and bonuses. The remuneration and bonuses are calculated based on the work and tasks of each member. The Board of Directors decides the level of remuneration and*

*bonuses (if any) for each member based on consensus. The total expenditure on remuneration and bonuses (if any) will be calculated and disbursed within the operational fund of the Board of Directors and the Supervisory Board as determined by the annual General Meeting of Shareholders.*

Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (nếu có) không hưởng thù lao theo quy định trên mà hưởng mức lương phù hợp theo Thang bảng lương của Công ty. Mức lương cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định.

*Members of the Board of Directors who are fully employed (if any) shall not receive remuneration as above but will receive a suitable salary according to the Company's salary scale. The specific salary level is decided by the Board of Directors.*

3. Mức chi: Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 được trích và chi không quá 3% tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm.

***Expenditure Level:*** *The operational fund for the Board of Directors and the Supervisory Board for 2025 shall be allocated and spent at no more than 3% of the Company's total after-tax profit for the year.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

*Respectfully submitted to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**O/B THE BOARD OF DIRECTORS**  
**CHỦ TỊCH**  
**CHAIRMAN**



**Nguyễn Nam Tiến**





**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS**  
**VINALINK**  
VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Số/No: 08 /2025/TTr/VNL-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
*Independence - Freedom – Happiness*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025  
HCMC, 25/03 /2025

## **TỜ TRÌNH** **PROPOSAL**

**V/v ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán**

**Báo cáo tài chính năm 2025**

***Regarding the authorization of the Board of Directors to select the auditing unit  
2025 Financial Statements***

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*According to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 approved by the National Assembly on June 17, 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;*

*According to the Charter of Vinalink Logistics Joint Stock Company;*

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét báo Báo tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

*The Supervisory Board respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval the plan to select an independent audit unit to audit and review the Company's financial report in 2025 as follows:*

- Việc lựa chọn công ty kiểm toán của Vinalink phải thỏa mãn các điều kiện sau:  
*The selection of Vinalink's auditing company must satisfy the following conditions:*

- Được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán.  
*Approved by the SSC for auditing for issuers, listed organizations and securities trading organizations.*

- Có danh tiếng và uy tín để tăng cường mức độ tín nhiệm và tin tưởng đối với người đọc báo cáo tài chính của Vinalink, đặc biệt đối với các đối tác là tổ chức trong và ngoài nước.  
*Having a reputation and prestige to enhance the level of credibility and trust among readers of Vinalink's financial statements, especially for domestic and foreign institutional partners.*



- Hoàn thành báo cáo kiểm toán năm chậm nhất vào ngày 15/03 của năm tài chính tiếp theo và báo cáo soát xét trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày kết thúc Quý 2 hàng năm.

*Complete the annual audit report no later than March 15 of the next fiscal year and the review report within 45 days from the end of the 2nd quarter of each year.*

- Chi phí kiểm toán hợp lý.

*Reasonable audit costs.*

- Nhằm lựa chọn công ty kiểm toán đáp ứng các yêu cầu trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các công ty kiểm toán sau đây để thực hiện việc kiểm toán / soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trong năm tài chính 2024:

*In order to select an auditing company that meets the above requirements, we respectfully submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval the authorization for the Board of Directors to select from the following auditing companies to conduct the audit / review of the Financial Statements of Vinalink Logistics Joint Stock Company in the fiscal year 2024:*

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam

*RSM Vietnam Auditing & Consulting Limited*

Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Address: 5th Floor, Saigon 3 Building, 140 Nguyen Van Thu, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam*

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

*A&C Auditing & Consulting Limited*

Địa chỉ: 2 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Address: 2 Truong Son, Ward 2, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam*

3. Công Ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam

*AFC Vietnam Auditing Limited*

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*Address: 2nd Floor, Indochina Building, No. 4 Nguyen Dinh Chieu, 2nd Floor, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

*Respectfully submitted to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.*

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**O/B SUPERVISORY BOARD**

**TRƯỞNG BAN**  
**HEAD OF SUPERVISORY BOARD**



**Phan Phương Tuyền**



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS

VINALINK

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Số/No: 24 /2025/TTr/VNL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025  
HCMC, 25/03 /2025

## TỜ TRÌNH PROPOSAL

### Về giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan *Regarding transactions between the Company and related parties*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

*Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly on June 17, 2020;*

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

*Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly on November 26, 2019;*

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

*Pursuant to Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities;*

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;

*Pursuant to the Charter of Vinalink Logistics Joint Stock Company;*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung quy định về giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

*The Board of Directors respectfully presents to the General Assembly of Shareholders for approval the provisions regarding transactions between the Company and related parties as follows*

- Phê duyệt các giao dịch nội bộ (sau đây được gọi là Các giao dịch liên quan), bao gồm nhưng không giới hạn các giao dịch được liệt kê dưới đây giữa Công ty với các bên có liên quan của Công ty (bao gồm công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, cổ đông lớn, công ty con của công ty mẹ) với giá trị mỗi giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo luật định, với điều kiện các giao dịch đó được thực hiện trên cơ sở công bằng, và các điều khoản của giao dịch không bất lợi hơn các điều khoản tương tự do các đối tác độc lập khác đề xuất.

*Approve internal transactions (hereinafter referred to as Related Party*



*Transactions), including but not limited to the transactions listed below between the Company and its related parties (including the parent company, subsidiary companies, affiliated companies, major shareholders, and subsidiaries of the parent company), with the value of each transaction falling within the decision-making authority of the General Assembly of Shareholders as prescribed by law, provided that such transactions are conducted on a fair basis and the terms of the transaction are not less favorable than the corresponding terms proposed by independent counterparties.*

| <b>STT<br/>No</b> | <b>Tên công ty<br/>Name of Company</b>                    | <b>Quan hệ<br/>Correlative</b>                     |
|-------------------|---|--|
| 1                 | Công ty TNHH RCL (Việt Nam)                               | Công ty liên doanh<br><i>Joint venture company</i> |
| 2                 | Công ty TNHH Dịch vụ Đại lý Vận chuyển (FC Vietnam)       | Công ty liên doanh<br><i>Joint venture company</i> |
| 3                 | Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)             | Công ty liên doanh<br><i>Joint venture company</i> |
| 4                 | Công ty TNHH Điều hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM) | Công ty liên doanh<br><i>Joint venture company</i> |
| 5                 | CTCP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Danang)      | Công ty liên kết<br><i>Affiliated companies</i>    |
| 6                 | CTCP Logistics Kim Thành                                  | Công ty liên kết<br><i>Affiliated companies</i>    |
| 7                 | CTCP Vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport)             | Công ty liên kết<br><i>Affiliated companies</i>    |
| 8                 | CTCP Vinafreight  | Cổ đông lớn<br><i>Major Shareholders</i>           |
| 9                 | Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans (V Truck)        | Công ty liên kết<br><i>Affiliated companies</i>    |

- Nội dung các giao dịch:

*The content of the transactions:*

- Các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ.  
*Transactions of purchase and sale of goods and services.*
- Các giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố và thế chấp trên cơ sở tối ưu hóa dòng tiền và các hoạt động tài chính của các bên.  
*Loan, lending, guarantee, pledge and mortgage transactions based on optimizing cash flow and financial activities of the parties.*

- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc:

*Authorize the Chairman of the Board of Directors or CEO:*

- Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các giao dịch liên quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các giao dịch liên quan.  
*Decide on the specific terms and conditions of the Related Transactions*

*and the contracts, agreements, documents relating to the Related Transactions.*

- Ký kết và thực hiện Các giao dịch liên quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các giao dịch liên quan.  
*Enter into and execute the relevant Transactions and contracts, agreements and documents relating to the relevant Transactions.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

*Respectfully submitted to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**O/B THE BOARD OF DIRECTORS**  
**CHỦ TỊCH**  
**CHAIRMAN**



**Nguyễn Nam Tiên**



**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS**  
**VINALINK**  
VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom – Happiness**

Số/No: /2025/NQ/VNL-  
ĐHĐCĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025  
HCMC, 17th April 2025

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**  
**DRAFT RESOLUTION**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 26 - NĂM 2025**  
**THE 26TH ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS - 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**  
**VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

*Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly on June 17, 2020;*

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;

*Pursuant to the Charter of Vinalink Logistics Joint Stock Company;*

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 26 ngày 17/04/2025;

*Minutes of the 26th Annual General Meeting of Shareholders on April 17, 2025;*

**QUYẾT NGHỊ**  
**RESOLUTION**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

**Article 1:** *Approval of the Board of Directors' Report on business performance in 2024 and business plan in 2025 with the following main targets:*

**Kết quả kinh doanh năm 2024:**

**Business results in 2024:**

|                           |               |                     |
|---------------------------|---------------|---------------------|
| – Tổng Doanh thu:         | 1.152         | tỷ VND.             |
| <i>Total revenue:</i>     | <i>1,152</i>  | <i>billion VND.</i> |
| – Lãi trước thuế:         | 59.324        | tỷ VND.             |
| <i>Profit before tax:</i> | <i>59,324</i> | <i>billion VND.</i> |

**Kế hoạch năm 2025:**

**Business plan in 2025:**

|                       |              |                     |
|-----------------------|--------------|---------------------|
| – Tổng Doanh thu:     | 1.200        | tỷ VND.             |
| <i>Total revenue:</i> | <i>1,200</i> | <i>billion VND.</i> |

Trụ sở chính: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam - ĐT: 028 3991 9259  
Email: [headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com) - Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)



|                           |       |                     |
|---------------------------|-------|---------------------|
| – Lãi trước thuế:         | 64    | tỷ VND.             |
| <i>Profit before tax:</i> | 64    | <i>billion VND.</i> |
| – Cổ tức :                | 1.500 | VND / cổ phần.      |
| <i>Dividend:</i>          | 1,500 | <i>VND / share.</i> |

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tính toán giao cụ thể kế hoạch kinh doanh chi tiết và xem xét điều chỉnh (nếu cần thiết) cho phù hợp với diễn biến tình hình thực tế.

*Authorize the Board of Directors to calculate and assign specific detailed business plans and consider adjustments (if necessary) to suit the actual situation.*

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025.

**Article 2:** *Approval of the Board of Directors' Report for 2024 and directions, tasks for 2025.*

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

**Article 3:** *Approval of the Board of Supervisors' Report at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.*

**Điều 4:** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

**Article 4:** *Approval of the audited 2024 Financial Report.*

**Điều 5:** Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

**Article 5:** *Approval of the 2024 Profit Distribution Plan Proposal as follows:*

| STT<br>No | Nội dung<br><i>Content</i>  | ĐVT<br><i>Unit</i> | Số tiền<br><i>Amount</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|-----------|---|--------------------|--------------------------|------------------------|
| 1         | Lợi nhuận sau thuế năm 2024<br><i>After-Tax Profit for 2024</i>   | VND                | 45.433.863.603           |                        |
| 2         | Phân phối lợi nhuận năm 2024<br><i>Profit Distribution 2024</i>   | VND                |                          |                        |
| 2.1       | Chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông (15%).<br>Cash dividend payment to shareholders (15%).:   |                    |                          |                        |
|           | Trong đó / In which:  |                    |                          |                        |
|           | 1. Đã chi 2 đợt (10%).<br><i>Dividends paid twice (10%).</i>  | VND                | 14.140.487.000           |                        |
|           | 2. Còn chi tiếp (5%)<br><i>To be paid further (5%)</i>  | VND                | 7.070.243.500            |                        |
| 2.2       | Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát<br><i>Extract from operating budget of the Board of Directors and the Board of Supervisors</i> | VND                | 1.363.000.000            |                        |
| 3         | Lợi nhuận còn lại sau phân phối<br><i>Remaining profit after distribution</i>   | VND                | 22.860.133.103           |                        |

**Điều 6:** Thông qua Tờ trình quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025.

**Article 6:** *Approval of the 2025 Board of Directors and Supervisory Board's Operational Budget Proposal.*

**Điều 7:** Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập phù hợp cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2025 trong số 3 công ty kiểm toán sau đây:

**Article 7:** *Approval of the authorization for the Board of Directors to select a suitable independent auditing company to provide auditing and review services for the Company's financial statements in fiscal year 2025 from among the following 3 auditing companies:*

**1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam**

*RSM Vietnam Auditing & Consulting Limited*

Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Address: 5th Floor, Saigon 3 Building, 140 Nguyen Van Thu, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam*

**2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

*A&C Auditing & Consulting Limited*

Địa chỉ: 2 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Address: 2 Truong Son, Ward 2, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam*

**3. Công Ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam**

*AFC Vietnam Auditing Limited*

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*Address: 2nd Floor, Indochina Building, No. 4 Nguyen Dinh Chieu, 2nd Floor, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

**Điều 8:** Thông qua các nội dung quy định về giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

**Article 8:** *Approval of Regulations on Transactions Between the Company and Related Parties as Follows:*

- Phê duyệt các giao dịch nội bộ (sau đây được gọi là Các giao dịch liên quan), bao gồm nhưng không giới hạn các giao dịch được liệt kê dưới đây giữa Công ty với các bên có liên quan của Công ty (bao gồm công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, cổ đông lớn, công ty con của công ty mẹ) với giá trị mỗi giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo luật định, với điều kiện các giao dịch đó được thực hiện trên cơ sở công bằng, và các điều khoản của giao dịch không bất lợi hơn các điều khoản tương tự do các đối tác độc lập khác đề xuất.

*Approval of internal transactions (hereafter referred to as Related Transactions), including but not limited to the following transactions between the Company and its related parties (including the parent company, subsidiaries, affiliated companies, major shareholders, and subsidiaries of the parent company). Each transaction's*

Trụ sở chính: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM, Việt Nam - ĐT: 028 3991 9259

Email: [headoffice@vinalinklogistics.com](mailto:headoffice@vinalinklogistics.com) - Website: [www.vinalinklogistics.com](http://www.vinalinklogistics.com)



value is subject to the authority of the General Meeting of Shareholders in accordance with the law, provided that these transactions are conducted on a fair basis, and the terms of the transaction are no more unfavorable than similar terms proposed by independent partners.

| STT<br>No | Tên công ty<br><i>Name of Company</i>                     | Quan hệ<br><i>Correlative</i>                      |
|-----------|---|--|
| 1         | Công ty TNHH RCL (Việt Nam)                               | Công ty liên doanh<br><i>Joint venture company</i> |
| 2         | Công ty TNHH Dịch vụ Đại lý Vận chuyển (FC Vietnam)       | Công ty liên doanh<br><i>Joint venture company</i> |
| 3         | Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)             | Công ty liên doanh<br><i>Joint venture company</i> |
| 4         | Công ty TNHH Điều hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM) | Công ty liên doanh<br><i>Joint venture company</i> |
| 5         | CTCP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Danang)      | Công ty liên kết<br><i>Affiliated companies</i>    |
| 6         | CTCP Logistics Kim Thành                                  | Công ty liên kết<br><i>Affiliated companies</i>    |
| 7         | CTCP Vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport)             | Công ty liên kết<br><i>Affiliated companies</i>    |
| 8         | CTCP Vinafreight  | Cổ đông lớn<br><i>Major Shareholders</i>           |
| 9         | Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans (V Truck)        | Công ty liên kết<br><i>Affiliated companies</i>    |

- Nội dung các giao dịch:

*Content of Transactions:*

- Các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ.  
*Transactions involving the buying and selling of goods and services.*
- Các giao dịch vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố và thế chấp trên cơ sở tối ưu hóa dòng tiền và các hoạt động tài chính của các bên.  
*Transactions concerning borrowing, lending, guarantees, pledges, and mortgages based on optimizing cash flow and financial activities of the parties involved.*

- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc:

*Authorization for the Chairman of the Board of Directors or CEO:*

- Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các giao dịch liên quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các giao dịch liên quan.  
*To decide on the specific terms and conditions of Related Transactions and any contracts, agreements, or documents related to those transactions.*
- Ký kết và thực hiện Các giao dịch liên quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các giao dịch liên quan.  
*To sign and execute Related Transactions and any contracts, agreements, or documents associated with those transactions.*



**Điều 9:** Thông qua việc rà soát và đánh giá hoạt động của các công ty liên doanh liên kết, phối hợp với các đối tác nâng cao hiệu quả quản trị và đầu tư, xem xét thoái vốn hoặc tăng vốn, đầu tư mới ở những dự án cụ thể khi có nhu cầu để tăng hiệu quả sử dụng vốn cho Công ty. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động xem xét quyết định theo các phương thức phù hợp đảm bảo có lợi nhất cho Công ty.

**Article 9:** *Approval of the review and assessment of the activities of joint venture and affiliated companies, cooperating with partners to enhance governance and investment efficiency. The Board will consider divesting or increasing capital, as well as new investments in specific projects as needed to optimize the Company's capital utilization. The Board of Directors is authorized to proactively review and decide on methods that ensure the best interests of the Company.*

**Điều 10:** Nghị quyết này đã được các cổ đông đại diện cho ..... cổ phần (chiếm tỷ lệ .....% số đại diện cổ phần dự họp và biểu quyết) thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 26 của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink và có hiệu lực kể từ ngày 17/04/2025.

**Article 10:** *This resolution has been approved by shareholders representing ..... shares (accounting for .....% of the shares represented at the meeting and voting) at the 26th Annual General Meeting of Shareholders of Vinalink Logistics Joint Stock Company and takes effect from April 17, 2025.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**ON BEHAFL OF THE GENERAL MEETING OF**  
**SHAREHOLDERS**

**CHỦ TỌA**  
**THE MEETING CHAIRPERSON**